

Số: 106 /QĐ-UBND

Đắk Nông, ngày 03 tháng 02 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành thiết kế mẫu - thiết kế điển hình đối với các dự án được áp dụng cơ chế đặc thù thuộc chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Đắk Nông

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ ban hành quy chế quản lý, điều hành thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 100/TTr-SXD ngày 18 tháng 01 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành thiết kế mẫu - thiết kế điển hình đối với các dự án được áp dụng cơ chế đặc thù thuộc chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Đắk Nông chi tiết theo phụ lục kèm theo.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành, các tổ chức chính trị - xã hội; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Đắk Nông; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh(b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, NTNMT, KGVX, KT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Văn Chiến

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
-----o0o-----

THIẾT KẾ MẪU – THIẾT KẾ ĐIỂN HÌNH

DÀNH CHO CÁC DỰ ÁN ÁP DỤNG CƠ CHẾ ĐẶC THÙ THUỘC
CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH
ĐẮK NÔNG

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 106 /QĐ-UBND ngày 05/02/2023 của UBND
tỉnh Đắk Nông)*

Năm 2023



PHẦN THUYẾT MINH

A. CƠ SỞ THIẾT KẾ:

Quy chuẩn, tiêu chuẩn áp dụng trong quá trình thiết kế:

- Quy chuẩn Quy chuẩn xây dựng Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 682/BXD-CSXD ngày 14/12/1996 và Quyết định số 439/BXD-CSXD ngày 25/9/1997 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng;
- Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 4319-2012: Nhà và Công trình công cộng - Nguyên tắc cơ bản để thiết kế;
- Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 9362:2012 – Tiêu chuẩn thiết kế nền nhà và công trình;
- Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 10380:2014 Đường giao thông nông thôn
- Yêu cầu thiết kế;
- Quy phạm thiết kế nền các công trình thủy công TCVN 4253:2013;
- Căn cứ Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 4118-2012 “Hệ thống kênh tưới, tiêu chuẩn thiết kế kênh”;

Và các quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành khác có liên quan.

B. PHẠM VI ÁP DỤNG:

1. Đối với các công trình giao thông:

- Các thiết kế mẫu, thiết kế điển hình chỉ áp dụng đối với các công trình giao thông có quy mô nhỏ (*từ đường giao thông nông thôn cấp A trở xuống và có tổng mức đầu tư không quá 05 tỷ đồng*) và có kỹ thuật thi công đơn giản (*công trình chủ yếu đầu tư xây dựng phần móng, mặt đường trên cơ sở nền đường hiện trạng đang khai thác, sử dụng, đã cơ bản đảm bảo các chỉ tiêu kỹ thuật của cấp đường về các yếu tố: Bề rộng nền đường, độ dốc dọc tối đa, bán kính tối thiểu đường cong đứng, cong nằm*).

- Đối với các công trình xây dựng theo tuyến mới, chiều cao đào, đắp lớn; công trình có đầu tư cầu, cống thoát nước có khẩu độ $D > 100\text{cm}$; công trình đi qua vùng địa chất yếu, phải xử lý nước ngầm,... thì thực hiện công tác khảo sát, thiết kế tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật hiện hành được áp dụng để có cơ sở tổ chức thi công xây dựng theo quy định.

2. Đối với công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn:

- Các thiết kế mẫu, thiết kế điển hình áp dụng đối với các công trình kênh mương nội đồng có quy mô nhỏ (*có tổng mức đầu tư không quá 05 tỷ đồng*) và có kỹ thuật thi công đơn giản.

3. Đối với các hạng mục phụ trợ công trình dân dụng và hạ tầng kỹ thuật:

- Các thiết kế mẫu, thiết kế điển hình các hạng mục phụ trợ công trình dân dụng & công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật bao gồm:

+ Nhà bảo vệ: Nhà cấp IV, diện tích xây dựng 9m^2 ; kết cấu móng đá hộc vữa xi măng mác 75, trụ xây gạch, dầm giằng, lanh tô bê tông cốt thép đá 1×2 mác 200; tường xây gạch vữa xi măng mác 75; trần tôn lạnh, đà trần thép hộp, tường thu hồi xây gạch, mái lợp tôn sóng vuông dày $0,4\text{mm}$; bả mastic, sơn nước hoàn thiện tường trong, tường ngoài công trình; hệ thống cửa đi, cửa sổ khung nhôm - kính dày 5mm ; nền lát gạch ceramic 400×400 ; hệ thống cấp

điện công trình.

+ Nhà vệ sinh trường học: Nhà cấp IV, diện tích xây dựng 36m²; kết cấu móng đá học vữa xi măng mác 75, trụ xây gạch, dầm giằng, lanh tô, đan rửa tay, đan bồn tiểu bê tông cốt thép đá 1x2 mác 200; tường xây gạch vữa xi măng mác 75; tường thu hồi xây gạch vữa xi măng mác 75, xà gồ thép hộp, mái lợp tôn sóng vuông dày 0,4mm; bả mastic, sơn nước hoàn thiện tường trong, tường ngoài công trình; hệ thống cửa đi, cửa sổ khung nhôm kính dày 5mm; sàn lát gạch ceramic 300x300 chống trượt, tường ốp gạch ceramic 300x600; hệ thống cấp điện công trình; hệ thống cấp điện, cấp thoát nước, bể tự hoại, giếng thăm công trình.

Nhà vệ sinh trường tiểu học, trung học tính toán cho quy mô bình quân 30HS/1 chỗ xí + 1 chỗ tiểu + 1 rửa. Vì vậy căn cứ vào số lượng học sinh thực tế của trường, chủ đầu tư điều chỉnh diện tích, số lượng thiết bị vệ sinh cho phù hợp.

+ Nhà vệ sinh cấp xã: Nhà cấp IV, diện tích xây dựng 24,5m²; kết cấu móng đá học vữa xi măng mác 75, dầm giằng, lanh tô bê tông cốt thép đá 1x2 mác 200; tường xây gạch vữa xi măng mác 75; tường thu hồi xây gạch vữa xi măng mác 75, xà gồ thép hộp, mái lợp tôn sóng vuông dày 0,4mm; bả mastic, sơn nước hoàn thiện tường trong, tường ngoài công trình; hệ thống cửa đi, cửa sổ bằng nhôm kính dày 5mm; nền lát gạch ceramic 300x300 chống trượt, tường ốp gạch ceramic 300x600; hệ thống cấp điện công trình; hệ thống cấp điện, cấp thoát nước.

+ Nhà vệ sinh cấp thôn, buôn, bon: Nhà cấp IV, diện tích xây dựng 5,6m²; kết cấu móng đá học vữa xi măng mác 75, dầm giằng, lanh tô bê tông cốt thép đá 1x2 mác 200; tường xây gạch vữa xi măng mác 75; tường thu hồi xây gạch vữa xi măng mác 75, xà gồ thép hộp, mái lợp tôn sóng vuông dày 0,4mm; bả mastic, sơn nước hoàn thiện tường trong, tường ngoài công trình; hệ thống cửa đi, cửa sổ bằng nhôm kính dày 5mm; nền lát gạch ceramic 300x300 chống trượt, tường ốp gạch ceramic 300x600; hệ thống cấp điện công trình; hệ thống cấp điện, cấp thoát nước.

+ Cổng - tường rào: Cổng trụ bê tông cốt thép, cổng trụ thép hình; tường rào xây gạch, tường rào sắt thoáng, tường rào lưới B40.

+ Sân bê tông: Sân bê tông lót đá 4x6 mác 50 dày 100, lớp bê tông đá 1x2 mác 200 dày 70 kê roon chống nứt.

+ Sân lát gạch terrazzo: Sân bê tông lót đá 4x6 mác 50 dày 100, lớp vữa lót dày 2cm lát gạch terrazzo 300x300.

+ Sân thể thao ngoài trời cho hoạt động thể thao phong trào: Sân cầu long, sân bóng chuyền, sân bóng đá.

Phạm vi áp dụng: Các hạng mục thiết kế mẫu được áp dụng cho cho các dự án thuộc danh mục loại dự án được áp dụng cơ chế đặc thù thuộc Chương trình MTQG phê duyệt tại Quyết định số Quyết định số 1703/QĐ-UBND ngày 18/10/2022 của UBND tỉnh Đắk Nông, các hạng mục phụ trợ gồm: Nhà bảo vệ, nhà vệ sinh, cổng - tường rào, sân bê tông, sân lát gạch terrazzo, sân thể thao ngoài trời cho hoạt động thể thao phong trào, bể tự hoại, giếng thăm công trình.

- Các thiết kế mẫu hạng mục phục trợ công trình được thiết kế với chức năng phù hợp với các yêu cầu sử dụng chính, công trình cấp IV, quy mô nhỏ, kỹ thuật thi công đơn giản. Đối với từng thời điểm và địa hình, địa chất xây dựng công trình cụ thể, chủ đầu tư và UBND các huyện, thành phố xem xét điều chỉnh phương thiết kế phần móng (*dưới cost +0.00*) cho phù hợp với thực tế.

C. TỔ CHỨC THỰC HIỆN:

1. Các Sở: Xây dựng, Giao thông vận tải, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Theo dõi việc áp dụng các Thiết kế mẫu - thiết kế điển hình được ban hành theo quyết định này; chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan tham mưu cho UBND tỉnh điều chỉnh, bổ sung các nội dung có liên quan trong tập Thiết kế mẫu - thiết kế điển hình cho phù hợp với tình hình thực tế địa phương và quy định hiện hành.

2. Văn phòng Điều phối chương trình mục tiêu Quốc gia: Công bố thiết kế điển hình này trên cổng thông tin điện tử về chương trình mục tiêu Quốc gia của tỉnh. Theo dõi việc áp dụng Thiết kế mẫu - thiết kế điển hình của các địa phương; tổng hợp báo cáo UBND tỉnh về việc áp dụng Thiết kế điển hình và các vấn đề phát sinh trong quá trình áp dụng.

3. UBND các huyện, thành phố Gia Nghĩa:

- Triển khai thực hiện áp dụng Thiết kế mẫu - thiết kế điển hình đối với một số công trình dự án xây dựng thuộc các công trình mục tiêu quốc gia tại địa phương. Thường xuyên kiểm tra việc áp dụng Thiết kế điển hình này trên địa bàn.

- Định kỳ trước ngày 15/6 và 15/12 hàng năm, tổng hợp báo cáo tình hình thực hiện về Sở Xây dựng và Văn phòng Điều phối chương trình mục tiêu Quốc gia tỉnh Đắk Nông, Ban chỉ đạo Chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh Đắk Nông.

4. Các chủ đầu tư:

- Khi lập hồ sơ xây dựng công trình phải tuân thủ thiết kế điển hình, suất đầu tư (*quy mô diện tích, hình dáng kiến trúc, bước cột, chiều cao công trình, giải pháp kết cấu và vật liệu chủ yếu sử dụng*). Các chi tiết kiến trúc, kết cấu công trình khác với Thiết kế điển hình, chủ đầu tư thống nhất với đơn vị sử dụng áp dụng cho phù hợp với từng công trình cụ thể.

- Ngoài ra các mẫu thiết kế nêu trên, các chủ đầu tư có thể áp dụng các thiết kế sẵn tương ứng với các loại công trình nêu trên, đã được phê duyệt và triển khai thi công trên địa bàn huyện, thành phố đảm bảo theo quy chuẩn, tiêu chuẩn thiết kế hiện hành.



ĐẮK NÔNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

THIẾT KẾ MẪU - THIẾT KẾ ĐIỂN HÌNH

DÀNH CHO CÁC DỰ ÁN ĐƯỢC ÁP DỤNG CƠ CHẾ ĐẶC THÙ THUỘC CHƯƠNG TRÌNH

MỤC TIÊU QUỐC GIA TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐẮK NÔNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1005/QĐ-UBND ngày 03/02/2023 của UBND tỉnh Đắk Nông)

ĐẮK NÔNG 2023



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

THIỆT KẾ MẪU MẪU ĐƯỜNG GIAO THÔNG NÔNG THÔN

ĐẮK NÔNG 2023

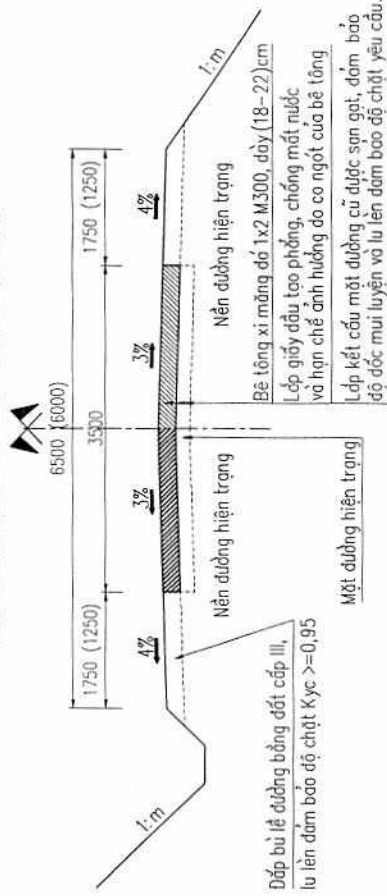


I. ĐƯỜNG GIAO THÔNG NÔNG THÔN CẤP A:

TRƯỜNG HỢP 1: Trên cơ sở đường hiện trạng đang khai thác, sử dụng, đã cơ bản đảm bảo các chỉ tiêu kỹ thuật của cấp đường về các yếu tố hình học (bề rộng nền đường, độ dốc dọc tối đa, bán kính tối thiểu đường cong đứng, đường cong nằm), tiến dụng lại kết cấu mặt đường cũ cơ bản đảm bảo ổn định làm lớp móng (kết cấu mặt đường cũ trước đây đã được gia cố bằng cấp phối đá dăm; đất gia cố vôi, xi măng; cấp phối thiên nhiên; gạch vỡ, đá thải trộn đất ...) và chỉ đầu tư phần mặt đường.

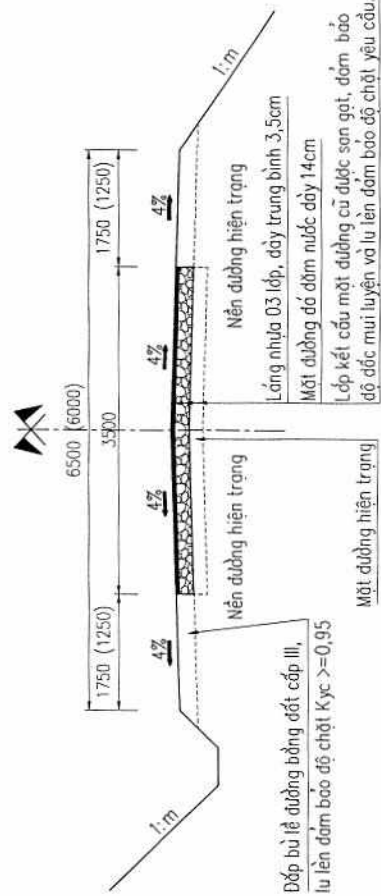
MẶT ĐƯỜNG BÊ TÔNG XI MĂNG

(Mặt cắt ngang điển hình đoạn trong đường thẳng)



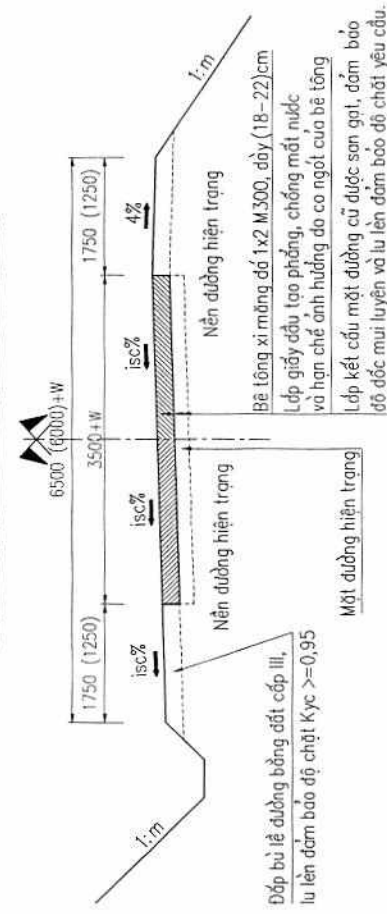
MẶT ĐƯỜNG ĐÁ ĐÀM NƯỚC LÁNG NHỰA

(Mặt cắt ngang điển hình đoạn trong đường thẳng)



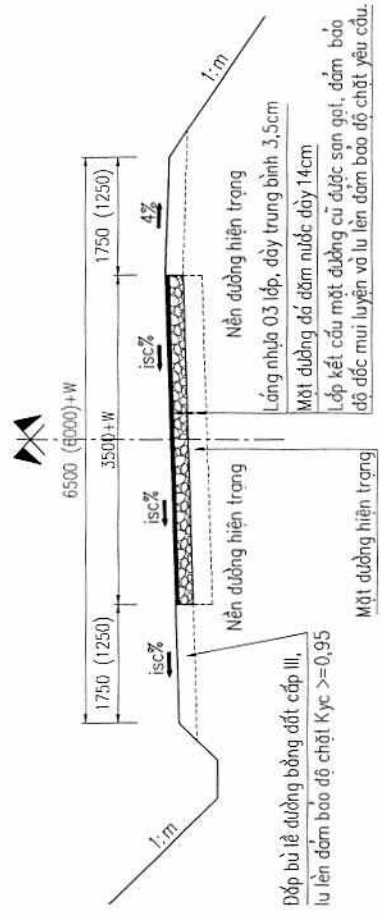
MẶT ĐƯỜNG BÊ TÔNG XI MĂNG

(Mặt cắt ngang điển hình đoạn trong đường cong)



MẶT ĐƯỜNG ĐÁ ĐÀM NƯỚC LÁNG NHỰA

(Mặt cắt ngang điển hình đoạn trong đường cong)

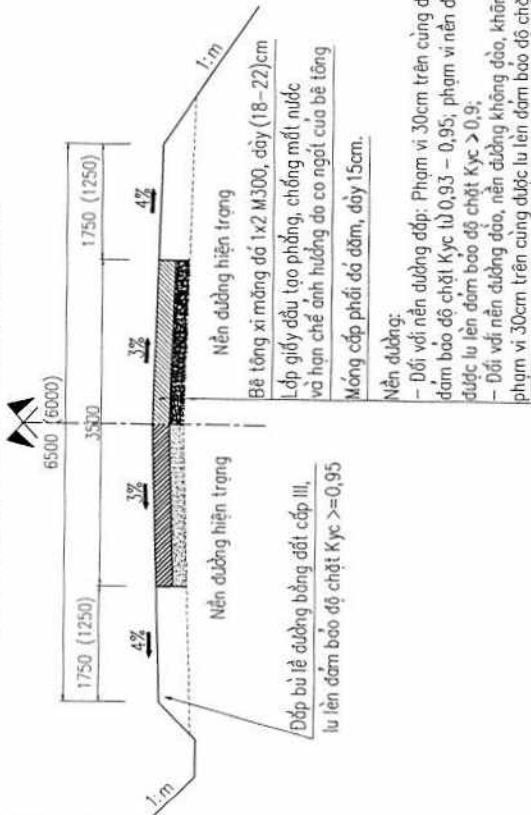


Ghi chú:

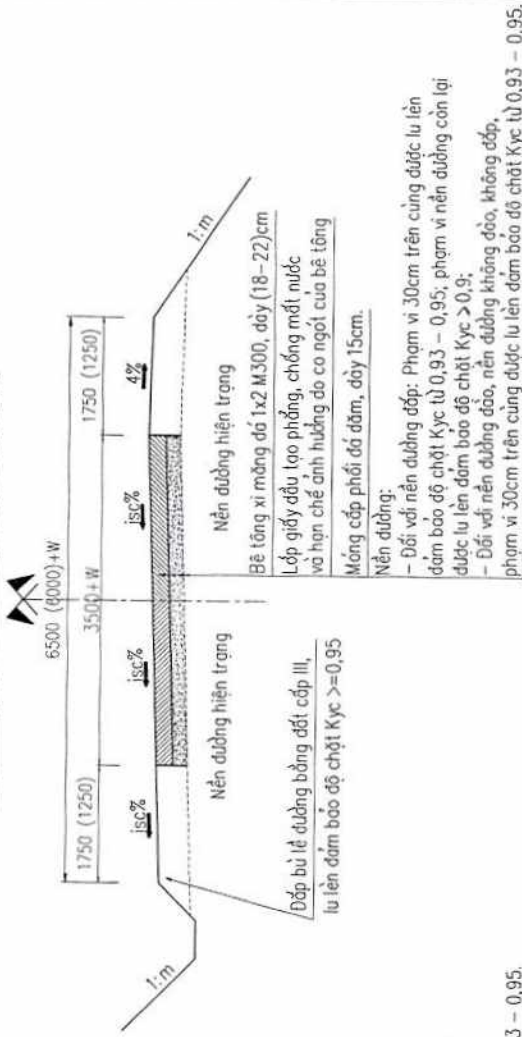
- + Đối với mặt đường đá đầm nước láng nhựa, cần bố trí rãnh xương cá trên phần lề đường để nước trong móng đường có thể thoát ra ngoài. Khoảng cách rãnh xương cá thường là 50m được bố trí so le về hai phía dọc theo tim đường, vật liệu rãnh xương cá thường dùng đá 4x6, 2x4, 1x2 (sắp xếp dạng tầng lọc ngược, đảm bảo thoát nước, không bị đất làm tắc rãnh).
- + Đơn vị ghi trong bản vẽ là mm.

TRƯỜNG HỢP 2: Nền đường hiện hữu là đường đất, phải đắp tư phần móng, mặt đường;

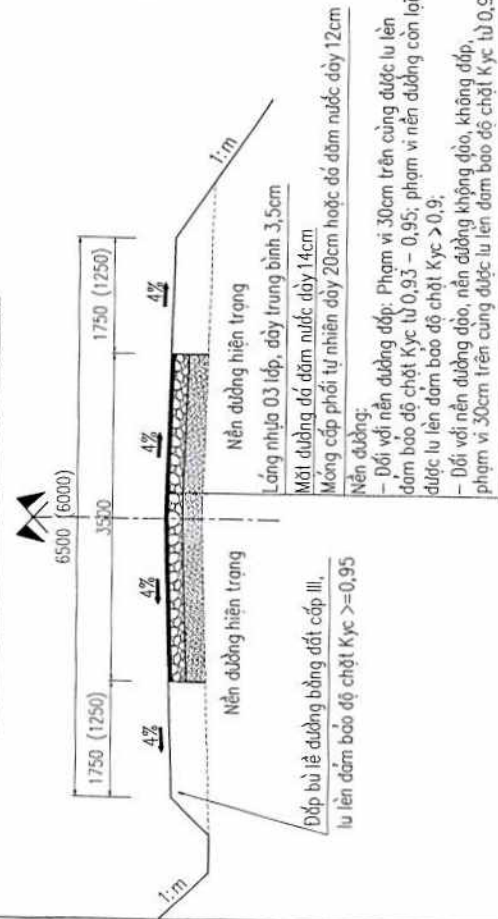
MẶT ĐƯỜNG BÊ TÔNG XI MĂNG
(Mặt cắt ngang điển hình đoạn trong đường thẳng)



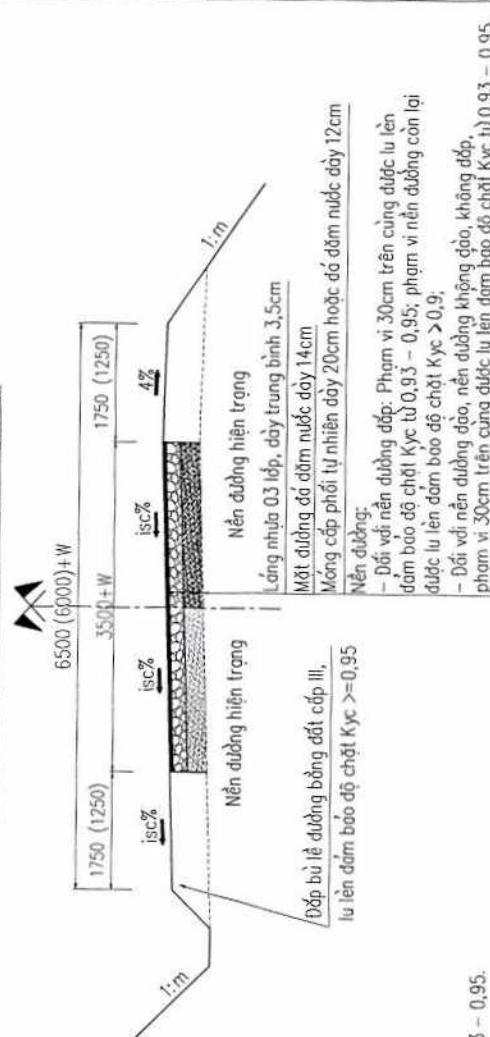
MẶT ĐƯỜNG BÊ TÔNG XI MĂNG
(Mặt cắt ngang điển hình đoạn trong đường cong)



MẶT ĐƯỜNG ĐÁ DÀM NƯỚC LẮNG NHỰA
(Mặt cắt ngang điển hình đoạn trong đường thẳng)



MẶT ĐƯỜNG ĐÁ DÀM NƯỚC LẮNG NHỰA
(Mặt cắt ngang điển hình đoạn trong đường cong)



Ghi chú:

- + Đối với mặt đường đá dăm nước lăng nhựa, cần bố trí rãnh xương cá trên phần lè đường để nước trong móng đường có thể thoát ra ngoài. Khoảng cách rãnh xương cá thường là 50m được bố trí so le về hai phía dọc theo trục đường, vật liệu rãnh xương cá thường dùng đá 4x6, 2x4, 1x2 (sắp xếp dạng lạng lọc ngược, đảm bảo thoát nước, không bị đất làm tắc rãnh).
- + Đơn vị ghi trong bản vẽ là mm.

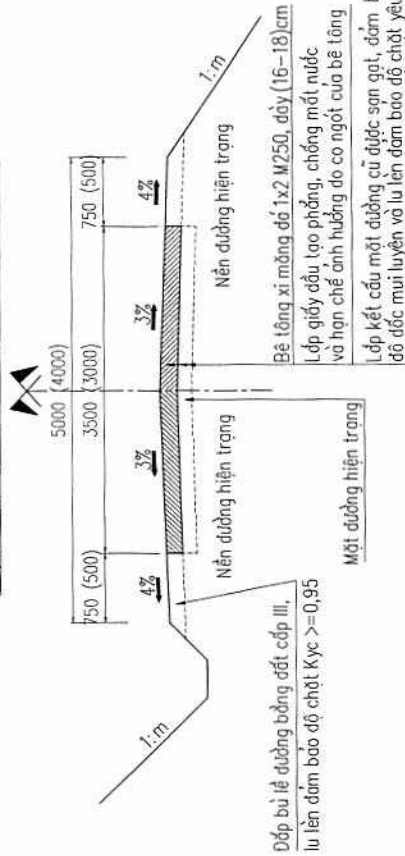
15/08/2024

II. ĐƯỜNG GIAO THỐNG NÔNG THÔN CẤP B:

TRƯỜNG HỢP 1: Trên cơ sở đường hiện trạng khai thác, sử dụng, đã cơ bản đảm bảo các chỉ tiêu kỹ thuật của cấp đường về các yếu tố hình học (bề rộng nền đường, độ dốc dọc tối đa, bán kính tối thiểu đường cong đứng, đường cong nằm), tận dụng lại kết cấu mặt đường cũ cơ bản đảm bảo ổn định làm lớp móng (kết cấu mặt đường cũ trước đây đã được gia cố bằng cấp phối đá dăm; đất gia cố vôi, xi măng; cấp phối thien nhien; gạch vờ, đá thải trộn đất, ...) và chỉ cấu tư phần mặt đường:

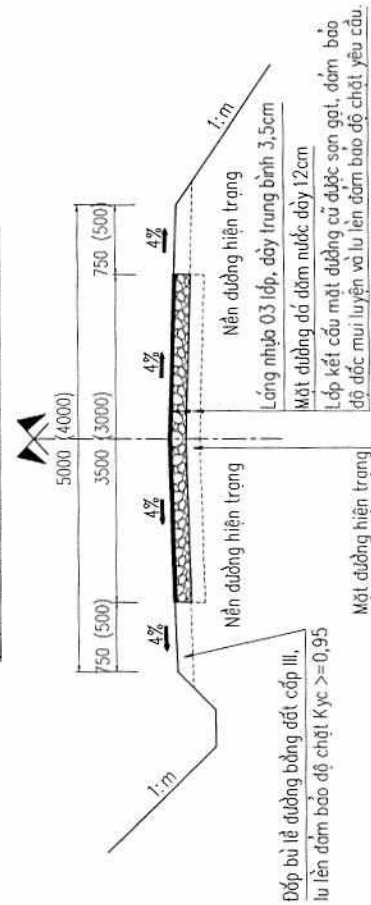
MẶT ĐƯỜNG BÊ TÔNG XI MĂNG

(Mặt cắt ngang điển hình đoạn trong đường thẳng)



MẶT ĐƯỜNG ĐÁ DĂM NƯỚC LẮNG NHỰA

(Mặt cắt ngang điển hình đoạn trong đường thẳng)

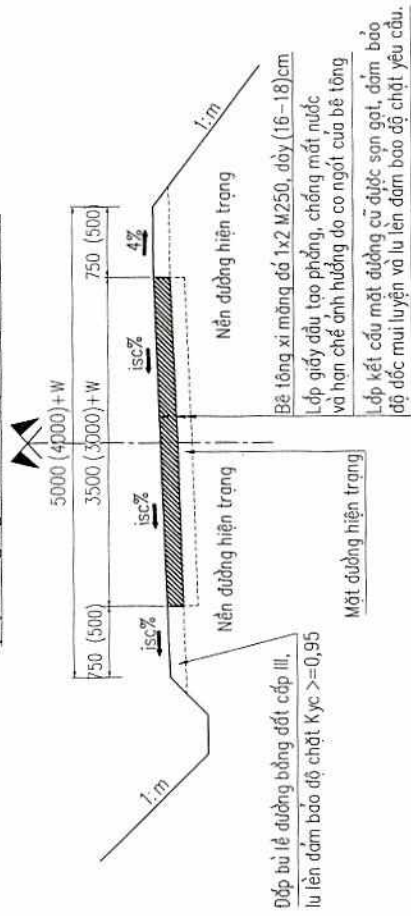


Ghi chú:

- + Đối với mặt đường đá dăm nước láng nhựa, cần bố trí rãnh xương cá trên phần lè đường để nước trong móng đường có thể thoát ra ngoài. Khoảng cách rãnh xương cá thường là 50m được bố trí so le về hai phía dọc theo trục đường, vật liệu rãnh xương cá thường dùng đá 4x6, 2x4, 1x2 (sắp xếp dạng tầng lọc ngược, đảm bảo thoát nước, không bị đất làm tắc rãnh).
- + Đơn vị ghi trong bản vẽ là mm.

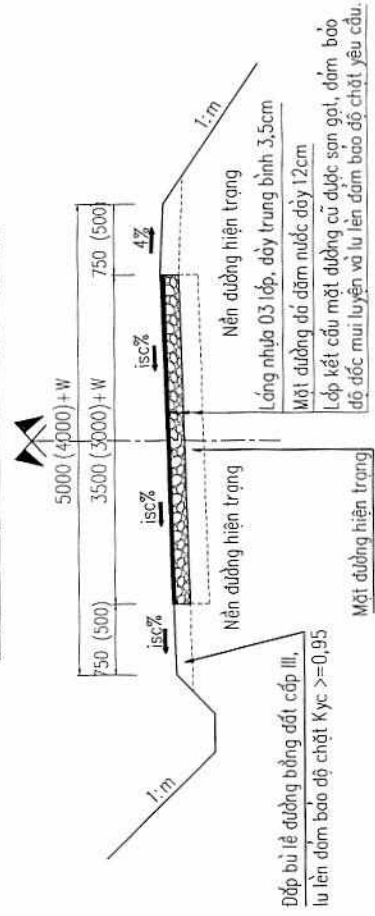
MẶT ĐƯỜNG BÊ TÔNG XI MĂNG

(Mặt cắt ngang điển hình đoạn trong đường cong)



MẶT ĐƯỜNG ĐÁ DĂM NƯỚC LẮNG NHỰA

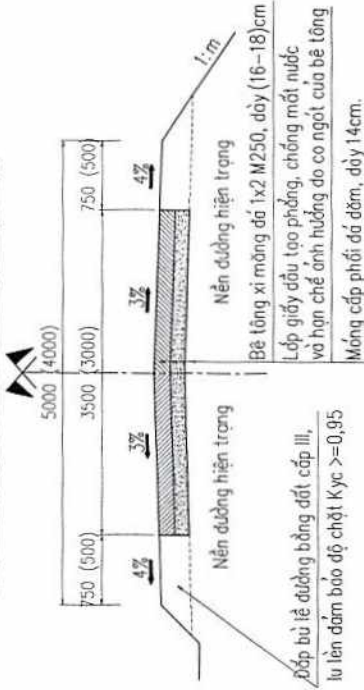
(Mặt cắt ngang điển hình đoạn trong đường cong)



TRƯỜNG HỢP 2: Nền đường hiện hữu là đường đất, phải đầu tư phần móng, mặt đường:

MẶT ĐƯỜNG BÊ TÔNG XI MĂNG

(Mặt cắt ngang điển hình đoạn trong đường thẳng)

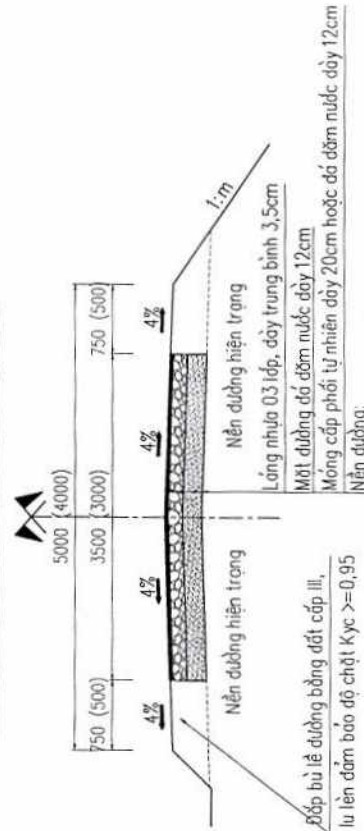


Nền đường hiện trạng
 Đổ bê tông xi măng dày 14cm, dày (16-18)cm
 Lớp giấy dầu tạo phẳng, chống mất nước và hạn chế ảnh hưởng do co ngót của bê tông
 Móng cấp phối đá dăm, dày 14cm.

Nền đường:
 - Đối với nền đường đắp: Phạm vi 30cm trên cùng được lu lên đảm bảo độ chặt Kyc từ 0,93 - 0,95; phạm vi nền đường còn lại được lu lên đảm bảo độ chặt Kyc > 0,9;
 - Đối với nền đường đào, nền đường không đào, không đắp, phạm vi 30cm trên cùng được lu lên đảm bảo độ chặt Kyc từ 0,93 - 0,95.

MẶT ĐƯỜNG ĐÁ DÀM NƯỚC LẮNG NHỰA

(Mặt cắt ngang điển hình đoạn trong đường thẳng)



Nền đường hiện trạng
 Lớp nhựa 0,3 lớp, dày trung bình 3,5cm
 Mặt đường đá dăm nước dày 12cm
 Móng cấp phối tự nhiên dày 20cm hoặc đá dăm nước dày 12cm

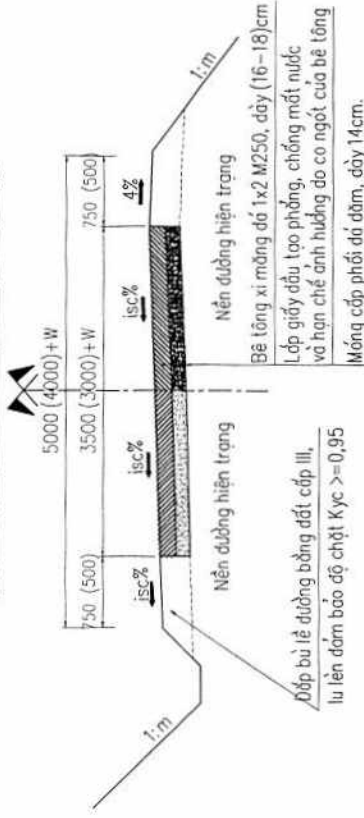
Nền đường:
 - Đối với nền đường đắp: Phạm vi 30cm trên cùng được lu lên đảm bảo độ chặt Kyc từ 0,93 - 0,95; phạm vi nền đường còn lại được lu lên đảm bảo độ chặt Kyc > 0,9;
 - Đối với nền đường đào, nền đường không đào, không đắp, phạm vi 30cm trên cùng được lu lên đảm bảo độ chặt Kyc từ 0,93 - 0,95.

Ghi chú:

- + Đối với mặt đường đá dăm nước láng nhựa, cần bố trí rãnh xương cá trên phần lề đường để nước trong móng đường có thể thoát ra ngoài. Khoảng cách rãnh xương cá thường là 50m được bố trí so le về hai phía dọc theo trục đường, vật liệu rãnh xương cá thường dùng đá 4x6, 2x4, 1x2 (sắp xếp dạng tầng lọc ngược, đảm bảo thoát nước, không bị đất làm tắc rãnh).
- + Đơn vị ghi trong bản vẽ là mm.

MẶT ĐƯỜNG BÊ TÔNG XI MĂNG

(Mặt cắt ngang điển hình đoạn trong đường cong)

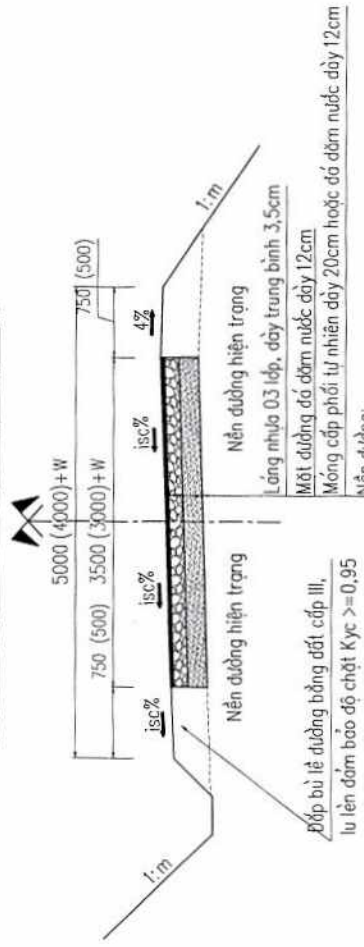


Nền đường hiện trạng
 Đổ bê tông xi măng dày 14cm, dày (16-18)cm
 Lớp giấy dầu tạo phẳng, chống mất nước và hạn chế ảnh hưởng do co ngót của bê tông
 Móng cấp phối đá dăm, dày 14cm.

Nền đường:
 - Đối với nền đường đắp: Phạm vi 30cm trên cùng được lu lên đảm bảo độ chặt Kyc từ 0,93 - 0,95; phạm vi nền đường còn lại được lu lên đảm bảo độ chặt Kyc > 0,9;
 - Đối với nền đường đào, nền đường không đào, không đắp, phạm vi 30cm trên cùng được lu lên đảm bảo độ chặt Kyc từ 0,93 - 0,95.

MẶT ĐƯỜNG ĐÁ DÀM NƯỚC LẮNG NHỰA

(Mặt cắt ngang điển hình đoạn trong đường cong)



Nền đường hiện trạng
 Lớp nhựa 0,3 lớp, dày trung bình 3,5cm
 Mặt đường đá dăm nước dày 12cm
 Móng cấp phối tự nhiên dày 20cm hoặc đá dăm nước dày 12cm

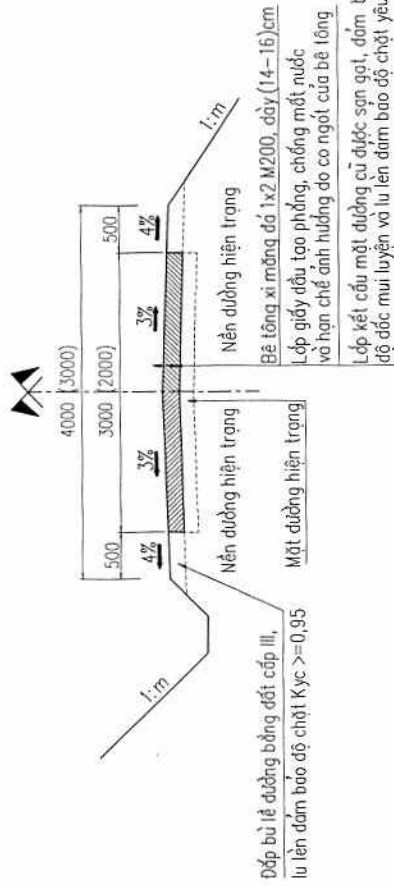
Nền đường:
 - Đối với nền đường đắp: Phạm vi 30cm trên cùng được lu lên đảm bảo độ chặt Kyc từ 0,93 - 0,95; phạm vi nền đường còn lại được lu lên đảm bảo độ chặt Kyc > 0,9;
 - Đối với nền đường đào, nền đường không đào, không đắp, phạm vi 30cm trên cùng được lu lên đảm bảo độ chặt Kyc từ 0,93 - 0,95.

III. ĐƯỜNG GIAO THÔNG NÔNG THÔN CẤP C:

TRƯỜNG HỢP 1: Trên cơ sở đường hiện trạng đang khai thác, sử dụng, đã cơ bản đảm bảo các chỉ tiêu kỹ thuật của cấp đường về các yếu tố hình học (bề rộng nền đường, độ dốc dọc tối đa, bán kính tối thiểu đường cong đứng, đường cong nằm), tận dụng lại kết cấu mặt đường cũ cơ bản đảm bảo ổn định làm lớp móng (kết cấu mặt đường cũ trước đây đã được gia cố bằng cấp phối đá dăm; đất gia cố vôi, xi măng; cấp phối thiên nhiên; gạch vữa, đá thải trộn đất, ...) và chỉ đầu tư phần mặt đường:

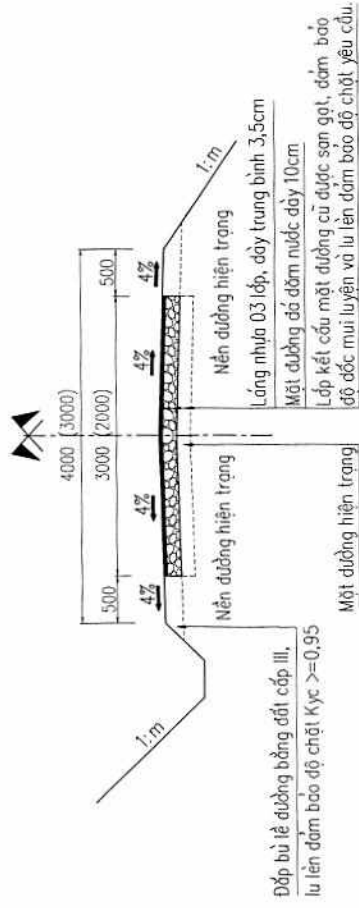
MẶT ĐƯỜNG BÊ TÔNG XI MĂNG

(Mặt cắt ngang điển hình đoạn trong đường thẳng)



MẶT ĐƯỜNG ĐÁ DĂM NƯỚC LÁNG NHỰA

(Mặt cắt ngang điển hình đoạn trong đường thẳng)

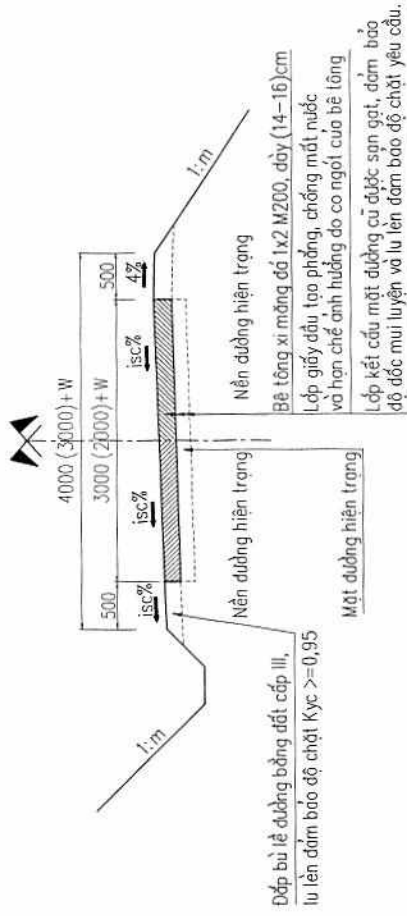


Ghi chú:

- + Đối với mặt đường đá dăm nước láng nhựa, cần bố trí rãnh xương cá trên phần lề đường để nước trong móng đường có thể thoát ra ngoài. Khoảng cách rãnh xương cá thường là 50m được bố trí so le về hai phía dọc theo trục đường, vật liệu rãnh xương cá thường dùng đá 4x8, 2x4, 1x2 (sắp xếp dạng tăng, lọc ngược, đảm bảo thoát nước, không bị đất tắc rãnh).
- + Đơn vị ghi trong bản vẽ là mét.

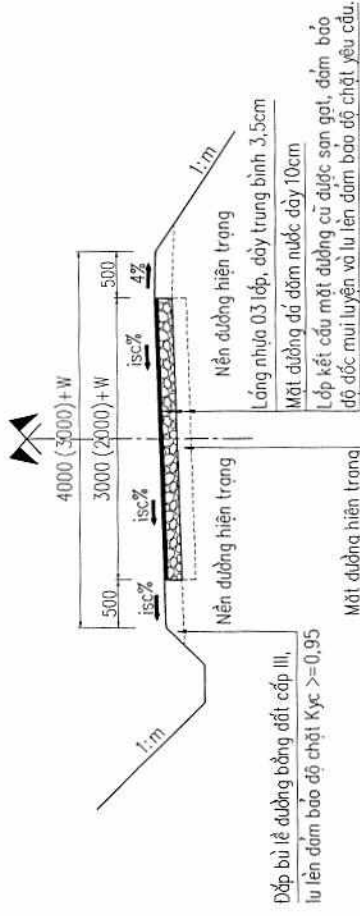
MẶT ĐƯỜNG BÊ TÔNG XI MĂNG

(Mặt cắt ngang điển hình đoạn trong đường cong)



MẶT ĐƯỜNG ĐÁ DĂM NƯỚC LÁNG NHỰA

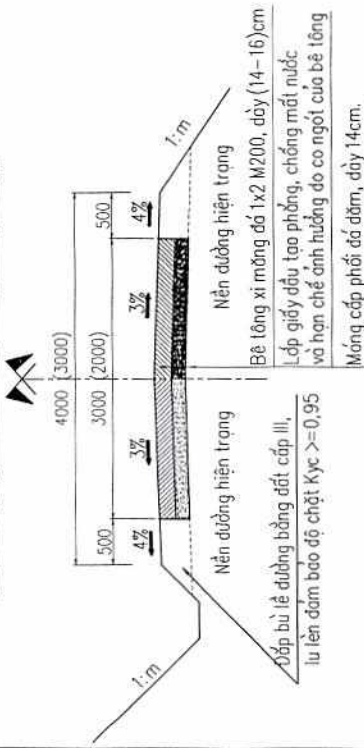
(Mặt cắt ngang điển hình đoạn trong đường cong)



TRƯỜNG HỢP 2: Nền đường hiện hữu là đường đất, phải đấu tư phần móng, mặt đường.

MẶT ĐƯỜNG BÊ TÔNG XI MĂNG

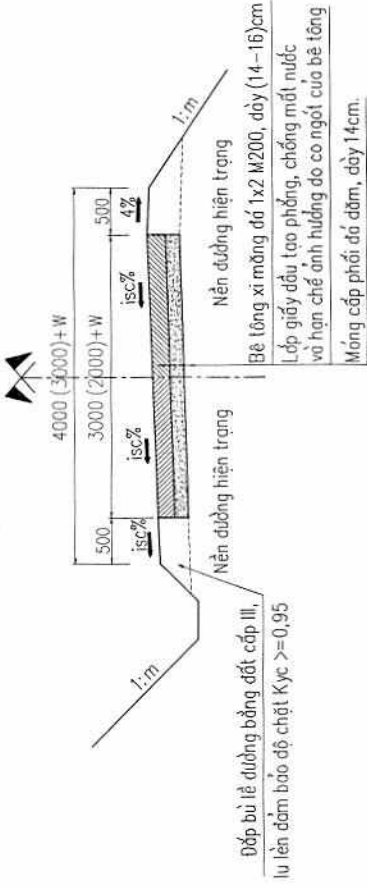
(Mặt cắt ngang điển hình đoạn trong đường thẳng)



Nền đường:
 - Đối với nền đường đắp: Phạm vi 30cm trên cùng được lu lên đảm bảo độ chặt Kyc từ 0,93 - 0,95; phạm vi nền đường còn lại được lu lên đảm bảo độ chặt Kyc > 0,9;
 - Đối với nền đường đào, nền đường không đào, không đắp, phạm vi 30cm trên cùng được lu lên đảm bảo độ chặt Kyc từ 0,93 - 0,95.

MẶT ĐƯỜNG BÊ TÔNG XI MĂNG

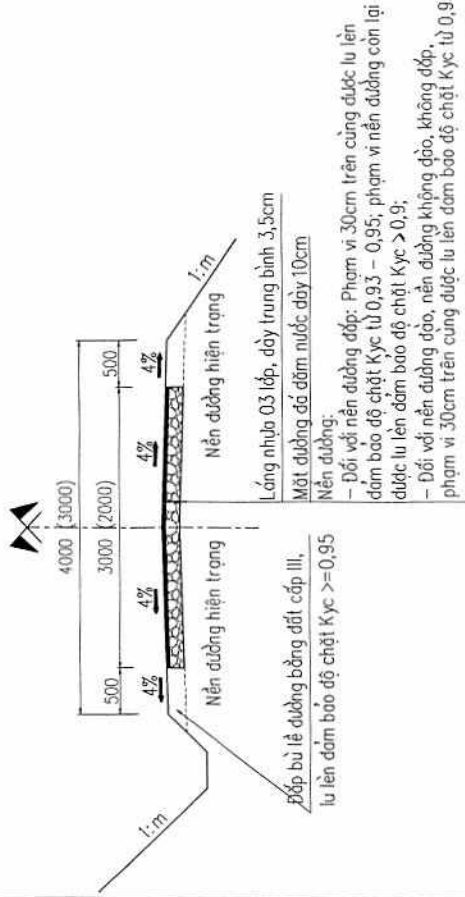
(Mặt cắt ngang điển hình đoạn trong đường cong)



Nền đường:
 - Đối với nền đường đắp: Phạm vi 30cm trên cùng được lu lên đảm bảo độ chặt Kyc từ 0,93 - 0,95; phạm vi nền đường còn lại được lu lên đảm bảo độ chặt Kyc > 0,9;
 - Đối với nền đường đào, nền đường không đào, không đắp, phạm vi 30cm trên cùng được lu lên đảm bảo độ chặt Kyc từ 0,93 - 0,95.

MẶT ĐƯỜNG ĐÁ DÀM NƯỚC LẮNG NHỰA

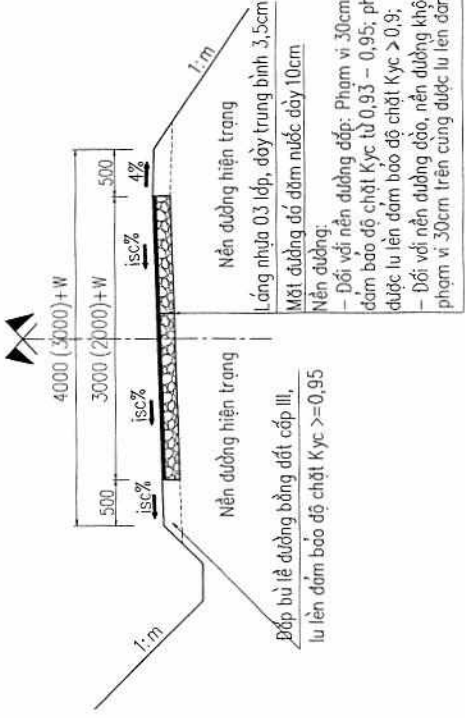
(Mặt cắt ngang điển hình đoạn trong đường thẳng)



Nền đường:
 - Đối với nền đường đắp: Phạm vi 30cm trên cùng được lu lên đảm bảo độ chặt Kyc từ 0,93 - 0,95; phạm vi nền đường còn lại được lu lên đảm bảo độ chặt Kyc > 0,9;
 - Đối với nền đường đào, nền đường không đào, không đắp, phạm vi 30cm trên cùng được lu lên đảm bảo độ chặt Kyc từ 0,93 - 0,95.

MẶT ĐƯỜNG ĐÁ DÀM NƯỚC LẮNG NHỰA

(Mặt cắt ngang điển hình đoạn trong đường cong)



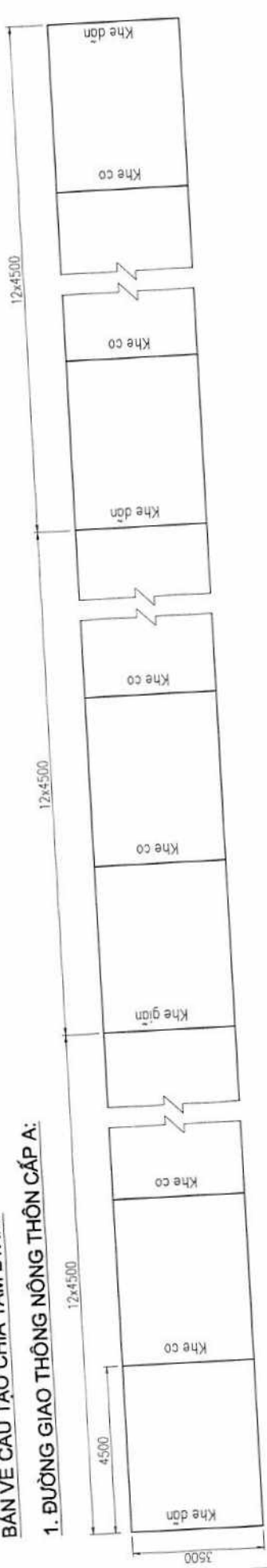
Nền đường:
 - Đối với nền đường đắp: Phạm vi 30cm trên cùng được lu lên đảm bảo độ chặt Kyc từ 0,93 - 0,95; phạm vi nền đường còn lại được lu lên đảm bảo độ chặt Kyc > 0,9;
 - Đối với nền đường đào, nền đường không đào, không đắp, phạm vi 30cm trên cùng được lu lên đảm bảo độ chặt Kyc từ 0,93 - 0,95.

Ghi chú:

- + Đối với mặt đường đá dăm nước lạnh nhựa, cần bố trí rãnh xương cá trên phần lè đường để nước trong móng đường có thể thoát ra ngoài. Khoảng cách rãnh xương cá thường là 50m được bố trí so le về hai phía dọc theo trục đường, vật liệu rải theo đá 4x6, 2x4, 1x2 (sắp xếp dạng tầng lọc ngược, đảm bảo thoát nước, không bị đất làm tắc rãnh).
- + Đơn vị ghi trong bản vẽ là mm.

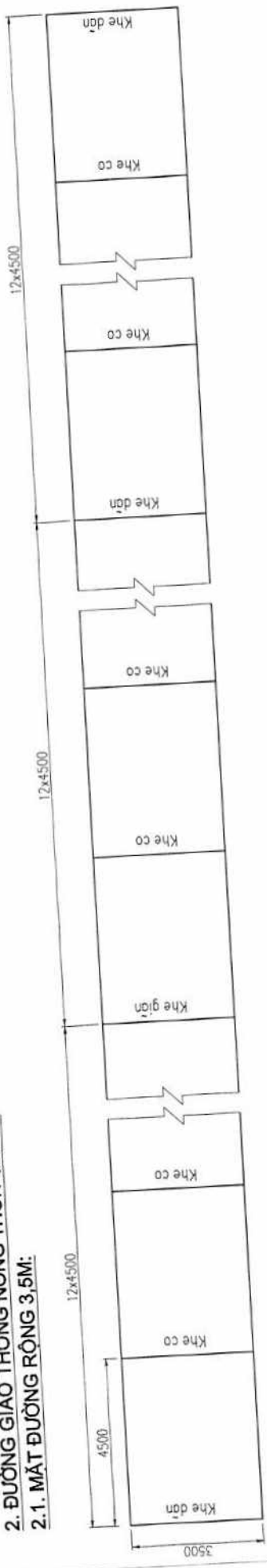
BẢN VẼ CẤU TẠO CHIA TẮM BTXM:

1. ĐƯỜNG GIAO THÔNG NÔNG THÔN CẤP A:

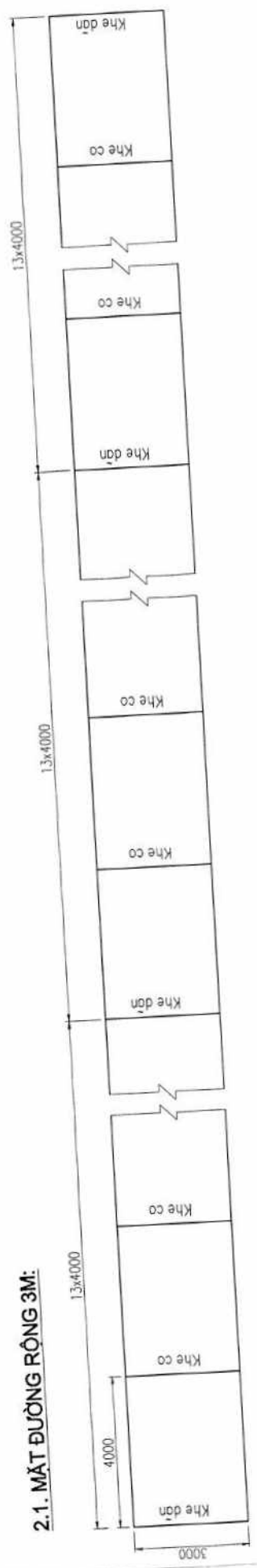


2. ĐƯỜNG GIAO THÔNG NÔNG THÔN CẤP B:

2.1. MẶT ĐƯỜNG RỘNG 3,5M:

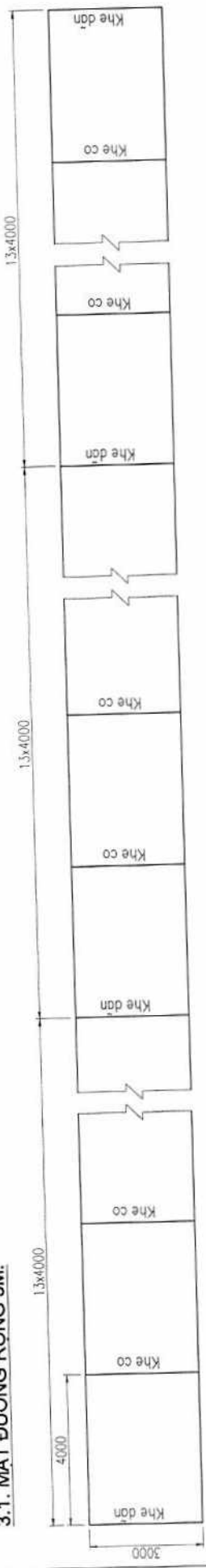


2.1. MẶT ĐƯỜNG RỘNG 3M:

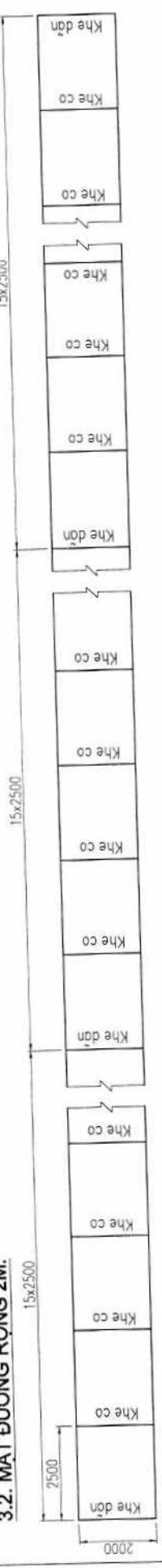


3. ĐƯỜNG GIAO THÔNG NÔNG THÔN CẤP C:

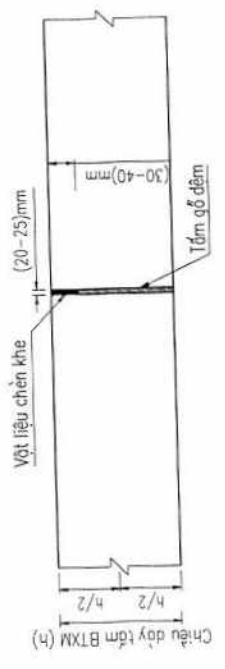
3.1. MẶT ĐƯỜNG RỘNG 3M:



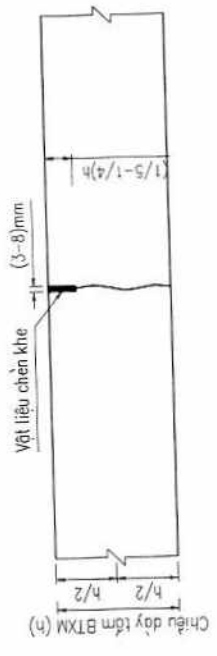
3.2. MẶT ĐƯỜNG RỘNG 2M:



CẤU TẠO KHE DẪN

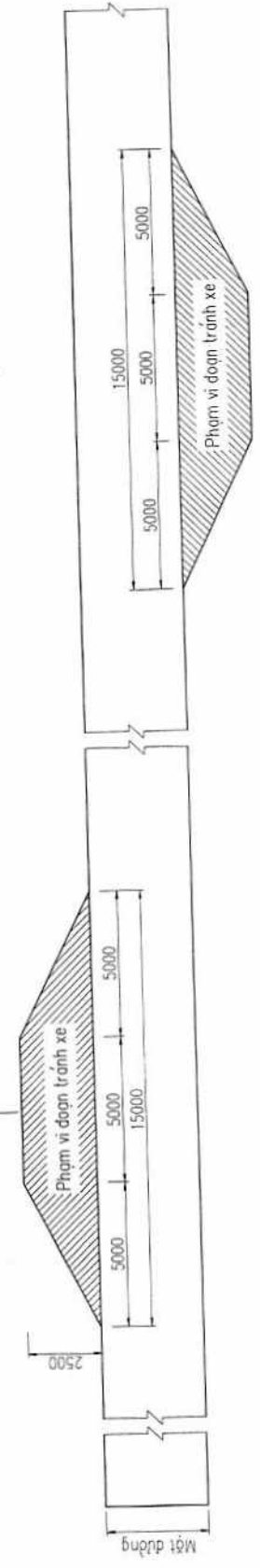


CẤU TẠO KHE CO



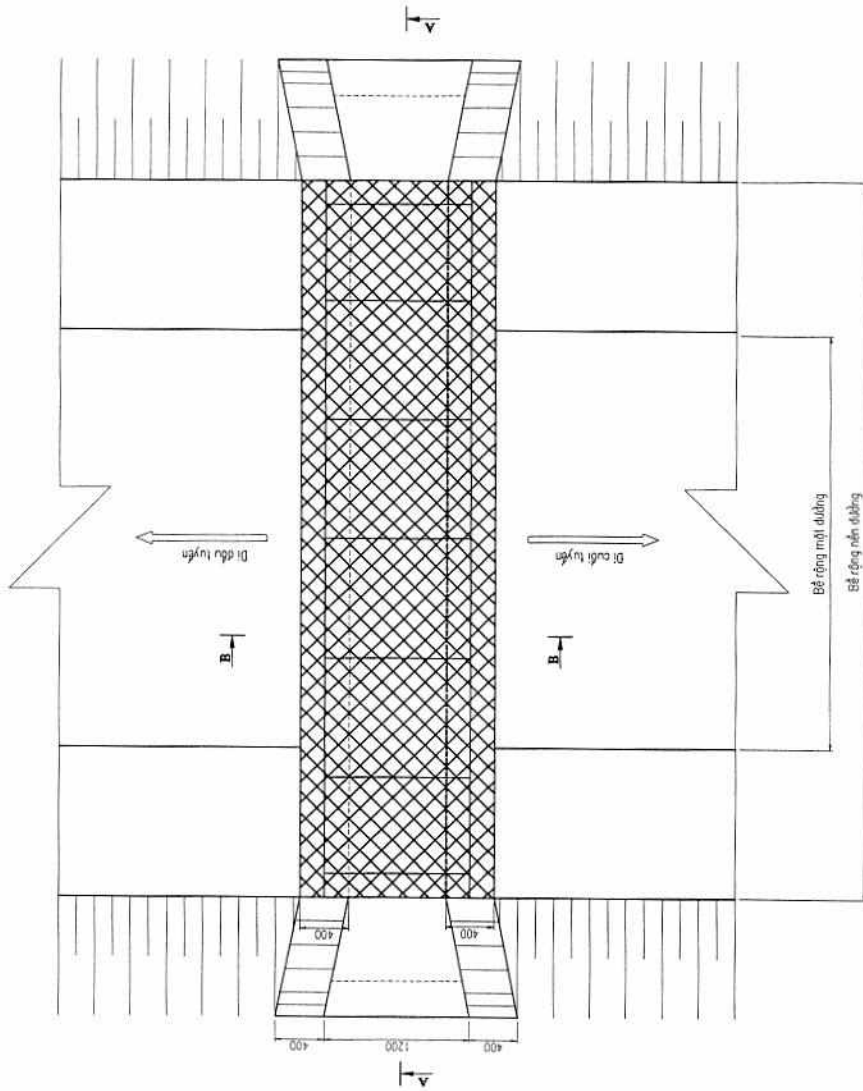
BỐ TRÍ ĐOẠN TRÁNH XE

500m đối với đường G1NT cấp B; 300m đối với đường G1NT cấp C

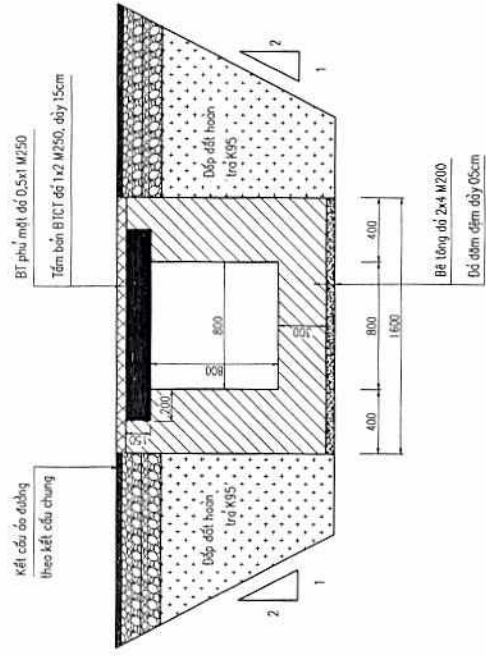


THIẾT KẾ ĐIỂN HÌNH CỐNG NGANG ĐƯỜNG DẠNG CỐNG BÀN

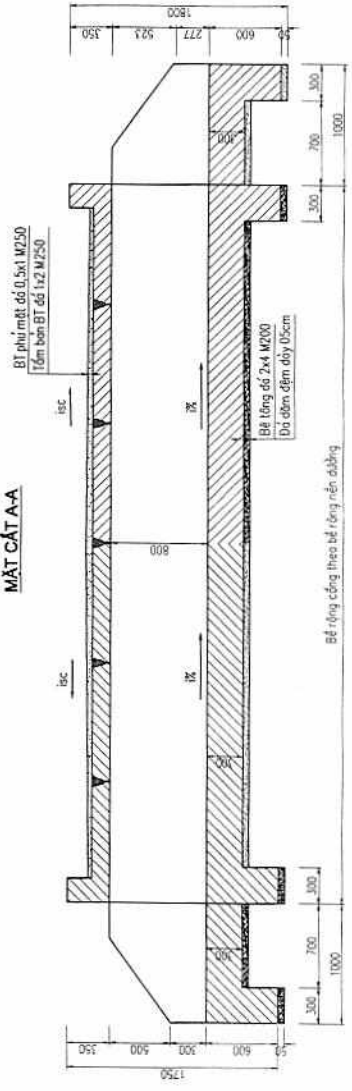
MẶT BẰNG CỐNG



MẶT CẮT B-B



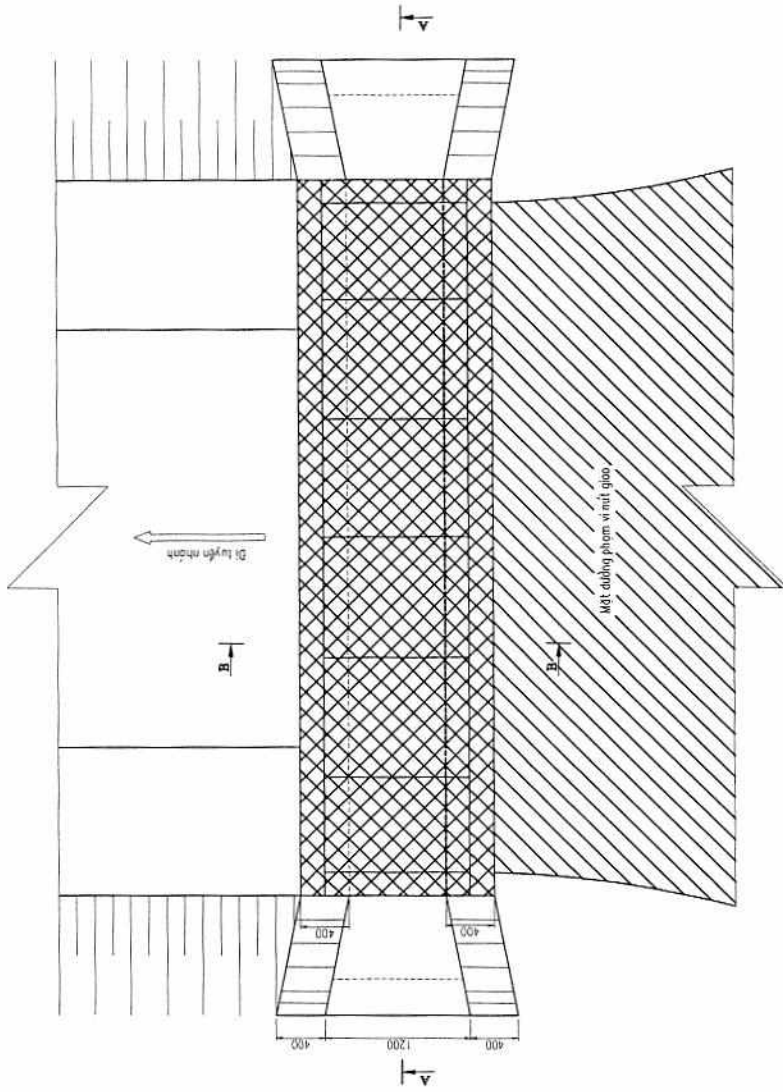
MẶT CẮT A-A



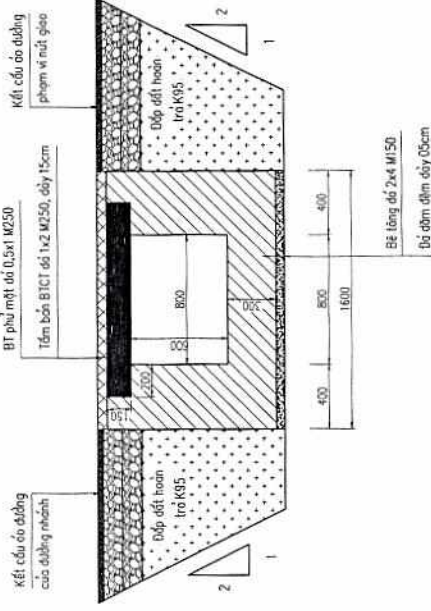
Đơn vị ghi trong bản vẽ là mm

THIẾT KẾ ĐIỂN HÌNH CỐNG ĐỌC QUA ĐƯỜNG NHẢNH DANG CỐNG BẮN

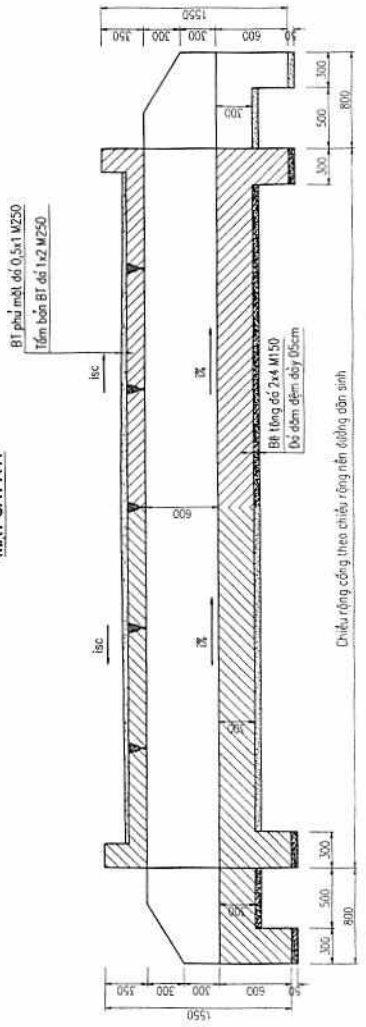
MẶT BẰNG CỐNG



MẶT CẮT B-B

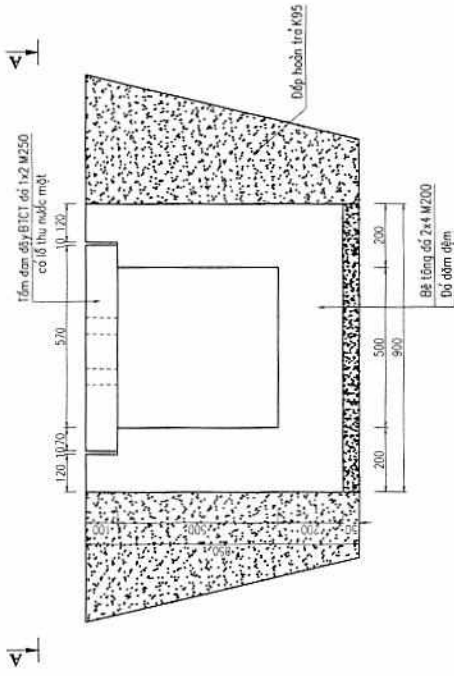


MẶT CẮT A-A

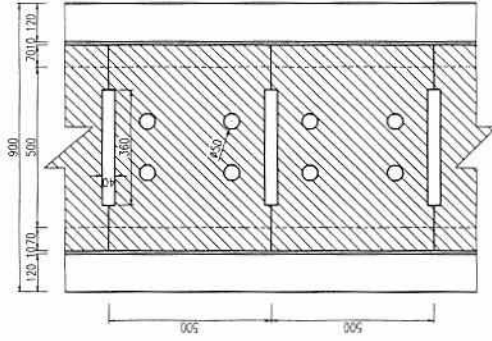


Đơn vị ghi trong bản vẽ là mm

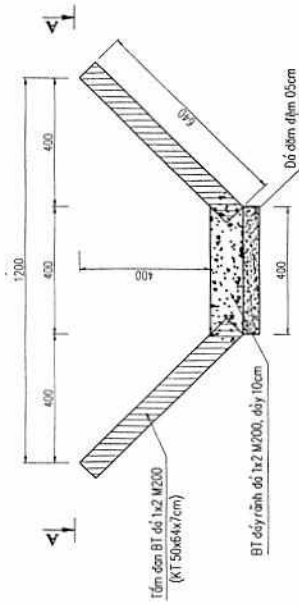
THIẾT KẾ ĐIỂN HÌNH RÀNH THOÁT NƯỚC CHỮ NHẬT ĐẦY TẮM ĐẠN



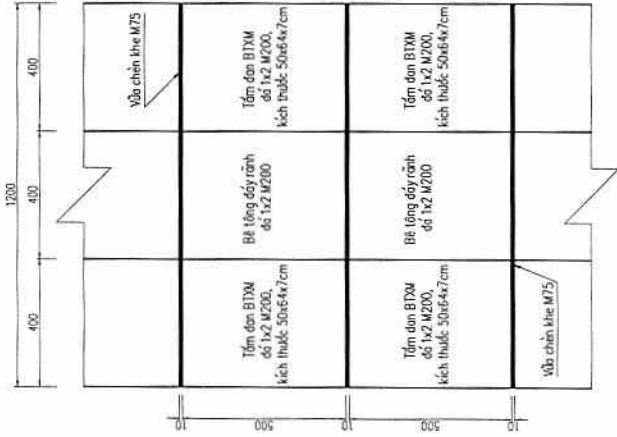
MẶT CẮT A-A



THIẾT KẾ ĐIỂN HÌNH THANG GIA CỐ TẦM ĐẠN



MẶT CẮT A-A



Ghi chú:

- Rãnh hình thang gia cố bê tông được thiết kế tại các đoạn tuyến ngoài khu vực đông dân cư có độ dốc $\geq 4\%$ và các đoạn tập trung nước.
- Rãnh chữ U dầy bê tông được thiết kế tại các đoạn tuyến qua khu vực đông dân cư (Trong quá trình thi công, có thể thay đổi kích cỡ thoát nước định cho phù hợp).
- Đơn vị ghi trong bản vẽ là mm

Handwritten notes in red ink at the bottom right of the page.

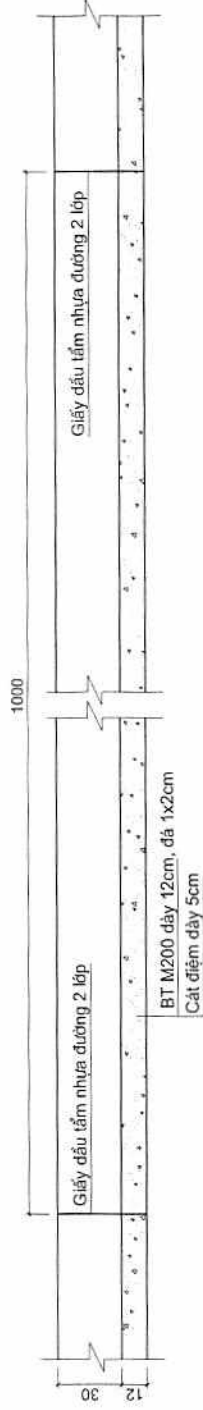
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

THIỆT KẾ MẪU
MẪU KÊNH TUỚI NỘI ĐỒNG

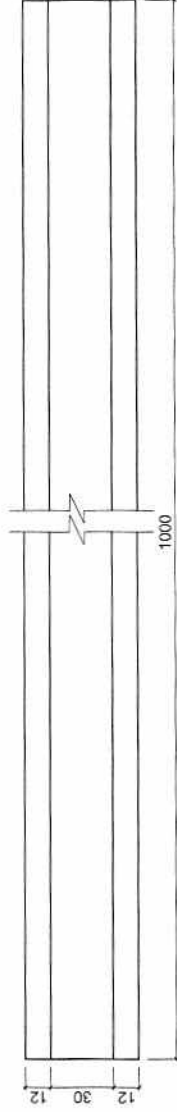
ĐÁK NÔNG 2023

THIẾT KẾ MẪU KÈNH TƯỚI NỘI ĐỒNG
KÈNH BÊ TÔNG B X H = 30 X 30 CM

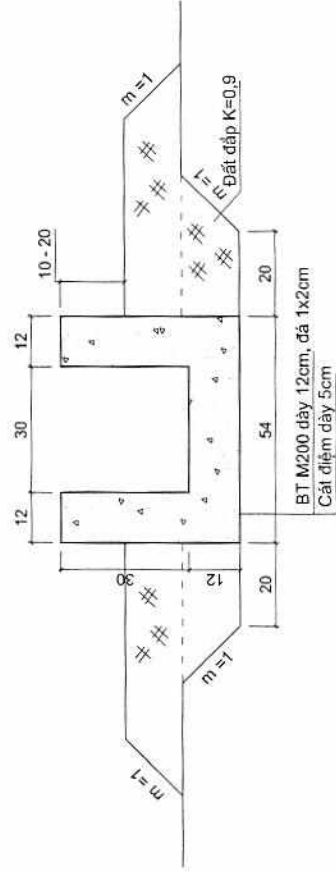
CẮT ĐỌC KÈNH



MẶT BẰNG KÈNH



MẶT CẮT NGANG ĐIỂN HÌNH



TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG PHẦN XÂY ĐÚC
CHO 10M KÈNH

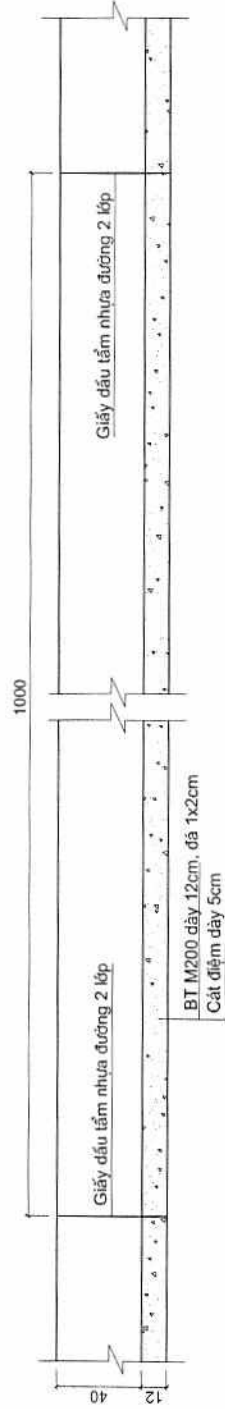
1. Bê tông M200 đá 1x2:	1,37	m3
2. Giấy dầu tẩm nhựa đường :	0,13	m2
3. Cát đệm dày 5cm	0,27	m3
4. Ván khuôn:	14,40	m2

GHI CHÚ:

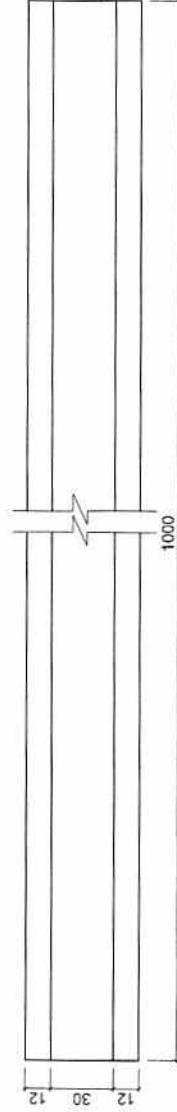
- Kích thước trong bản vẽ ghi bằng cm, cao độ ghi bằng m

THIẾT KẾ MẪU KÉNҺ TƯỜI NỘI ĐỒNG
KÉNҺ BÊ TÔNG B X H = 30 X 40 CM

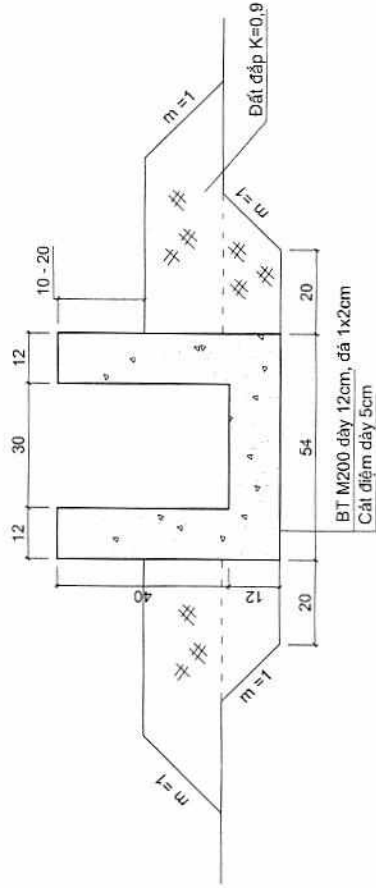
CẮT ĐỌC KÉNҺ



MẶT BẰNG KÉNҺ



MẶT CẮT NGANG ĐIỂN HÌNH



TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG PHẦN XÂY ĐÚC
CHO 10M KÉNҺ

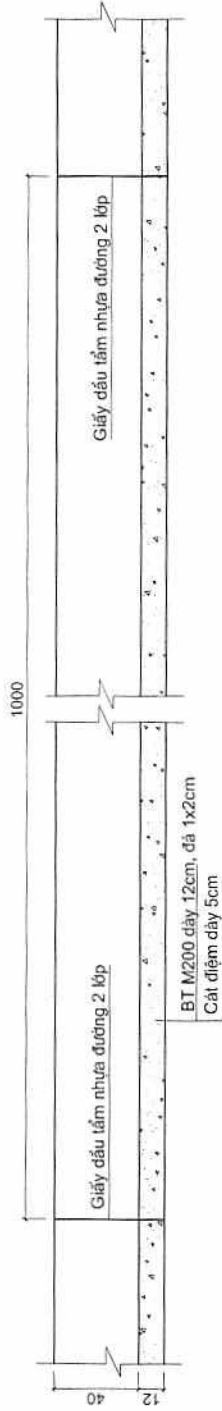
1. Bê tông M200 đá 1x2:	1,61	m ³
2. Giấy dầu nhựa đường 2 lớp	0,16	m ²
3. Cát đệm dày 5cm:	0,27	m ³
4. Ván khuôn:	18,40	m ²

GHI CHÚ:

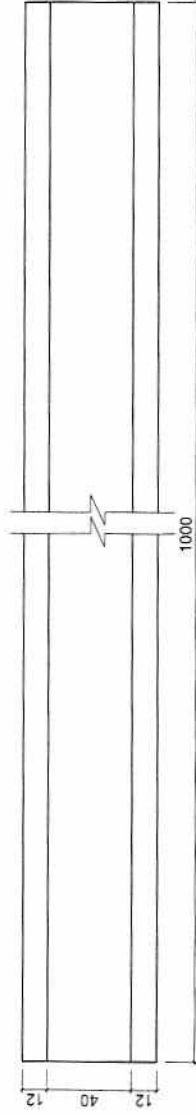
- Kích thước trong bản vẽ ghi bằng cm, cao độ ghi bằng m

THIẾT KẾ MẪU KÊNH TƯỚI NỘI ĐỒNG
KÊNH BÊ TÔNG B X H = 40 X 40 CM

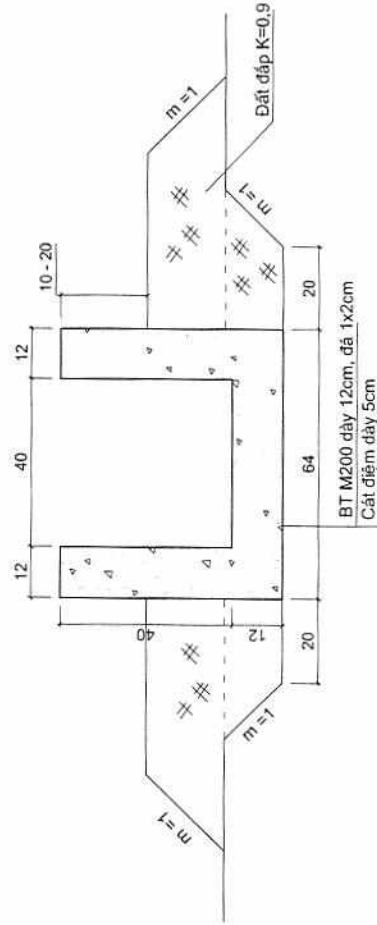
CẮT ĐỌC KÊNH



MẶT BẰNG KÊNH



MẶT CẮT NGANG ĐIỂN HÌNH



TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG PHẦN XÂY ĐÚC
CHO 10M KÊNH

- | | | |
|-------------------------|-------|----------------|
| 1. Bê tông M200 đá 1x2: | 1,73 | m ³ |
| 2. Giấy dầu nhựa đường: | 0,17 | m ² |
| 3. Cát đệm dầy 5cm: | 0,32 | m ³ |
| 4. Ván khuôn: | 18,40 | m ² |

GHI CHÚ:

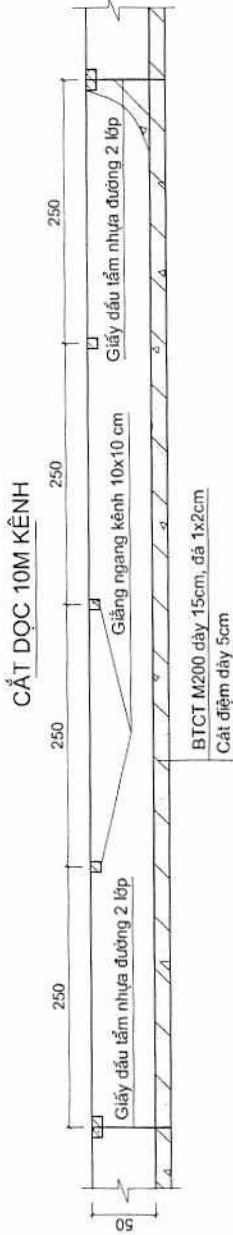
- Kích thước trong bản vẽ ghi bằng cm, cao độ ghi bằng m

THIẾT KẾ MẪU KÍNH TƯỚI NỘI ĐỒNG

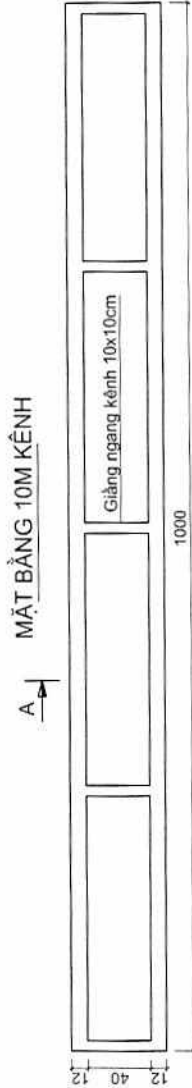
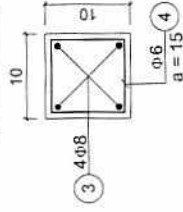
KÍNH BÊ TÔNG B X H = 50 X 50 CM

TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG PHẦN XÂY ĐÚC CHO 10M KÍNH

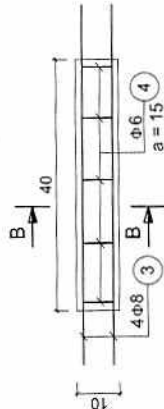
1. Bê tông M200 :	1,99	m ³
2. Thép tròn $\phi \leq 10$:	73,00	kg
3. Giấy dầu nhựa đường 2 lớp :	0,20	m ²
4. Cát đệm dày 5cm	0,32	m ³
5. Ván khuôn:	22,80	m ²



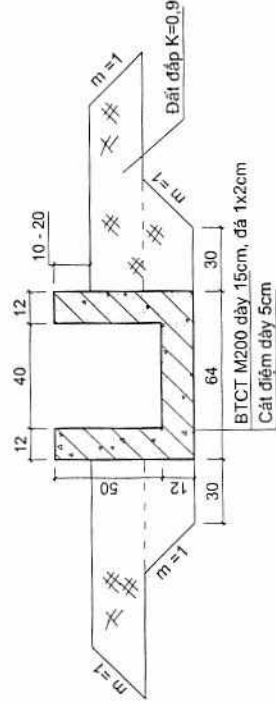
MẶT CẮT B - B



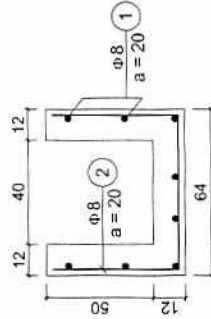
GIĂNG NGANG KÍNH



MẶT CẮT NGANG ĐIỂN HÌNH



MẶT CẮT A - A



TỔNG HỢP CỐT THÉP (TÍNH CHO 10M KÍNH)

SH	Hình dạng	ϕ	Chiều dài 1 thanh (cm)	Số lượng	Số thanh	Tổng chiều dài L(m)	TLR (kg/m)	Trong lượng (kg)	
1	5 994 5	8	1004	1	8	80,32	0,395	31,72	
2	59 58 59	8	176	1	51	89,76	0,395	35,45	
3	58	8	58	5	4	11,6	0,395	4,6	
4	4 6 6	6	32	5	5	8,0	0,22	1,76	
TỔNG CỘNG									73,08

GHI CHÚ:

- Kích thước trong bản vẽ ghi bằng cm, cao độ ghi bằng m
- Cốt 10m dài kính có 05 giăng ngang kính bằng BTCT M200
- Lớp BT bảo vệ cột thép $a = 2\text{cm}$

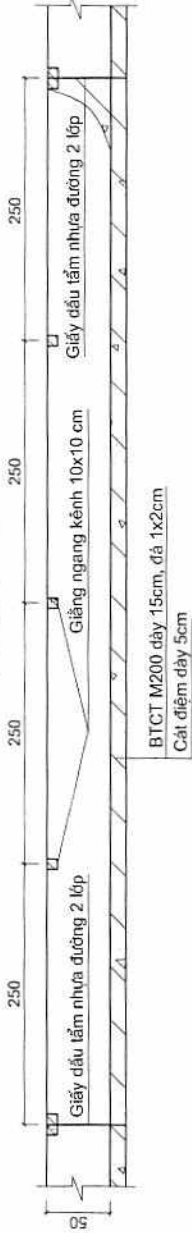
THIẾT KẾ MẪU KÍNH TƯỚI NỘI ĐỒNG

KÍNH BÊ TÔNG B X H = 50 X 50 CM

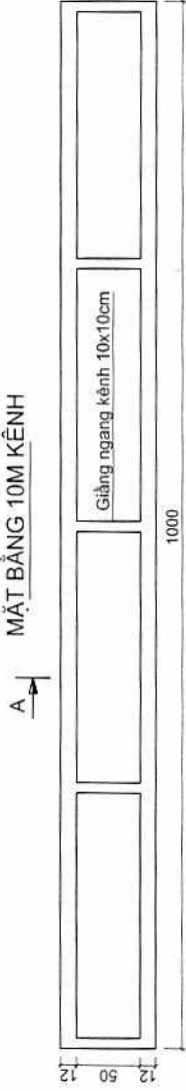
TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG PHẦN XÂY ĐÚC CHO 10M KÍNH

1. Bê tông M200 :	2,11	m ³
2. Thép tròn $\phi \leq 10$:	75,00	kg
3. Giấy dầu thấm nhựa đường :	0,21	m ²
4. Cát đệm dày 5cm	0,37	m ³
5. Ván khuôn:	22,90	m ²

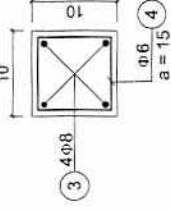
CẮT DỌC 10M KÍNH



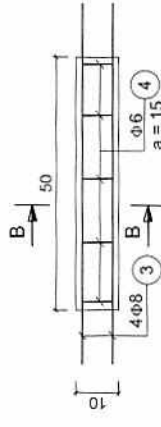
MẶT BẰNG 10M KÍNH



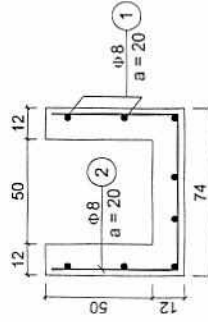
MẶT CẮT B - B



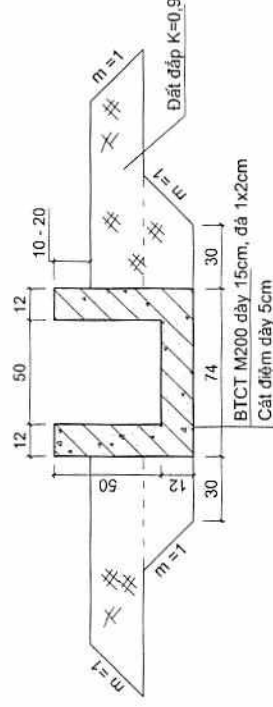
GIẢNG NGANG KÍNH



MẶT CẮT A - A



MẶT CẮT NGANG ĐIỂN HÌNH



TỔNG HỢP CỐT THÉP (TÍNH CHO 10M KÍNH)

SH	Hình dạng	Φ	Chiều dài 1 thanh (cm)	Số lượng	Số thanh	Tổng chiều dài L(m)	TLR (kg/m)	Trọng lượng (kg)
1	5	8	1004	1	8	80,32	0,395	31,72
2	59	8	186	1	51	94,86	0,395	37,50
3	68	8	68	5	4	15,2	0,395	5,4
4	66	6	32	5	5	8,0	0,22	1,76
TỔNG CỘNG								75,88

GHI CHÚ:

- Kích thước trong bản vẽ ghi bằng cm, cao độ ghi bằng m
- Cứ 10m dài kính có 05 giằng ngang kính bằng BTCT M200
- Lớp BT bảo vệ cốt thép $a = 2\text{cm}$

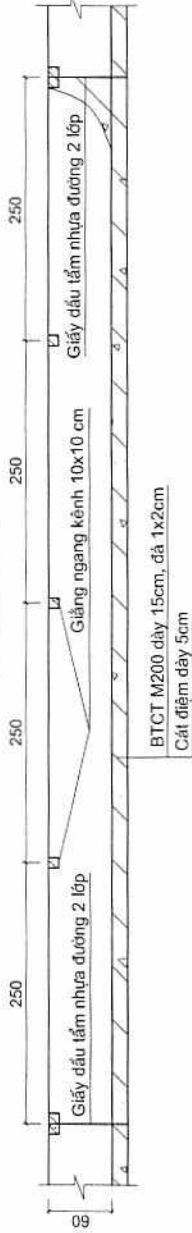
THIẾT KẾ MẪU KÍNH TƯỚI NỘI ĐỒNG

KÍNH BÊ TÔNG B X H = 50 X 60 CM

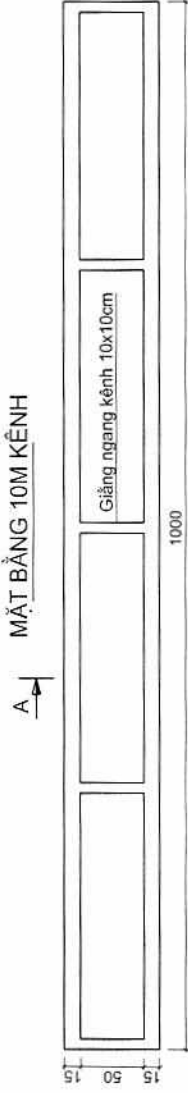
TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG PHẦN XÂY ĐÚC CHO 10M KÍNH

1. Bê tông M200 :	2,35	m ³
2. Thép tròn $\phi \leq 10$:	90,93	kg
3. Giấy dầu lấm nhựa đường :	0,23	m ²
4. Cát đệm dày 5cm	0,37	m ³
5. Ván khuôn:	26,90	m ²

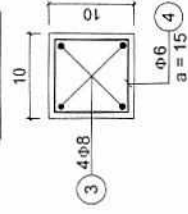
CẮT DỌC 10M KÍNH



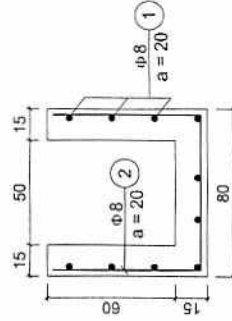
MẶT BẰNG 10M KÍNH



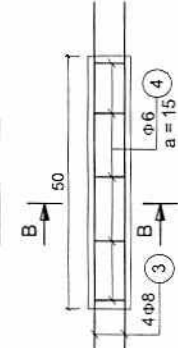
MẶT CẮT B - B



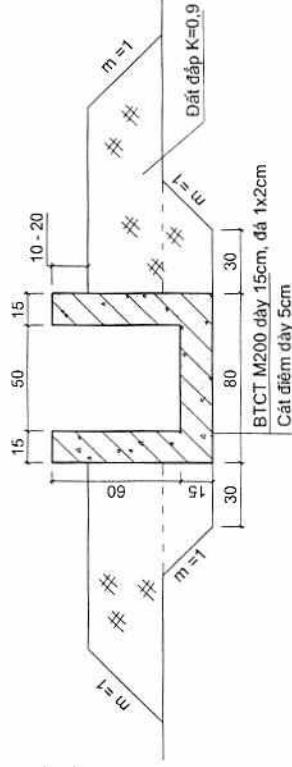
MẶT CẮT A - A



GIĂNG NGANG KÍNH



MẶT CẮT NGANG ĐIỂN HÌNH



TỔNG HỢP CỐT THÉP (TÍNH CHO 10M KÍNH)

SH	Hình dạng	ϕ	Chiều dài 1 thanh (cm)	Số lượng	Số thanh	Tổng chiều dài L(m)	TLR (Kg/m)	Trong lượng (kg)
1	5	8	1004	1	10	100,4	0,395	39,66
2	70	8	216	1	51	110,16	0,395	43,51
3	76	8	76	5	4	15,2	0,395	6,00
4	76	6	32	5	5	8,0	0,22	1,76
TỔNG CỘNG								90,93

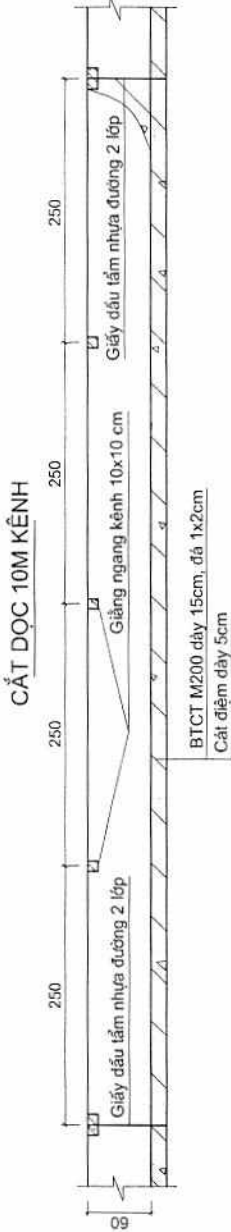
GHI CHÚ:

- Kích thước trong bản vẽ ghi bằng cm, cao độ ghi bằng m
- Cừ 10m dài kính có 05 giăng ngang kính bằng BTCT M200
- Lớp BT bảo vệ cốt thép $a = 2\text{cm}$

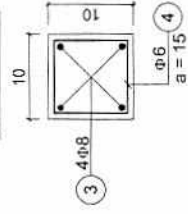
THIẾT KẾ MẪU KÈNH TƯỚI ĐỒNG
KÈNH BÊ TÔNG B X H = 60 X 60 CM

TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG PHẦN XÂY ĐÚC
CHO 10M KÈNH

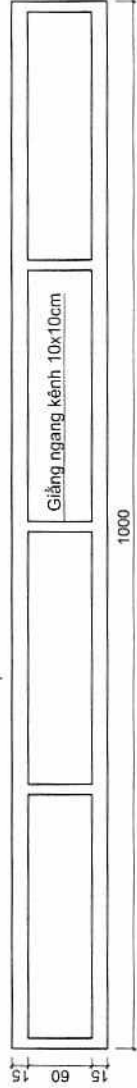
- | | | |
|-------------------------------|-------|----------------|
| 1. Bê tông M200 : | 3,18 | m ³ |
| 2. Thép tròn $\phi \leq 10$: | 97,70 | kg |
| 3. Giấy dầu thấm nhựa đường : | 0,31 | m ² |
| 4. Cát đệm dày 5cm | 0,45 | m ² |
| 5. Ván khuôn: | 27,60 | m ² |



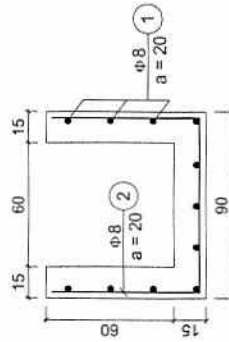
MẶT CẮT B - B



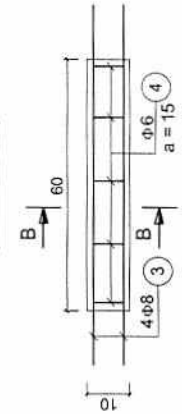
MẶT BẰNG 10M KÈNH



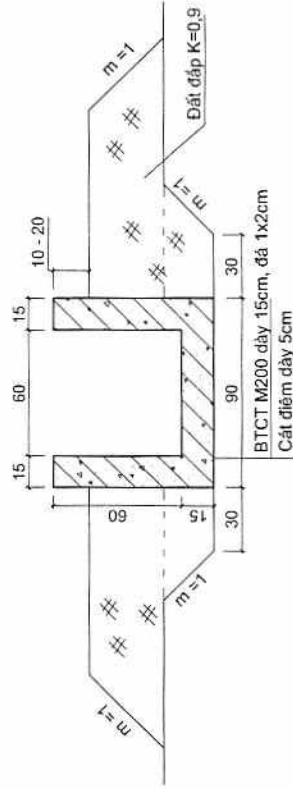
MẶT CẮT A - A



GIẺNG NGANG KÈNH



MẶT CẮT NGANG ĐIỂN HÌNH



TỔNG HỢP CỐT THÉP (TÍNH CHO 10M KÈNH)

SH	Hình dạng	ϕ	Chiều dài 1 thanh (cm)	Số lượng	Số thanh	Tổng chiều dài L(m)	TLR (Kg/m)	Trọng lượng (kg)
1	5	8	1004	1	11	110,44	0,395	43,62
2	70	8	226	1	51	115,26	0,395	45,53
3	86	8	86	5	4	17,2	0,395	6,79
4	14	6	32	5	5	8,0	0,22	1,76
TỔNG CỘNG								97,71

GHI CHÚ:

- Kích thước trong bản vẽ ghi bằng cm, cao độ ghi bằng m
- Cứ 10m dài kênh có 05 giằng ngang kênh bằng BTCT M200
- Lớp BT bảo vệ cốt thép $a = 2\text{cm}$

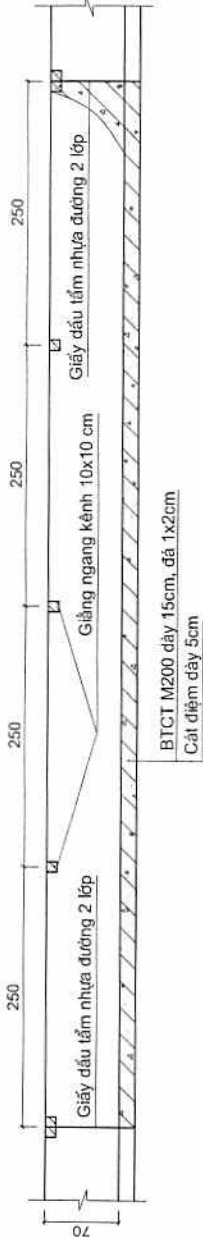
THIẾT KẾ MẪU KÍNH TƯỚI NỘI ĐỒNG

KÍNH BÉ TÔNG B X H = 60 X 70 CM

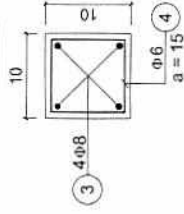
TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG PHẦN XÂY ĐÚC CHO 10M KÍNH

- | | | |
|-------------------------------|--------|----------------|
| 1. Bê tông M200 : | 3,48 | m ³ |
| 2. Thép tròn $\phi \leq 10$: | 110,00 | kg |
| 3. Giấy dầu nhựa đường : | 0,35 | m ² |
| 4. Cát diêm dày 5cm | 0,45 | m ² |
| 5. Ván khuôn: | 31,60 | m ² |

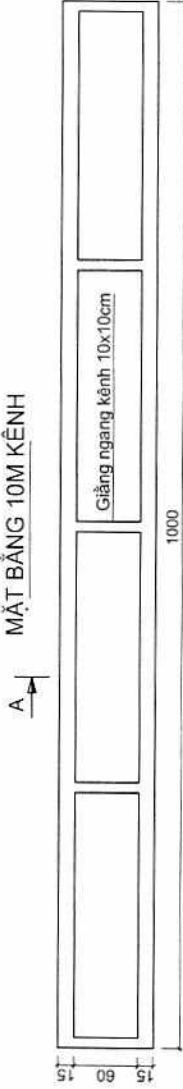
CẮT DỌC KÍNH



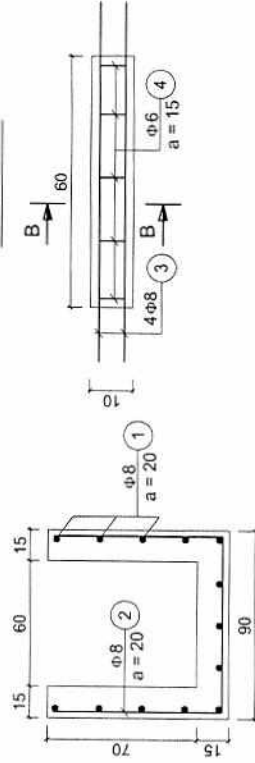
MẶT CẮT B - B



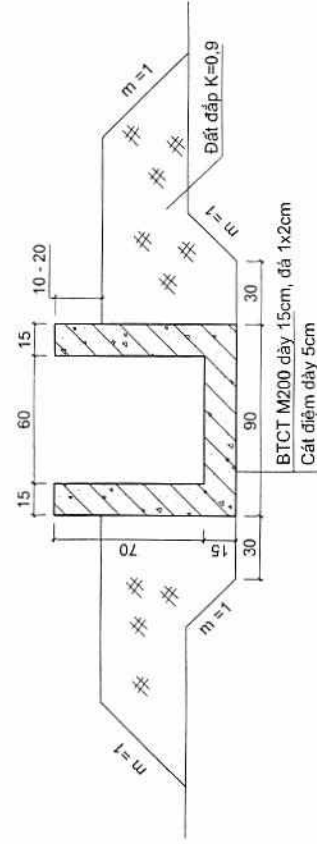
MẶT BẰNG 10M KÍNH



MẶT CẮT A - A



GIĂNG NGANG KÍNH



MẶT CẮT NGANG ĐIỂN HÌNH

TỔNG HỢP CỐT THÉP (TÍNH CHO 10M KÍNH)

SH	Hình dạng	ψ	Chiều dài 1 thanh (cm)	Số lượng	Số thanh	Tổng chiều dài L (m)	TLR (Kg/m)	Trọng lượng (kg)
1		8	1004	1	13	130,52	0,395	51,56
2		8	246	1	51	125,46	0,395	49,56
3		8	86	5	4	17,2	0,395	6,79
4		6	32	5	6	9,6	0,22	2,11
TỔNG CỘNG								110,02

GHI CHÚ:

- Kích thước trong bản vẽ ghi bằng cm, cao độ ghi bằng m
- Cốt 10m dài kính có 05 giăng ngang kính bằng BTCT M200
- Lớp BT bảo vệ cốt thép a = 2cm

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự Do - Hạnh Phúc

THIỆT KẾ MẪU
CÔNG TRÌNH PHỤ TRỢ
CÔNG TRÌNH DÂN DỤNG & CÔNG NGHIỆP, HẠ TẦNG KỸ THUẬT

ĐÁK NÔNG 2023

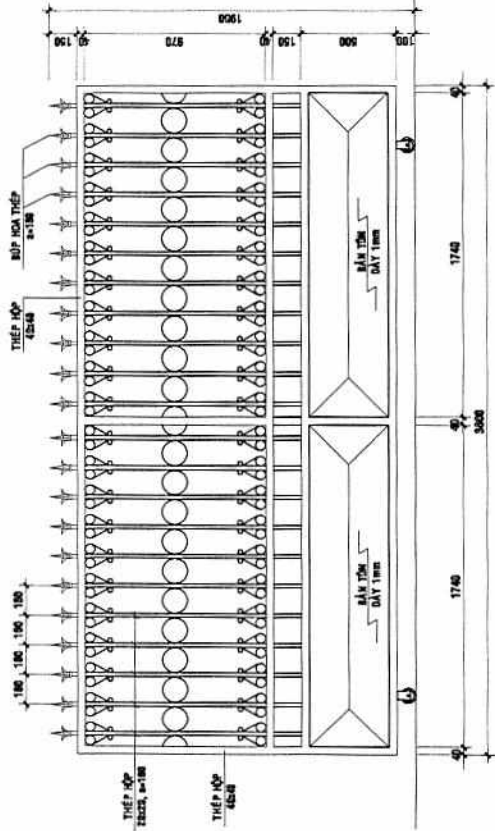


CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

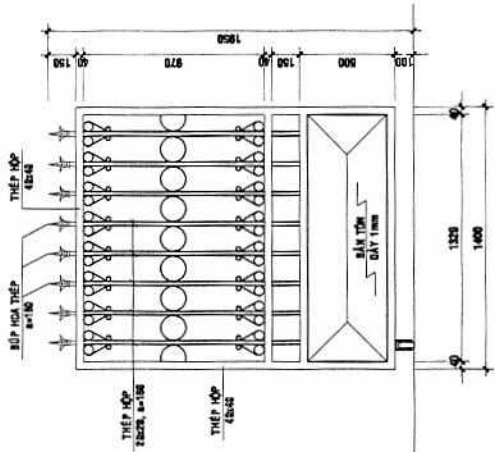
THIẾT KẾ MẪU
CÔNG - TƯỜNG RÀO - SÂN

ĐÁK NÔNG 2023

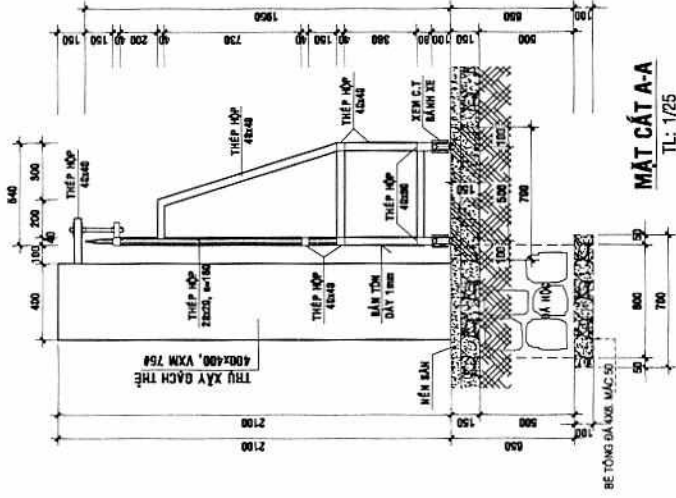




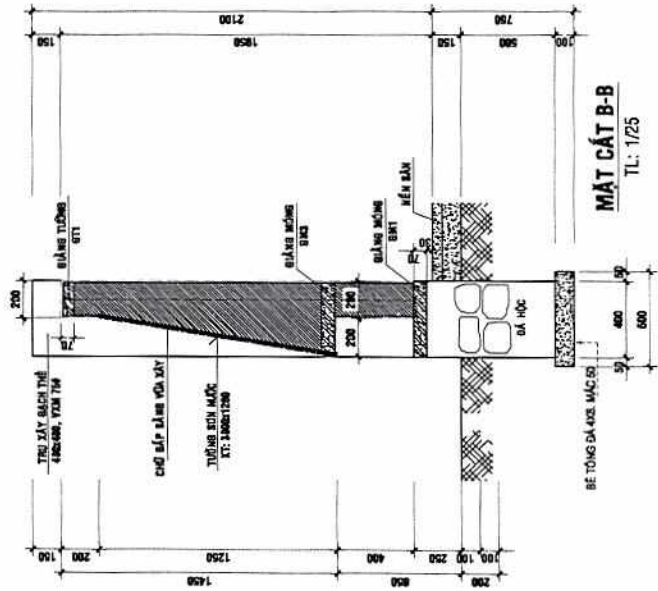
CHI THIẾT CÔNG SÁT ĐẦY
TL: 1/25



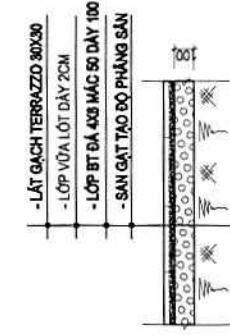
CHI THIẾT CÔNG MỠ
TL: 1/25



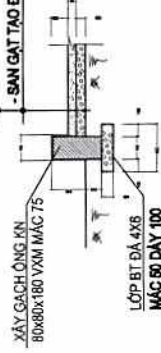
MẶT CÁT A-A
TL: 1/25



MẶT CÁT B-B
TL: 1/25



- KÉ ROON CHỐNG NỨT 4000X1000
- LỚP BT ĐÁ 1X2 MẮC 200 DÂY 70
- LỚP BT ĐÁ 4X3 MẮC 90 DÂY 100
- SAN GẠT TẠO ĐỘ PHẪNG SÀN

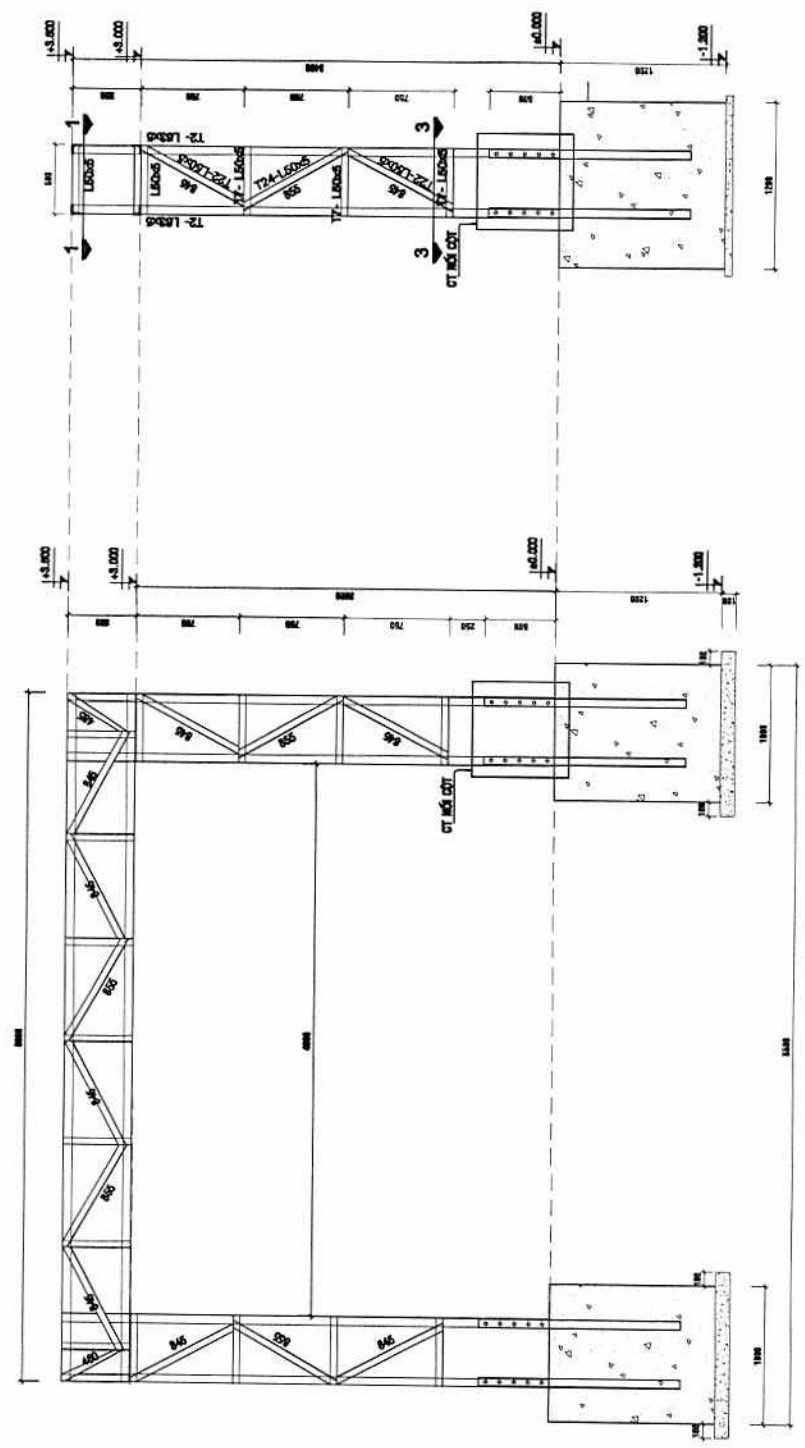


- XÂY GẠCH ÔNG KÍN 80X80X180 VẠM MẮC 75
- LỚP BT ĐÁ 4X3 MẮC 90 DÂY 100
- SAN GẠT TẠO ĐỘ PHẪNG SÀN

SÀN LÁT GẠCH TERRAZZO-TL:1/25

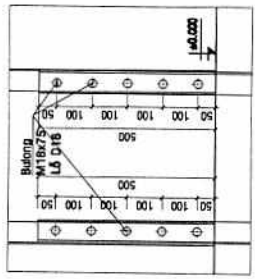
BÓ VẢI - SÀN BÊ TÔNG -TL:1/25

MẪU CÔNG 1
CÔNG TRỤ BÊ TÔNG CỐT THÉP

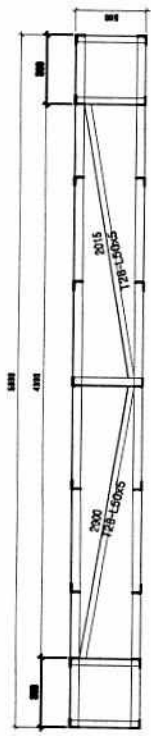


MẶT ĐƯỜNG BÊN CÔNG KHUNG SẮT
TL:1/50

MẶT ĐƯỜNG CÔNG KHUNG SẮT
TL:1/50

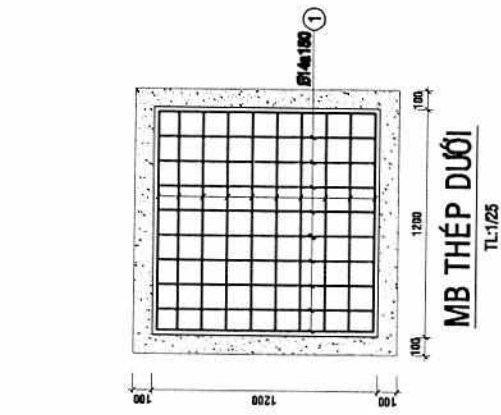


CHI TIẾT NỐI CỘT
SL: 08X - TL: 1/10



MẶT CẮT 1-1
TL:1/50

MẪU CỐNG 2
CÔNG TRỤ KHUNG THÉP HÌNH

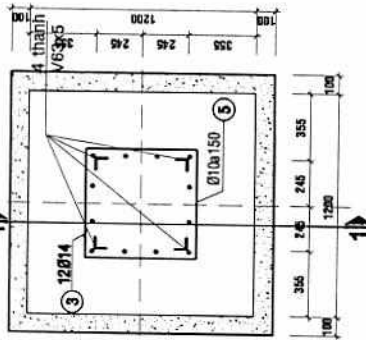
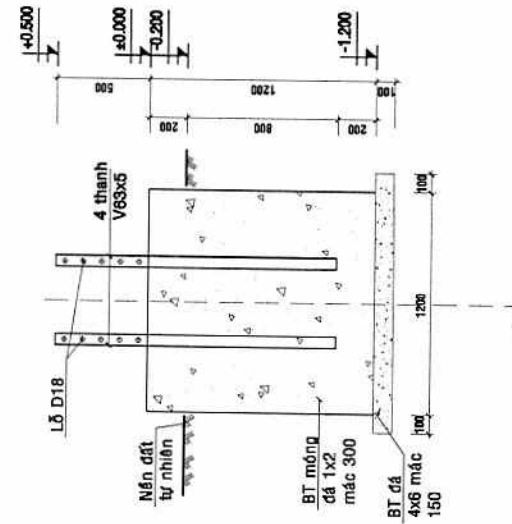
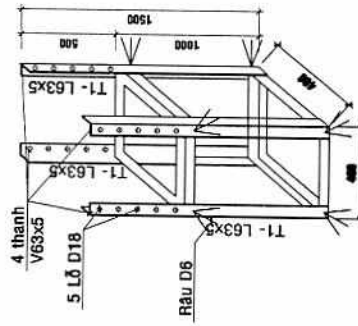
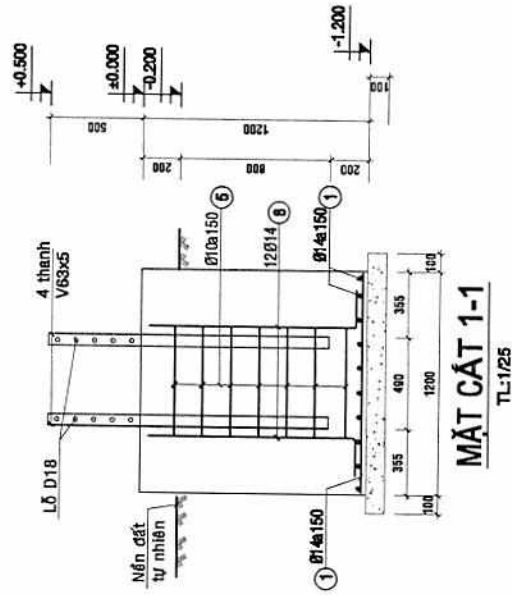


GHI CHÚ

- BÊTÔNG MÓNG DÀ 10X20, #300
- BÊTÔNG LÓT MÓNG BÀ 40X60, #150
- THÉP > Ø10 DÙNG THÉP AII : Ra= 2800 Kg/cm²
- THÉP <= Ø10 DÙNG THÉP AII : Ra=2250 Kg/cm²
- NỐI CỐT THÉP CHỖNG NHAU 1 ĐOẠN 30d (d=Ømax)
- NỐI CỐT THÉP ĐÁM: PHÍA TRÊN TẠI GIỮA NHỊP, NỐI CỐT THÉP PHÍA DƯỚI TẠI GỖI HIỆN TRƯỞNG TRƯỚC KHI THI CÔNG
- KHI THI CÔNG GÁN KẾT HỢP VỚI CÁC BẢN VẼ ĐỂ CHỮA THÉP CHO CÁC CẤU KIỆN

MẪU CỐNG 2

CÔNG TRỤ KHUNG THÉP HÌNH

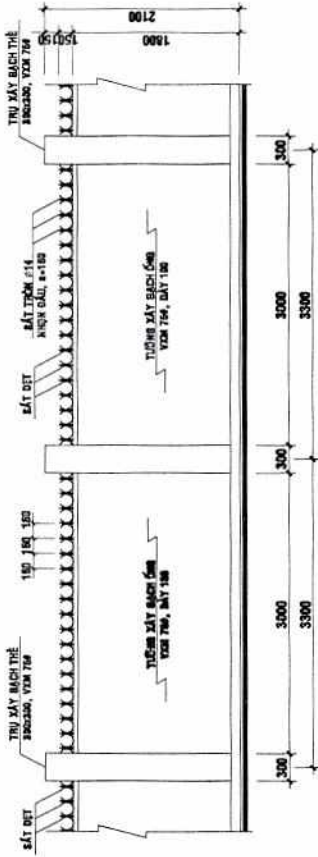


CHI TIẾT NỐI CHÂN CỘT

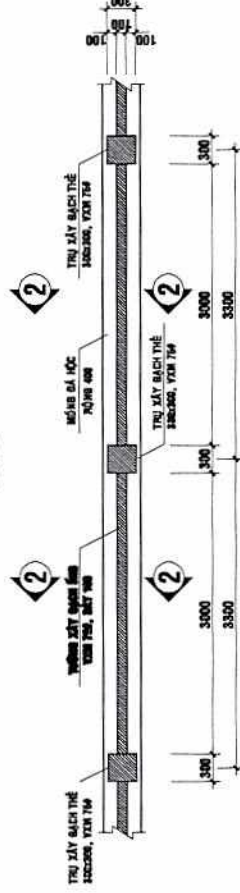
TL:1/25

CHI TIẾT MÓNG M1

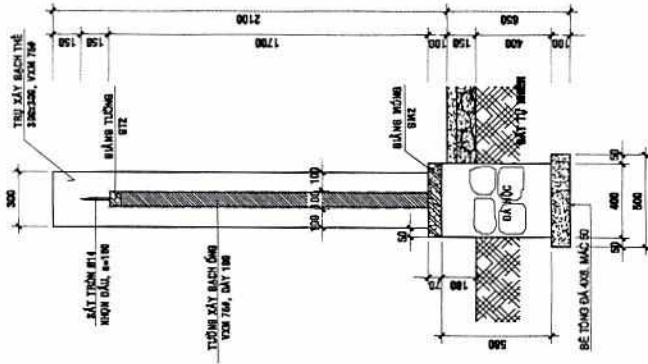
TL:1/25, SL-02CK



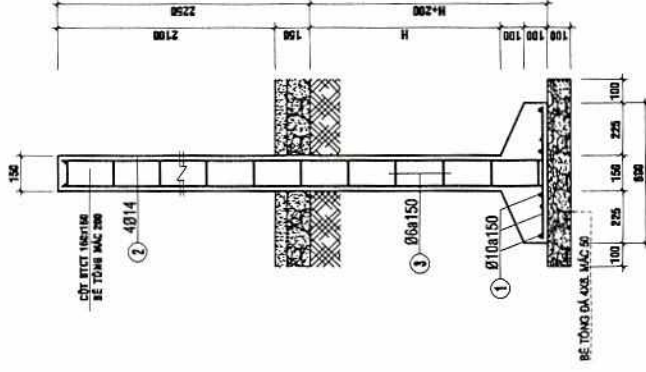
MẪU HÀNG RÀO XÂY GẠCH MẶT ĐỨNG
TL: 1/50



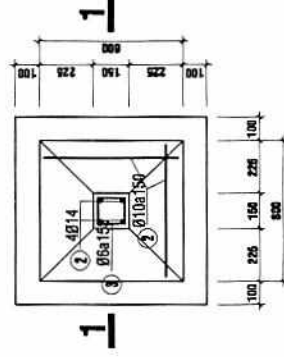
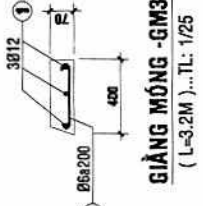
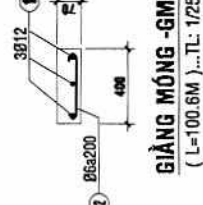
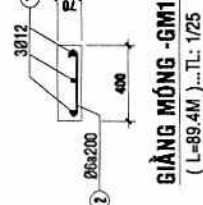
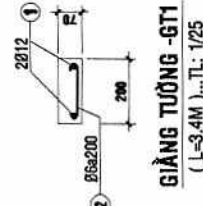
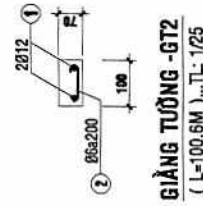
MẪU HÀNG RÀO XÂY GẠCH MẶT BẰNG
TL: 1/50



MẶT CẮT 2-2
TL: 1/25

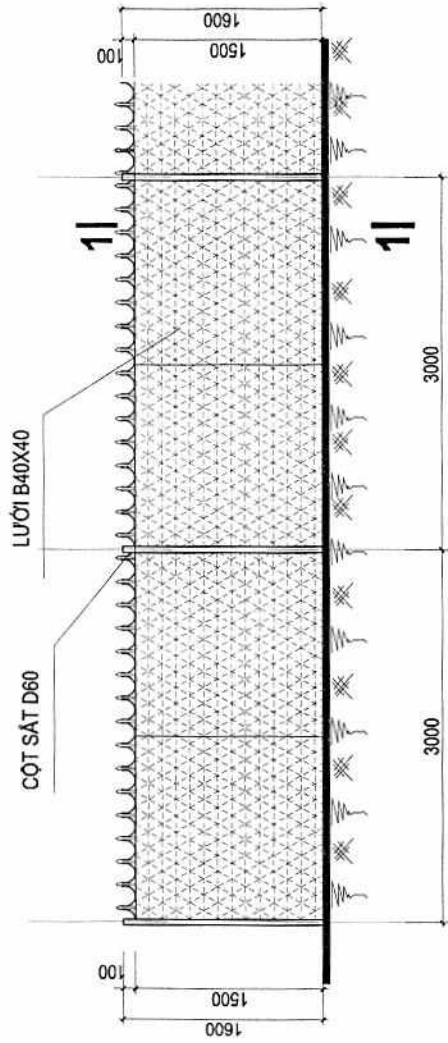


MẶT CẮT 1-1
TL: 1/50



MẪU HÀNG RÀO 2
HÀNG RÀO XÂY GẠCH KÍN

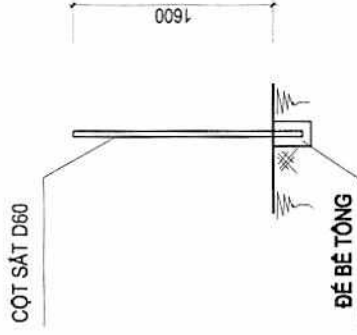




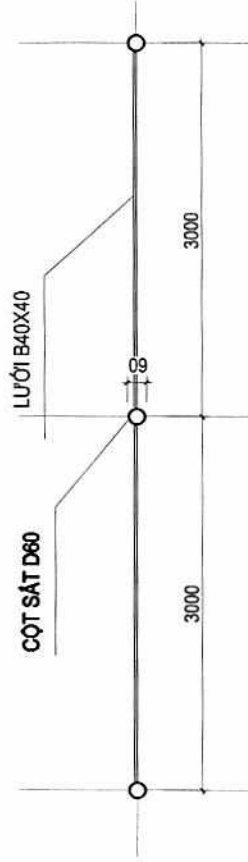
MẪU HÀNG RÀO LƯỚI B40

MẶT ĐỨNG

TL: 1/50



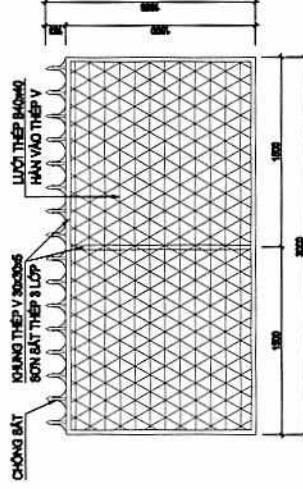
MC 1-1



MẪU HÀNG RÀO LƯỚI B40

MẶT BẰNG

TL: 1/50



CHI TIẾT HÀNG RÀO LƯỚI B40

MẪU HÀNG RÀO 3

HÀNG RÀO LƯỚI B40

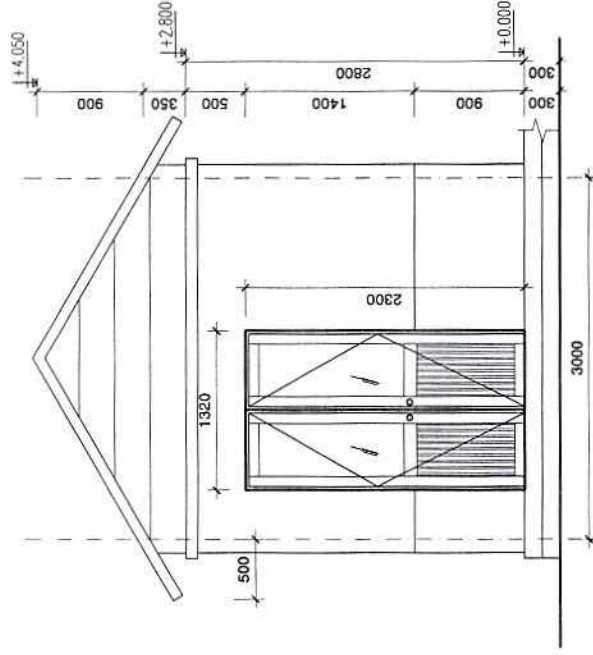


CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

THIỆT KẾ MẪU NHÀ BẢO VỆ

ĐẮK NÔNG 2023





MẶT ĐÚNG TRỤC D-C TL1:50

N1 NỀN:

- NÉN LÁT GẠCH CERAMIC 400X400
- ĐÁ 4X6 VXM #50 DÂY 100
- LỚP BT BẠN NGANG MẮC 75 DÂY 100
- LỚP ĐẤT ĐẬP TỰI NƯỚC ĐẦM KỶ TÙNG LỚP DÂY 200
- LỚP ĐẤT SAU BẠN NÉN DỌN SẠCH TỰI NƯỚC ĐẦM KỶ

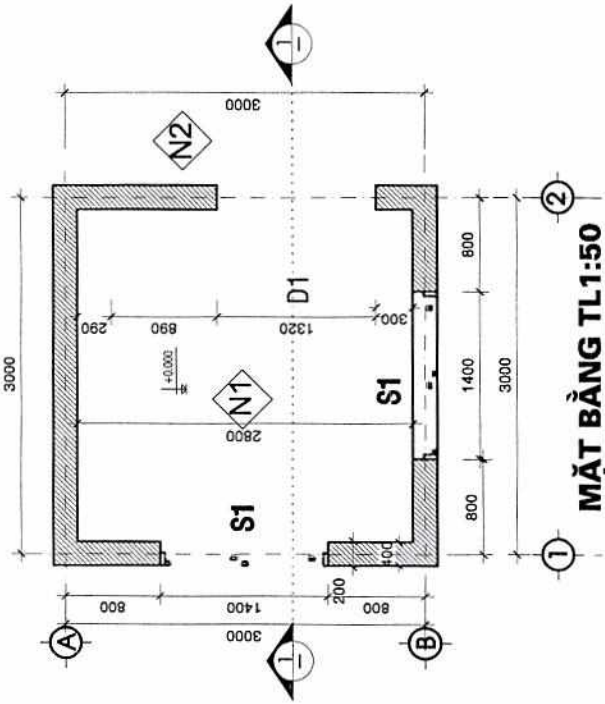
N2 NỀN:

- NÉN LÁT GẠCH CERAMIC 400X400 CHỐNG TRƯỢT
- ĐÁ 4X6 VXM #50 DÂY 100
- LỚP ĐẤT ĐẬP TỰI NƯỚC ĐẦM KỶ TÙNG LỚP DÂY 200
- LỚP ĐẤT SAU BẠN NÉN DỌN SẠCH TỰI NƯỚC ĐẦM KỶ

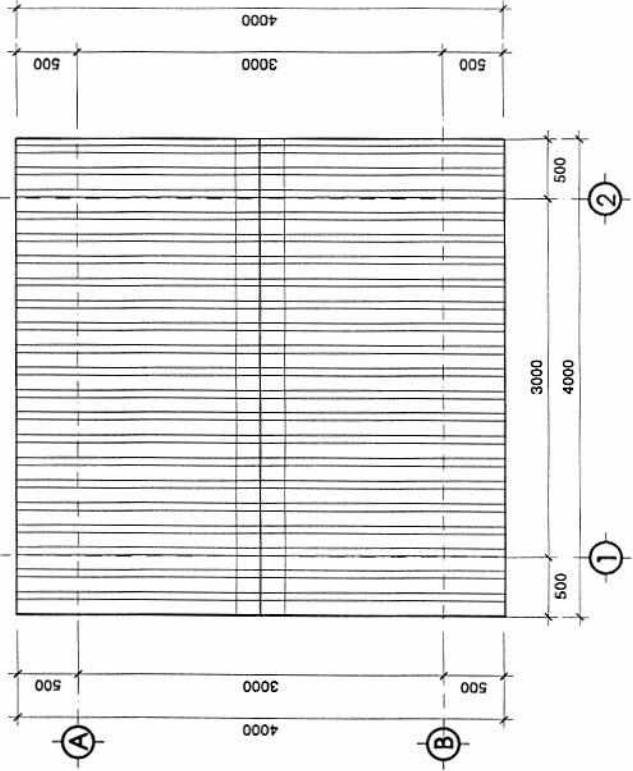
M: MÁI:

- MÁI LỚP TỖN MÀU XANH DÂY 5.30
- XÀ CHỖ THÁP NỐP ANCHOR 2.0x 1.00
- BỀNH TRƯỢT (XANH HẠ)
- TRƯỜNG TỖN LỢNH

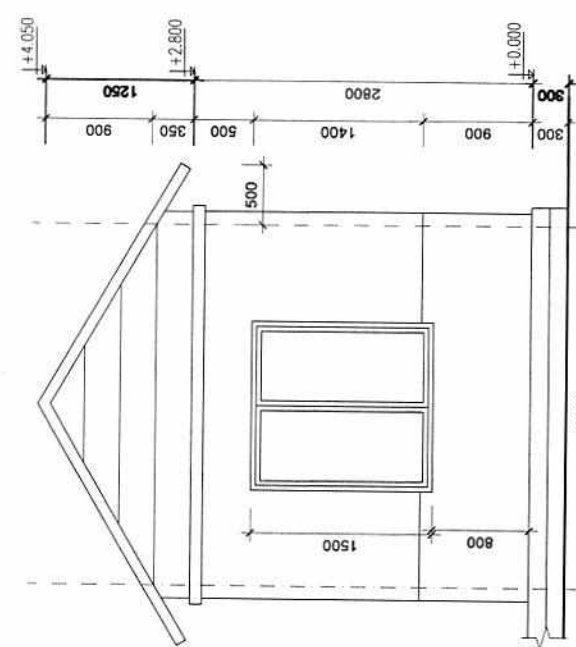
MÀU NHÀ BẢO VỆ



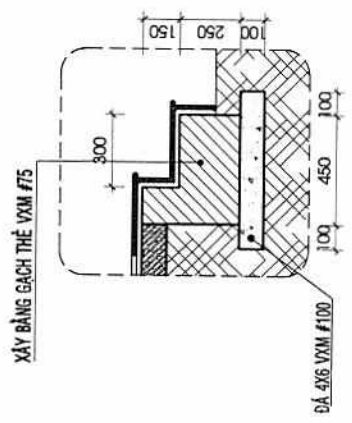
MẶT BẰNG TL1:50



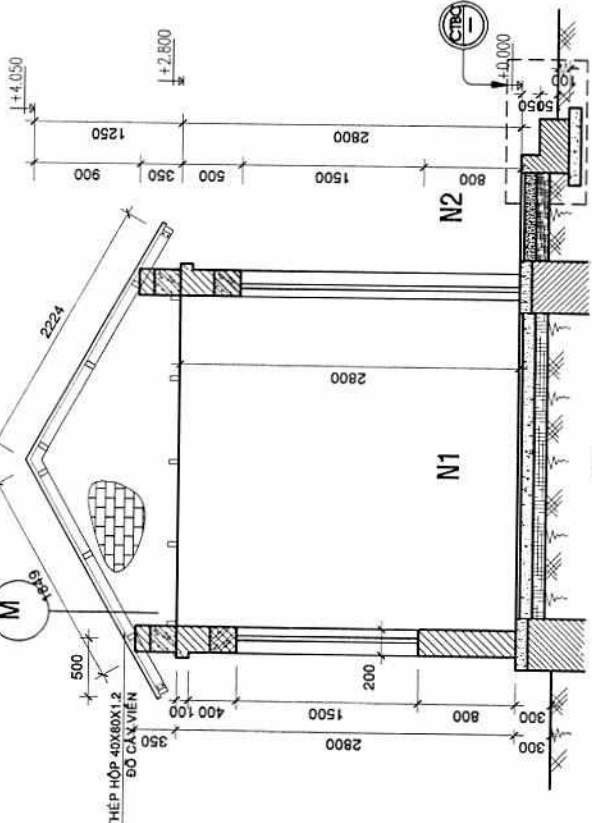
MẶT BẰNG MÁI TL1:50



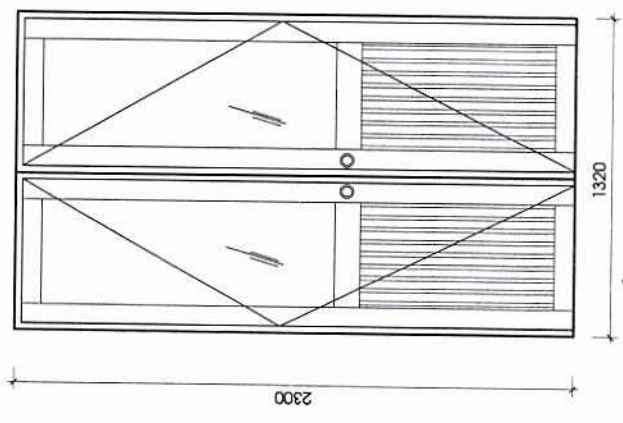
MẶT ĐÚNG TRỰC 1-2 TL1:50



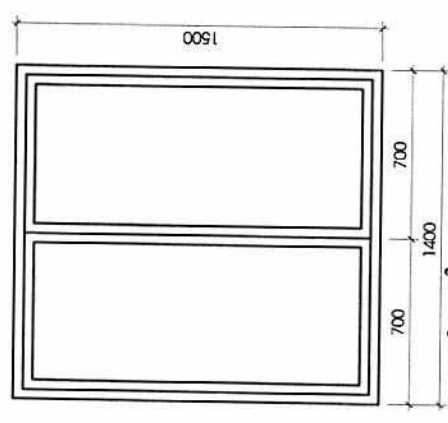
CHI TIẾT BC TL: 25



MẶT CẮT 1-1 TL1:50

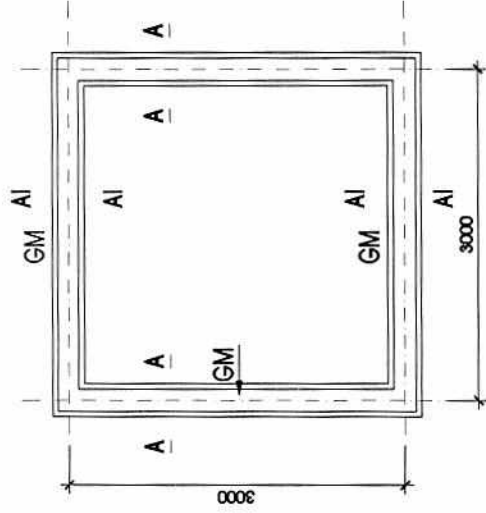


**CỬA ĐI (01 BỘ)
KHUNG NHÔM KÍNH**

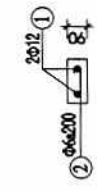
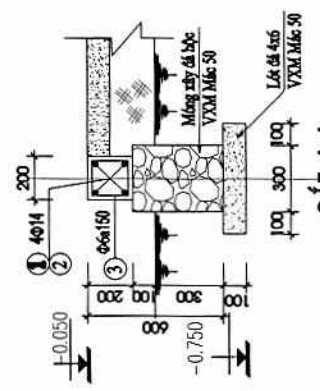


**CỬA SỔ MỎ S1, (02 BỘ)
KHUNG NHÔM KÍNH**

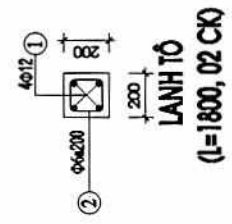
Handwritten notes and signatures in red ink at the bottom right of the page.



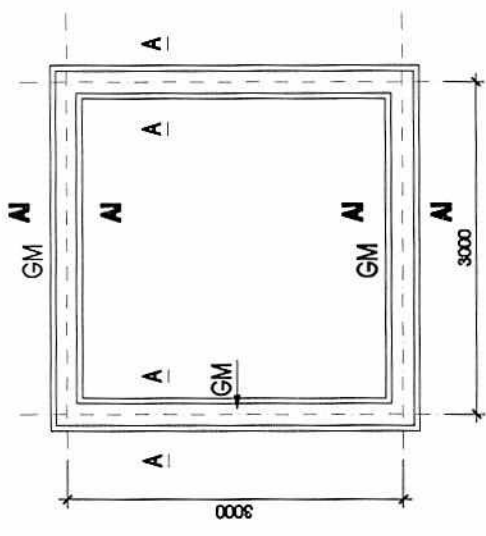
MẶT BẰNG MÓNG



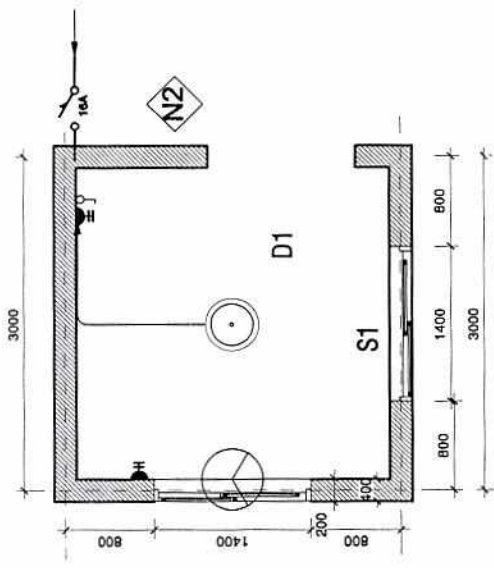
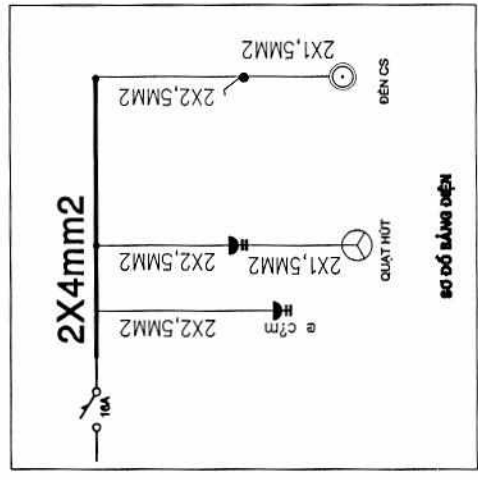
GIĂNG THU HỒI TH
(l=3700, 02 CK)



GIĂNG TƯỜNG
(l=3000, 04 CK)



MẶT BẰNG GIĂNG TƯỜNG



MẶT BẰNG BỐ TRÍ ĐIỆN

STT	THIẾT BỊ	SỐ LƯỢNG	ĐƠN VỊ
1	ÁP TÔ MẮT 1P, 16A	01	CÁI
2	HỘP NHỰA - MẶT NẠ	02	CÁI
3	HỘP NHỰA	02	CÁI
4	HỘP NỐI KỸ THUẬT < 150X150	03	HỘP
5	CÔNG TẮC ĐÈN ĐƠN 220V-10A	01	CÁI
6	Ổ CẮM ĐỔI ĐẶT NGẦM 220V-10A	01	CÁI
7	Ổ CẮM TRUNG GIẠN VỚI QUẠT 220V-10A	01	BỘ
8	QUẠT HÚT	01	CÁI
9	DÂY DẪN ĐIỆN RUỘT ĐỒNG 2 X 4 MM	10	M
10	DÂY DẪN ĐIỆN RUỘT ĐỒNG 2 X 2.5 MM	10	M
11	DÂY DẪN ĐIỆN RUỘT ĐỒNG 2 X 1.5 MM	30	M
12	ỐNG NHỰA BẢO HỘ DÂY DẪN	40	M
13	BÓNG ĐÈN	02	BỘ

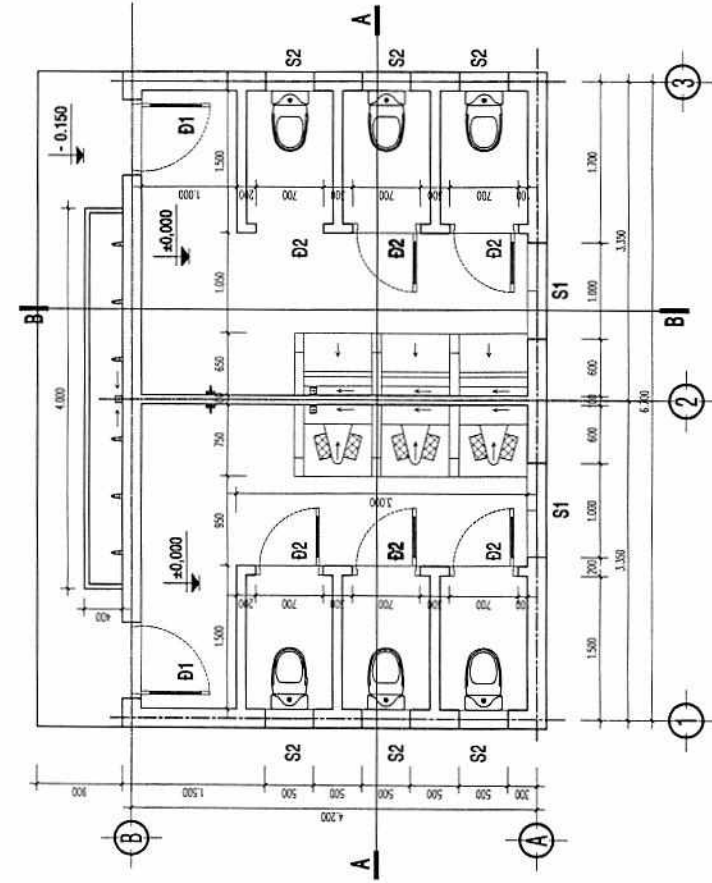


CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự Do - Hạnh Phúc

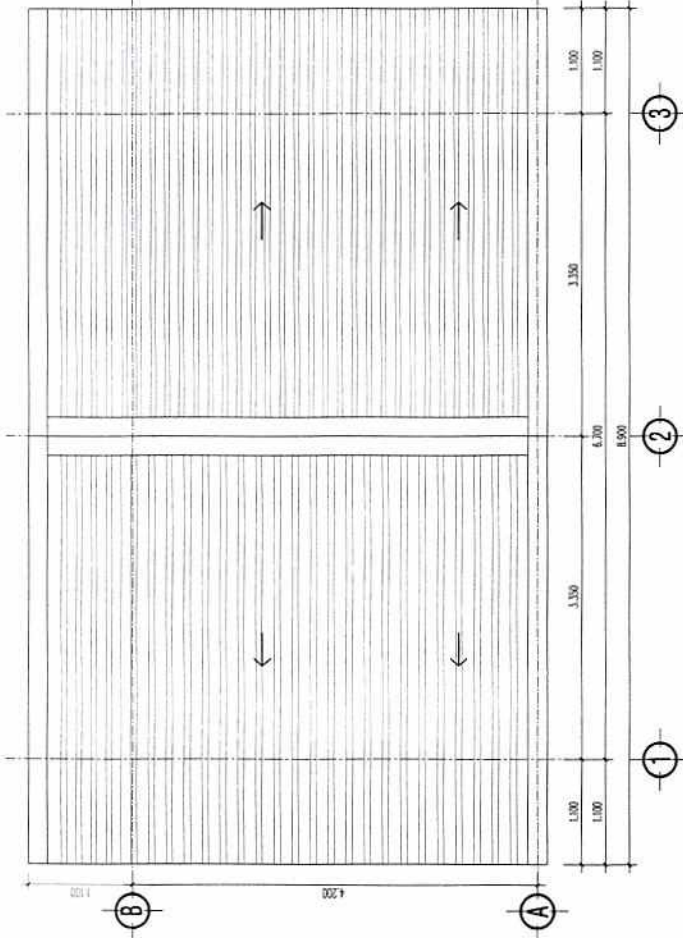
THIẾT KẾ MẪU NHÀ VỆ SINH TRƯỜNG HỌC

ĐẮK NÔNG 2023

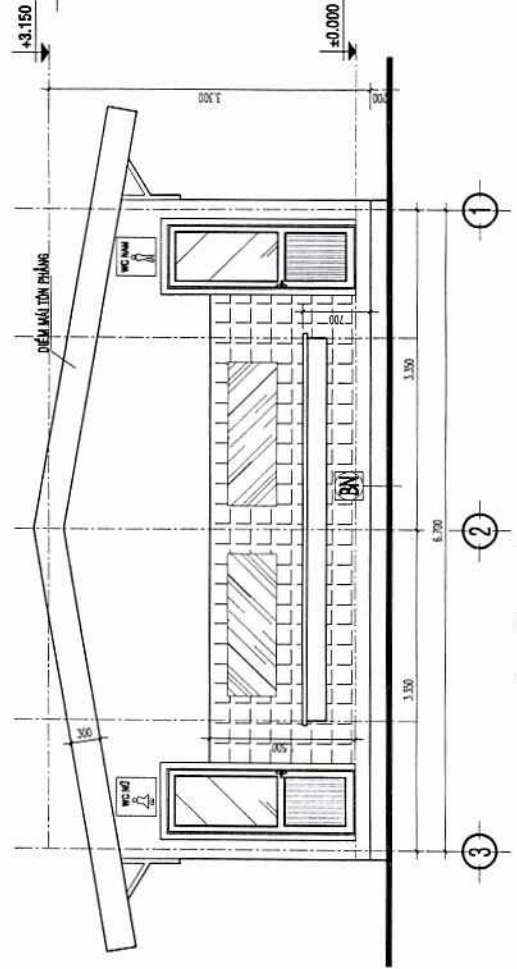




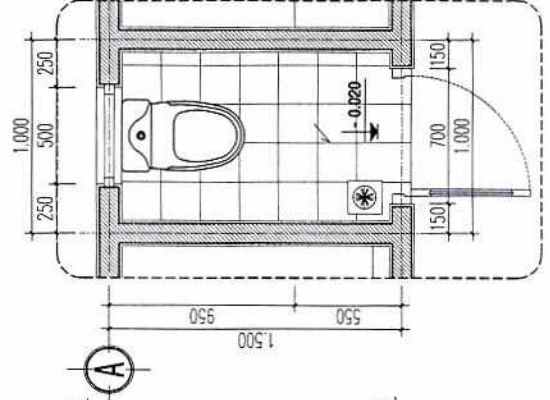
MẶT BẰNG KIẾN TRÚC TL:1/50



MẶT BẰNG MÁI TL:1/50



MẶT ĐỨNG CHÍNH TRỤC 3-1 TL:1/50

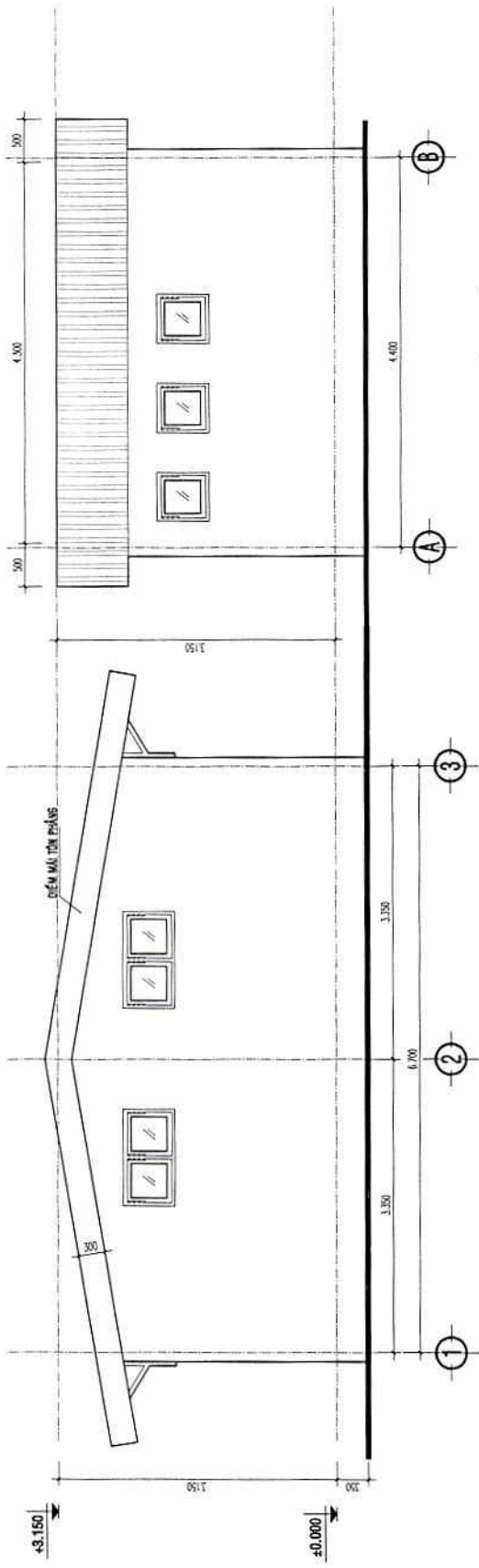


CT WC RIÊNG TL:1/25

- TƯỜNG ỐP GẠCH CERAMIC 300x450 CAO 1.35M
- NÉN LÁT GẠCH CERAMIC 300x300 CHỐNG TRƯỢT
- LÁT LĂNG VỮA XI MẮNG MẮC 75 DÀY 2.5CM
- BÊ TÔNG ĐÁ 4x6 VỮA XI MẮNG MẮC 50 DÀY 100
- ĐẤT ĐÁP ĐẢM KỸ
- ĐẤT TỰ NHIÊN SAN PHẪNG

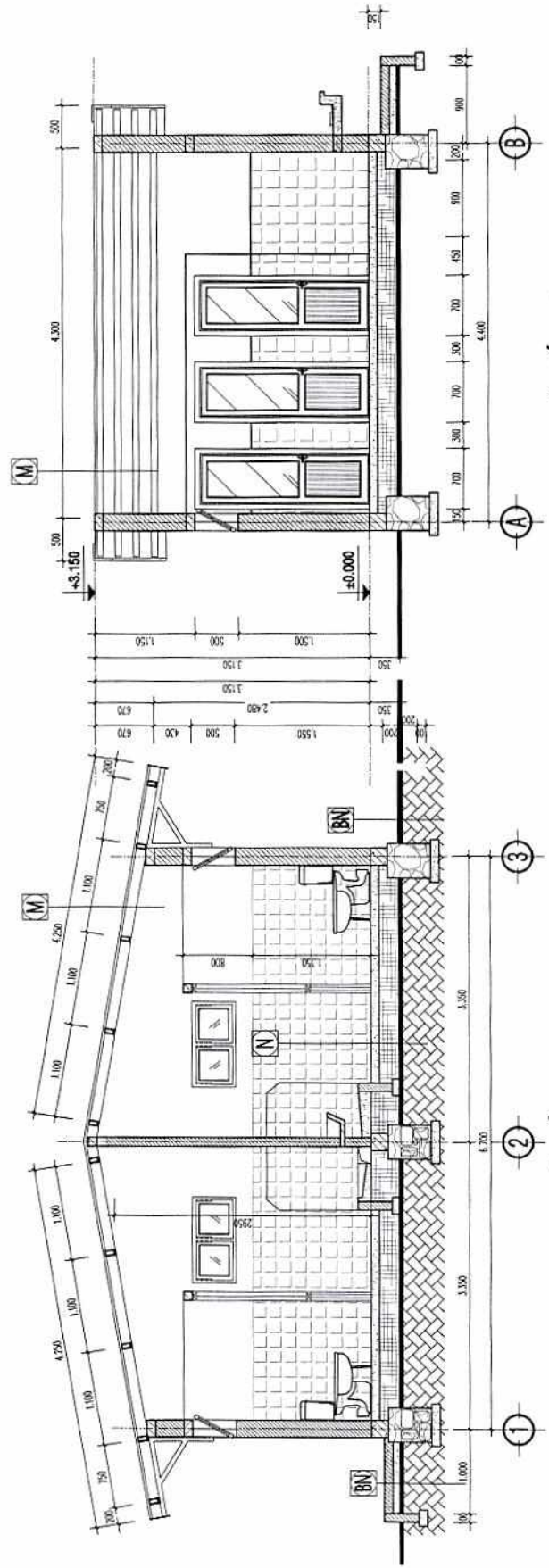
- MÁI LỢP TÓN MÀ MÀU 4.0LY
- XÀ GỖ THÉP □40x80x1.6, a = 1100.
- TƯỜNG THU HỒI XÂY GẠCH VXM 75#

- NÉN BÊ TÔNG ĐÁ 1X2, MẮC 200, DÀY 100
- BÊ TÔNG ĐÁ 4x6 VỮA XI MẮNG MẮC 50 DÀY 100
- ĐẤT TỰ NHIÊN SAN PHẪNG



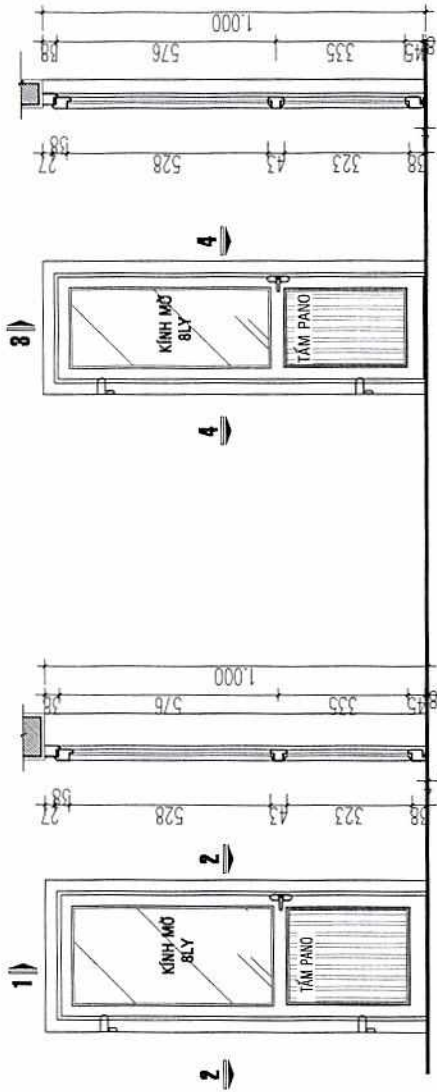
MẶT ĐÚNG BÊN TL:1/50

MẶT ĐÚNG CHÍNH TRỰC 1-3 TL:1/50



MẶT CẮT A-A TL:1/50

MẶT CẮT B-B TL:1/50



CỬA D1

KÍCH THƯỚC	1000mm x 2000mm
SỐ LƯỢNG	02 CK
CHẤT LIỆU	NHÔM, MỖ QUAY
KHOA CỬA	KÍNH MỜ S LY + PHỤ KIỆN

CỬA D2

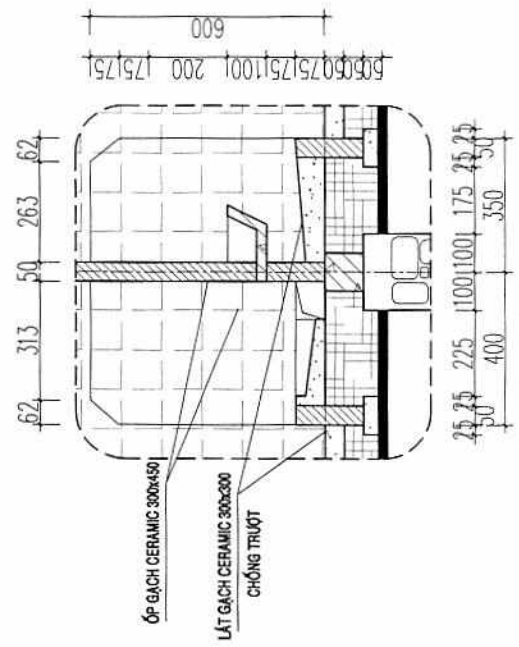
KÍCH THƯỚC	700mm x 2000mm
SỐ LƯỢNG	06 CK
CHẤT LIỆU	NHÔM, MỖ QUAY
KHOA CỬA	KÍNH MỜ S LY + PHỤ KIỆN

CỬA S1

KÍCH THƯỚC	1000mm x 500mm
SỐ LƯỢNG	04 CK
CHẤT LIỆU	NHÔM, MỖ HẠT
KHOA CỬA	KÍNH MỜ S LY + PHỤ KIỆN

CỬA S1

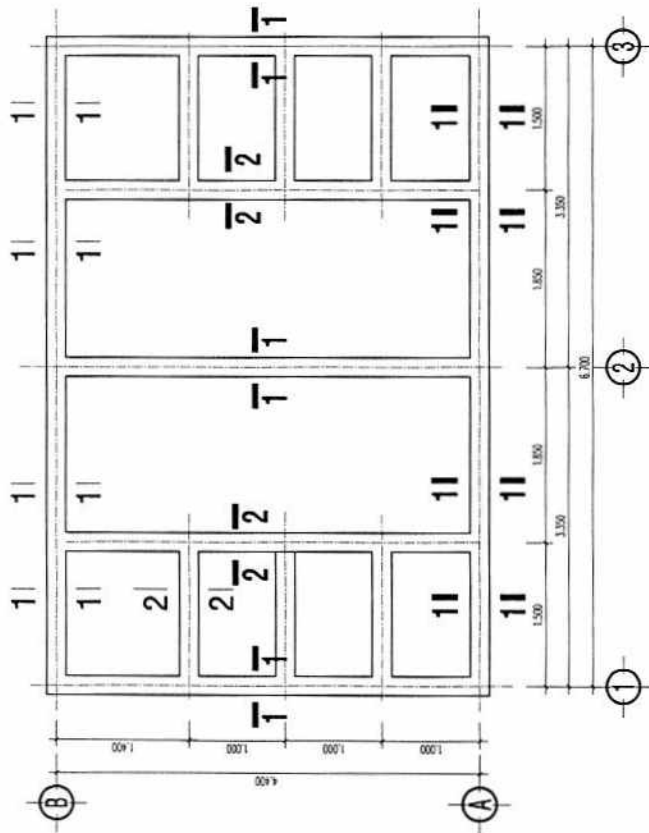
KÍCH THƯỚC	500mm x 500mm
SỐ LƯỢNG	06 CK
CHẤT LIỆU	NHÔM, MỖ HẠT
KHOA CỬA	KÍNH MỜ S LY + PHỤ KIỆN



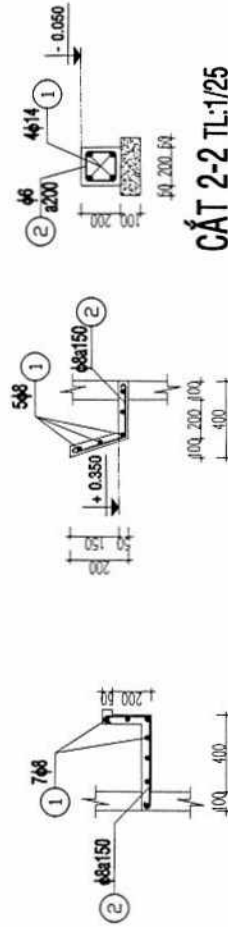
CT BÓN TIỂU TL:1/25

CT GIÁ ĐỖ TL:1/25



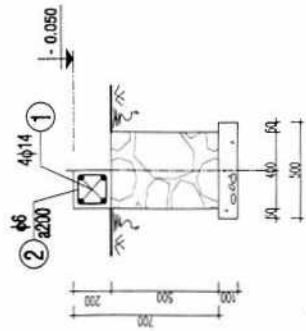


MẶT BẰNG MÓNG TL:1/50



CT BÈN RỪA TAY (L=2m) TL:1/25
CẮT 2-2 TL:1/25

- GHI CHÚ:**
- TOÀN BỘ CẤU KIỆN BÊ TÔNG DÙNG BÊ TÔNG ĐÁ 12 MẮC 200
 - BÊ TÔNG LÓT ĐÁ 4x8 VXM MẮC 50, MÓNG ĐÁ HỌC XÂY VXM MẮC 50
 - CỐT THÉP Ø<10 DÙNG THÉP AI CÓ Rs = Rsc = 2100 KG/cm²
 - CỐT THÉP Ø=10 DÙNG THÉP AI CÓ Rs = Rsc = 2700 KG/cm²
 - LỚP BÊ TÔNG BẢO VỆ CỐT THÉP:
 - SÊ NƠ = 12mm, DẦM CỘT = 20mm, MÓNG = 50mm
 - NEO THÉP & NỐI THÉP CHỖNG NHAU 1 ĐOẠN >= 300 (D = Ømax)



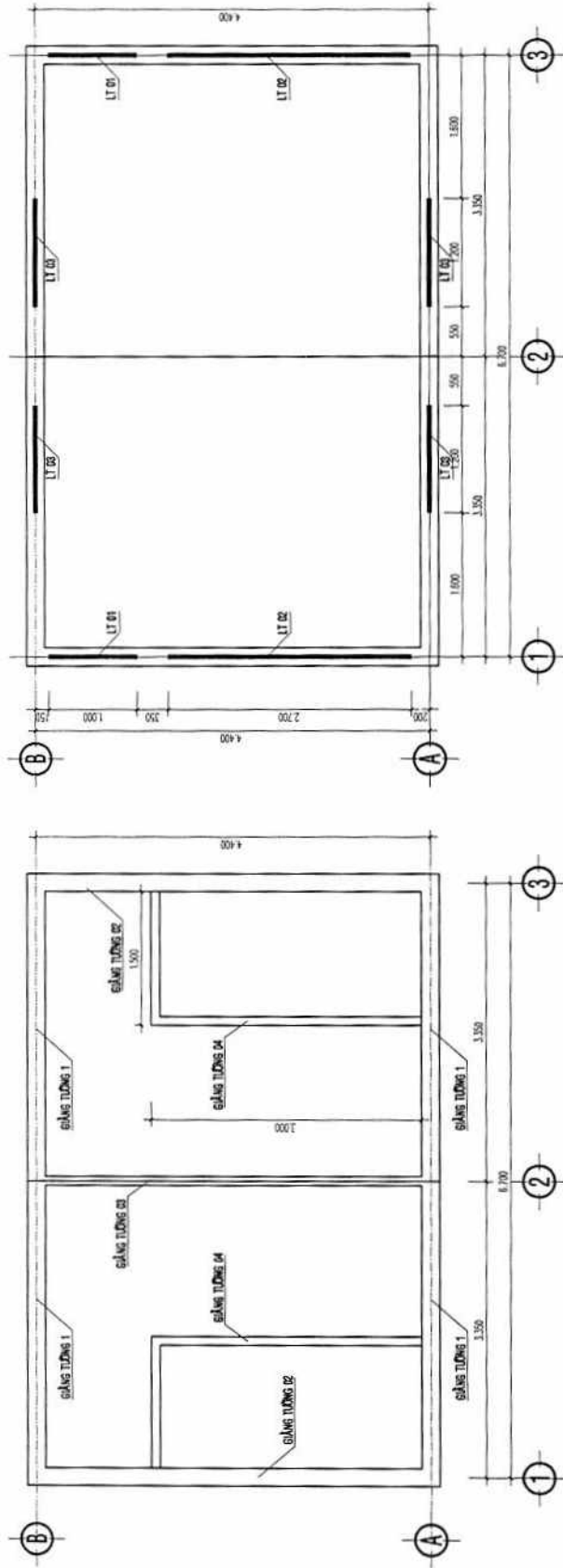
CẮT 1-1 (L=26.8m) TL:1/25

BẢNG THÔNG KÊ CỐT THÉP ĐÁ KÍNH

TÊN SỐ C.K. MIÊU	HÌNH DẠNG - KÍCH THƯỚC	TỔNG Đ.K. C.ĐÀM Ø (mm)	CH. ĐÀM Ø (mm)	SỐ LƯỢNG 1 C.K. T. BỘ	TỔNG CHIỀU DÀI (m)	TỔNG CHUỖN ĐÁ (kg)	TỔNG CHIỀU DÀI (m)	TỔNG TRỌNG LƯỢNG (kg)	CÁY THÉP 11.7m
DK 1	1 50 1880 150	#14	-	7180	2	4	28.72	34.706	-
DK 1	2 50 1880 150	#14	-	6860	2	4	27.44	33.159	-
DK 1	3 50 1880 150	#6	-	740	33	55	48.84	10.840	-
DK 1	1 50 4580 150	#14	-	4880	2	10	48.80	58.871	-
DK 1	2 50 4580 150	#14	-	4580	2	10	45.80	55.104	-
DK 1	3 50 270 150	#6	-	740	23	115	85.10	18.888	-
DK 1	1 50 1880 150	#14	-	1980	2	12	23.76	28.712	-
DK 1	2 50 1880 150	#14	-	1860	2	12	18.62	24.072	-
DK 1	3 50 270 150	#6	-	740	7	42	31.08	6.898	-
GT 1	1 50 180 50	#12	-	3500	2	8	28.00	24.659	-
GT 1	2 50 180 50	#6	-	280	24	96	24.96	5.540	-
GT 1	1 50 4600 50	#12	-	4600	2	4	18.40	16.336	-
GT 1	2 50 4600 50	#6	-	280	31	62	16.12	3.578	-
GT 1	1 50 60 50	#12	-	4600	2	2	8.20	8.168	-
GT 1	2 50 60 50	#6	-	160	31	31	4.96	1.108	-
GT 1	1 50 4400 50	#12	-	4400	2	2	8.80	7.813	-
GT 1	2 50 4400 50	#6	-	160	30	30	4.80	1.065	-

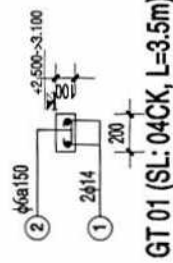
BẢNG THÔNG KÊ CỐT THÉP TỔNG

SIT	ĐƯỜNG KÍNH	CHIỀU DÀI (m)	TRỌNG LƯỢNG (kg)	CÁY THÉP 11.7m
1	6	215.86	47.91	-
2	12	64.40	57.18	5.50
3	14	194.24	234.72	16.60

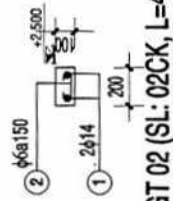


MẶT BẰNG GIẢNG TƯỜNG TL-1/50

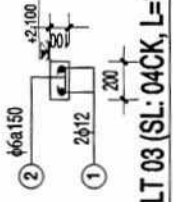
MẶT BẰNG LANH TÔ CỬA TL-1/50



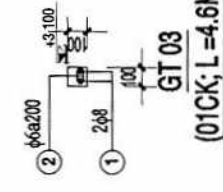
GT 01 (SL: 04CK, L=3.5m)



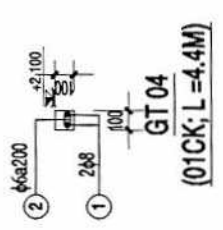
GT 02 (SL: 02CK, L=4.6m)



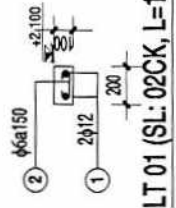
LT 03 (SL: 04CK, L=1.2m)



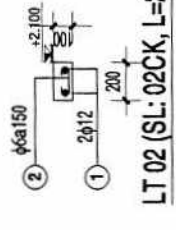
GT 03
(01CK; L=4.6M)



GT 04
(01CK; L=4.4M)



LT 01 (SL: 02CK, L=1.0m)



LT 02 (SL: 02CK, L=2.7m)

BẢNG THÔNG KẾ CỐT THÉP ĐÀ KIỀNG

TÊN SỐ C.K. HIỆU	HÌNH DẠNG - KÍCH THƯỚC	Đ.K. C.ĐÀU Ø (mm)	CH.ĐÀU Ø (mm)	CH.ĐÀU Ø (mm)	SỐ LƯỢNG	TỔNG CH.ĐÀU Ø (mm)	TỔNG CH.ĐÀU Ø (mm)	TỔNG CH.ĐÀU Ø (mm)
LT 01	1000	φ12	-	1000	2	4	4.00	3.55
LT 02	1500	φ6	-	250	7	14	3.54	0.008
LT 03	2700	φ12	-	2700	2	4	10.80	9.508
LT 04	1200	φ6	-	250	19	36	9.08	2.193
LT 05	1500	φ12	-	1200	2	6	9.40	8.523
LT 06	2500	φ6	-	250	9	36	9.36	2.077
LT 07	3000	φ8	-	2500	5	20	50.00	19.729
LT 08	2500	φ8	-	600	17	68	42.15	18.636
LT 09	700	φ8	-	2500	7	7	17.5	8.912
LT 10	700	φ8	-	800	14	14	11.4	4.534

BẢNG THÔNG KẾ CỐT THÉP TƯỜNG

STT	ĐƯỜNG KÍNH	CHIỀU DÀI (m)	TRỌNG LƯỢNG (kg)	CÁY THÉP 11.7m
1	6	22.08	5.08	-
2	8	12.05	47.8	-
3	12	34.40	21.96	2.09

GHI CHÚ:
 - TOÀN BỘ CẤU KIỆN BÊ TÔNG DÙNG BÊ TÔNG ĐÁ 1x2 MẮC 200
 - BÊ TÔNG LỘT ĐÁ 4x6 VXM MẮC 50, MÓNG ĐÁ HỌC XÂY VXM MẮC 50
 - CỐT THÉP Ø<10 DÙNG THÉP AI CÓ Rs = Rsc = 2100 KG/CM²
 - CỐT THÉP Ø=10 DÙNG THÉP AI CÓ Rs = Rsc = 2700 KG/CM²
 - LỚP BÊ TÔNG BẢO VỆ CỐT THÉP:
 SẾ NÓ = 12mm, DẦM & CỘT = 20mm, MÓNG = 50mm
 - NEO THÉP & NỐI THÉP CHỖNG NHAU 1 ĐOẠN >= 30D (D = Ømax)



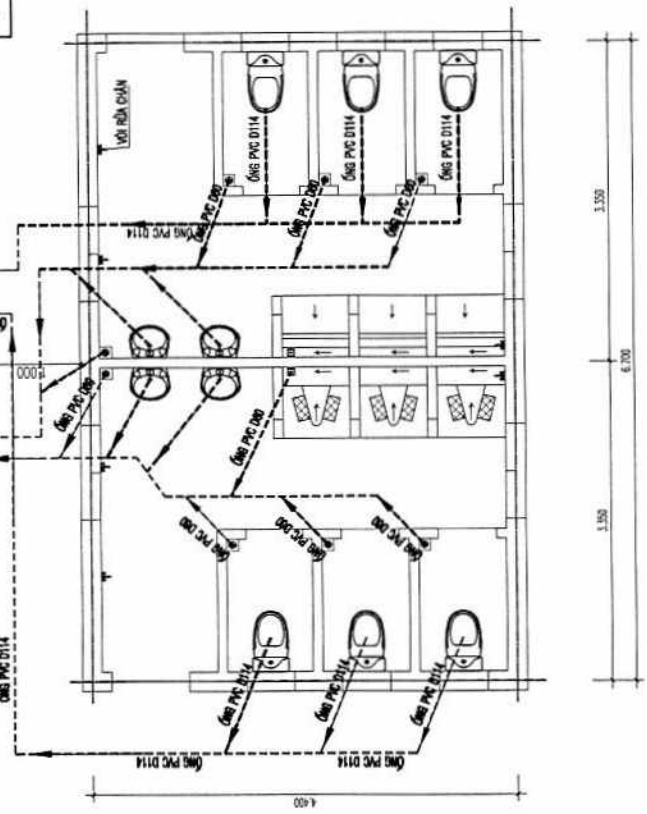
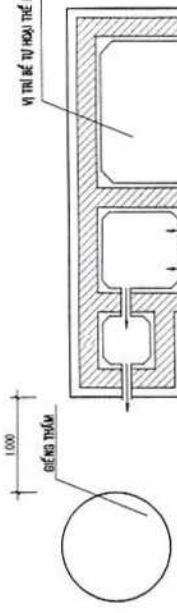
BẢNG THÔNG KẾ VẬT LIỆU CẤP NƯỚC

STT	DIỆN GIẢI	ĐVT	S.LƯỢNG
01	ỐNG PVC D34	m	48
02	ỐNG PVC D27	m	38
02	ỐNG PVC D21	m	28
04	CỎ, CỤT, D34	CAI	03
05	GIÁM 34/27	CAI	04
06	CỎ, CỤT, TẾ D27	CAI	14
07	GIÁM 27/21	CAI	18
08	CỎ, CỤT, TẾ 21	CAI	16

BẢNG THÔNG KẾ VẬT LIỆU NƯỚC CHÍNH

STT	DIỆN GIẢI	ĐVT	S.LƯỢNG
1	XÍ BÊT	BỘ	06
2	VỖI RỬA VỆ SINH	BỘ	06
3	CHẬU RỬA 01 VỖI	BỘ	04
4	VỖI RỬA 01 VỖI	BỘ	04
5	VAN RUMINES RỬA	CAI	06
6	GIƯỜNG SƠI	CAI	04
7	PHẾO THU D60	CAI	10

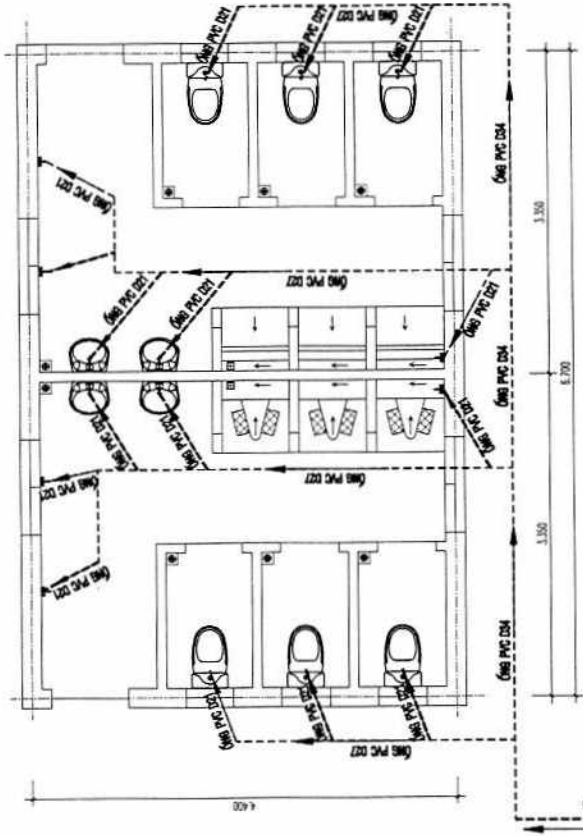
VỊ TÍNH BẾ TỰ HẠNH THỂ HIỆN TRÊN MẶT TƯỜNG THỂ



MẶT BẰNG THOÁT NƯỚC TL:1/50

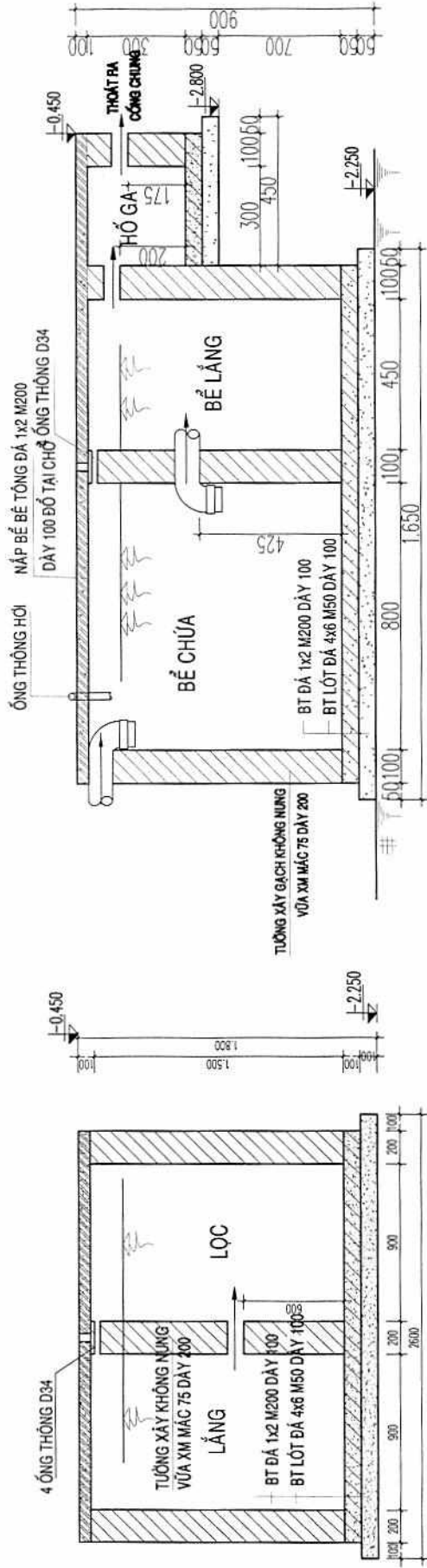
BẢNG THÔNG KẾ VẬT LIỆU THOÁT NƯỚC

STT	DIỆN GIẢI	ĐVT	S.LƯỢNG
01	ỐNG PVC D60	m	42
02	ỐNG PVC D114	m	48
03	CỎ, CỤT, TẾ D60	CAI	18
04	CỎ, CỤT, TẾ D114	CAI	22



MẶT BẰNG CẤP NƯỚC TL:1/50

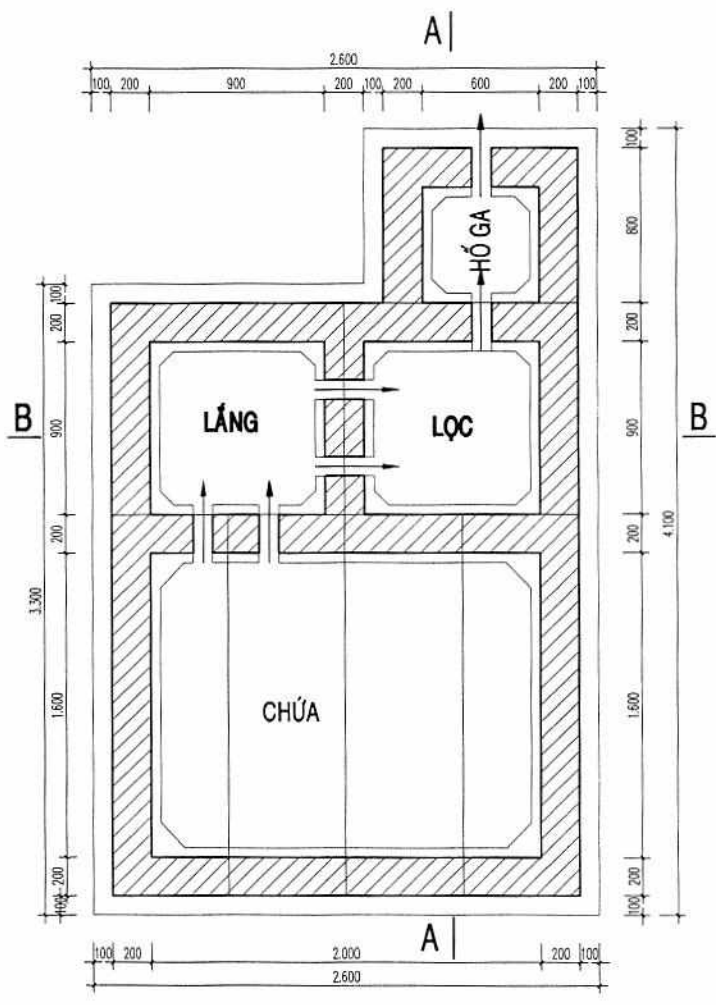
ĐƯỜNG DẪN VÀO NHÀ NƯỚC CẤP VÀ THƯỜNG



MẶT CẮT A-A

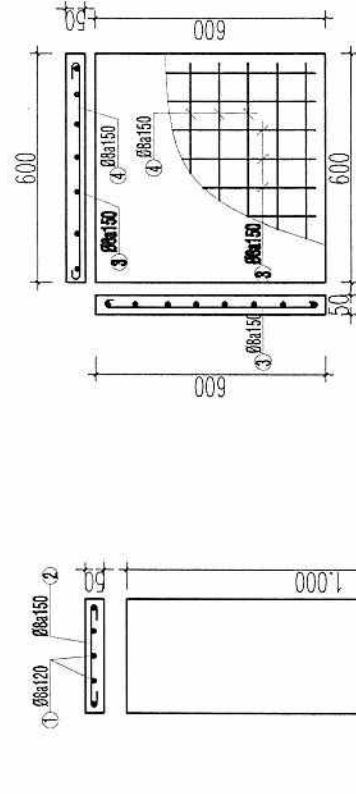
MẶT CẮT B-B

- GHI CHÚ:**
- TOÀN BỘ HỆ THỐNG ỐNG NƯỚC BẰNG NHỰA PVC, ĐƯỢC BỐ TRÍ ẨM TƯỜNG, DƯỚI NÉN NHÀ, SAN.
 - ỐNG CẤP NƯỚC TỪ ĐÀI D34
 - ỐNG CẤP NƯỚC CHÍNH D34
 - ỐNG NHÁNH CẤP NƯỚC D27
 - ỐNG CẤP CHO THIẾT BỊ D21
 - ỐNG THOÁT NƯỚC SINH HOẠT D60
 - ỐNG THOÁT BỒN CẦU D114.
 - ỐNG ĐỪNG THOÁT PHÂN D114.
 - ỐNG THOÁT HƠI D34.

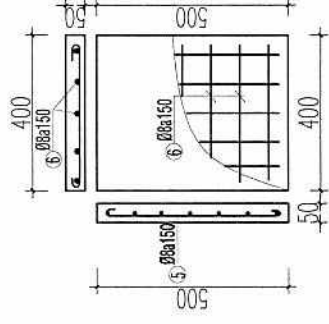


MẶT BẰNG BỂ TỰ HOẠI. (SL: 01CK)

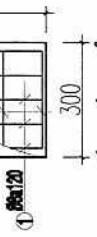




NẤP BỂ ĐỔ RỜI (01CK).



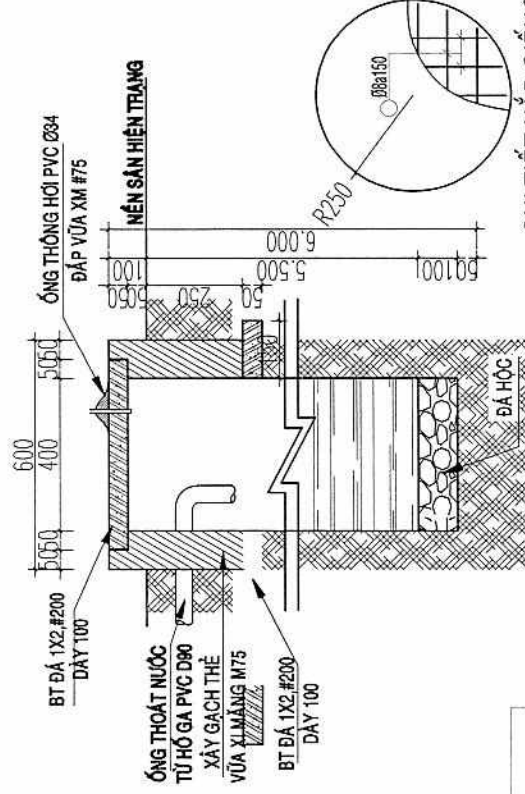
CHI TIẾT NẤP HỐ GA ĐỔ RỜI (1CK).



CHI TIẾT NẤP BỂ (4CK).

GHI CHÚ :

- TẤT CẢ CỌC GHI TRONG BVCY BỂ TỰ HOẠI LÀ SO VỚI CỌC NÉN NHÀ HOÀN THIỆN.
- BỂ TỰ HOẠI XÂY BẰNG GẠCH THẾ, THÀNH TRONG BỂ TRÁT VXM M75, CHỐNG THẤM ĐÁNH MÀU BẰNG XMC

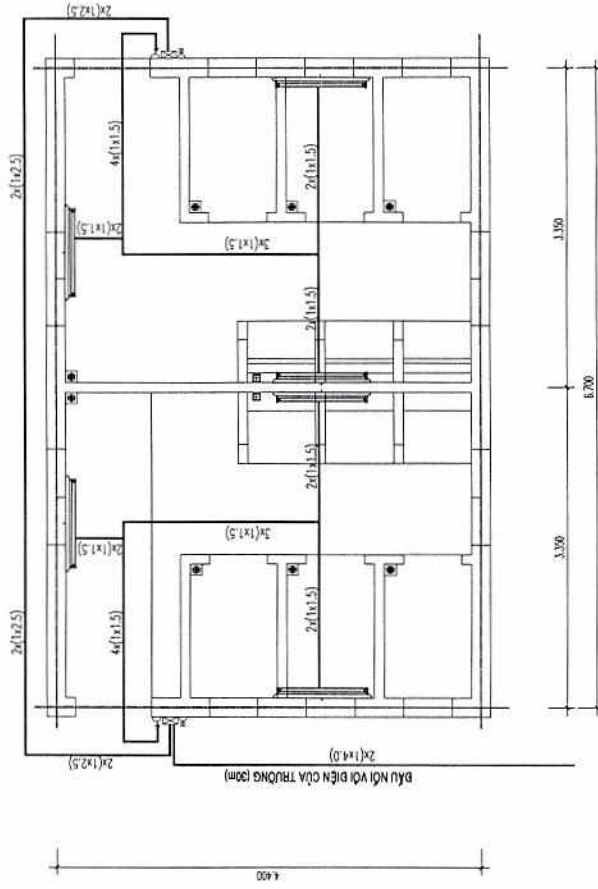


CHI TIẾT NẤP GIẾNG THẨM SL: 01CK.

MC GIẾNG THẨM

THỐNG KÊ THÉP BỂ TỰ HOẠI

CẤU KIỆN	STT	Ø	CHIỀU DÀI	ST/1CK	SỐ CK	TỔNG C. DÀI	TỔNG KL
NẤP BỂ TỰ HOẠI	1	8	50 - 560 - 50	11	4	37.0	14.6
	2	8	50 - 1960 - 50	5	4	81.0	32.0
	3	8	50 - 1160 - 50	8	2	27.5	10.8
	4	8	50 - 1160 - 50	8	2	21.3	8.4
	5	8	50 - 760 - 50	7	1	21.3	8.4
	6	8	50 - 960 - 50	5	1	12.4	4.9
TỔNG KL							79.2



1. HỆ THỐNG CHIẾU SÁNG:

- DÙNG ĐÈN ỒNG ĐƠN 1.2M HÌNH QUANG ĐẸ CHIẾU SÁNG

2. LẮP ĐẶT THIẾT BỊ:

- HỘP PHÂN PHỐI ĐIỆN CÔNG TẮC, LẮP Ở ĐỘ CAO 1.3M SO VỚI SÀN NHÀ.

- TỌAN BỘ DÂY DẪN ĐƯỢC LUỒN TRONG ỒNG NHỰA, VÀ RÚT GA ĐƯỢC CHƠN NGẦM TRẦN.

3. CÁCH CÁCH CỬA THIẾT BỊ VÀ VẬT LIỆU:

- THIẾT BỊ VÀ VẬT LIỆU ĐUA VÀO CÔNG TRÌNH PHẢI MỚI, ĐỒNG BỘ VÀ TUÂN THEO CÁC TIÊU CHUẨN

TỐI THIỂU VỀ KỸ THUẬT VÀ CHẤT LƯỢNG.

- CÔNG TẮC BÊN PHẢI TẮC ĐỒNG ẨM VÀ ĐÓT KHÓAT, CÓ ĐỒNG ĐIỆN VÀ ĐIỆN ÁP ĐỊNH MỨC NHƯ ĐÁ

GHỊ RỒ TRONG BẢN VẼ LỆT KẾ THIẾT BỊ.

- CÁP VÀ DÂY DẪN LÀ LOẠI LỖI ĐỒNG, CÁCH ĐIỆN PVC, CÁCH ÁP CÁCH ĐIỆN 600V.

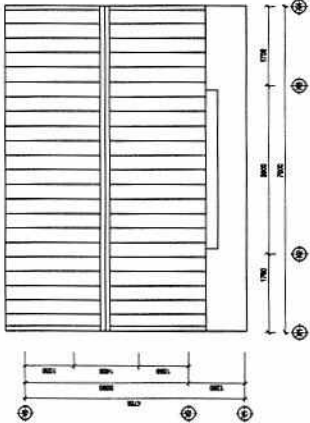
STT	TÊN THIẾT BỊ VÀ QUÝ CÁCH	ĐƠN VỊ	SỐ LƯỢNG	KÝ HIỆU
1	BÓNG ĐÈN ĐƠN 1.2M	CÁI	06	
2	APTO MAT 1 PHA 25A	CÁI	02	
3	CÔNG TẮC BA	BỘ	02	
4	BẢNG ĐIỆN	CÁI	02	
5	HỘP CHIA DÂY DẪN	CÁI	05	
6	DÂY ĐIỆN PVC/PVC LỖI ĐỒNG (1X1.5)MM ²	M	60	Dây điện Cadmi
7	DÂY ĐIỆN PVC/PVC LỖI ĐỒNG (1X2.5)MM ²	M	30	Dây điện Cadmi
8	DÂY ĐIỆN PVC/PVC LỖI ĐỒNG (1X4.5)MM ²	M	60	Dây điện Cadmi
9	ỐNG RÚT GA D16	M	30	BÌNH MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự Do - Hạnh Phúc

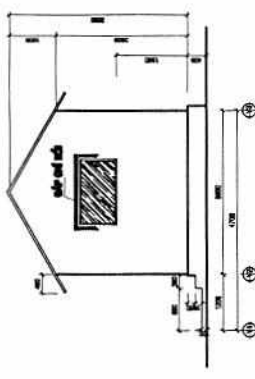
THIỆT KẾ MẪU
NHÀ VỆ SINH CẤP XÃ

ĐÁK NÔNG 2023

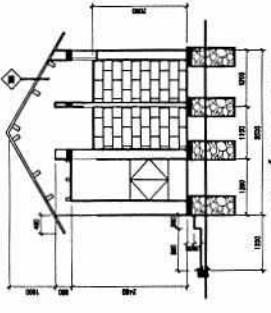




MẶT BẰNG MÃU...TL 1/100



MẶT ĐÓNG TRỤC Y1 - Y3...TL/100

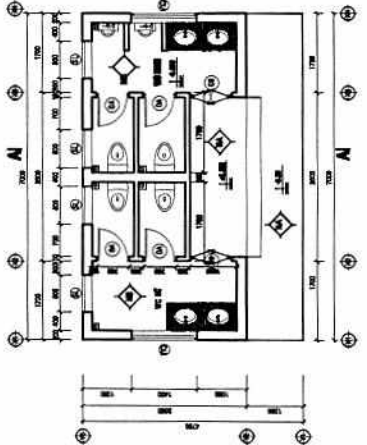


MẶT CẮT A-A TL 1/100

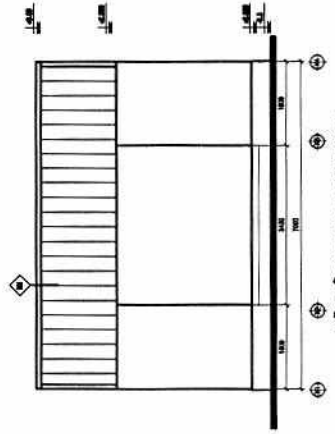
BIỂU THỨC SỬ DỤNG
 - UP: THANG MÁY VƯỜN BÀ LƯƠNG
 - TL: BẾ THANG TỰ ĐỘNG VƯỜN BÀ LƯƠNG
BIỂU THỨC SỬ DỤNG
 - THANG UP: THANG MÁY VƯỜN BÀ LƯƠNG

BIỂU THỨC SỬ DỤNG
 - UP: THANG MÁY VƯỜN BÀ LƯƠNG
 - TL: BẾ THANG TỰ ĐỘNG VƯỜN BÀ LƯƠNG
BIỂU THỨC SỬ DỤNG
 - THANG UP: THANG MÁY VƯỜN BÀ LƯƠNG

BIỂU THỨC SỬ DỤNG
 - UP: THANG MÁY VƯỜN BÀ LƯƠNG
 - TL: BẾ THANG TỰ ĐỘNG VƯỜN BÀ LƯƠNG
BIỂU THỨC SỬ DỤNG
 - THANG UP: THANG MÁY VƯỜN BÀ LƯƠNG



MẶT BẰNG...TL 1/100



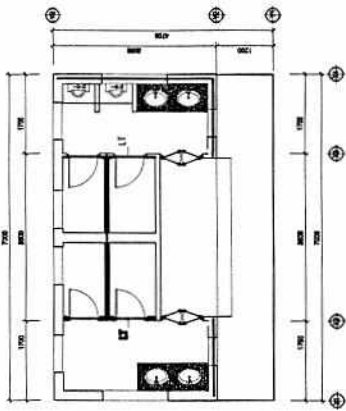
MẶT ĐÓNG TRỤC X1-X4 TL 1/100

MÔ TẢ	CỬA CHƠI CƯỜNG BỀN T CƯỜNG BÊ TỐT, KÍNH TRONG BÊN S.L.Y.
SỐ LƯỢNG	2 SÓ
KÝ HIỆU	VẠCH KÍNH (K)
HÌNH DẠNG	HÌNH DẠNG KHU THƯỚC
HÌNH DẠNG	HÌNH DẠNG KHU THƯỚC

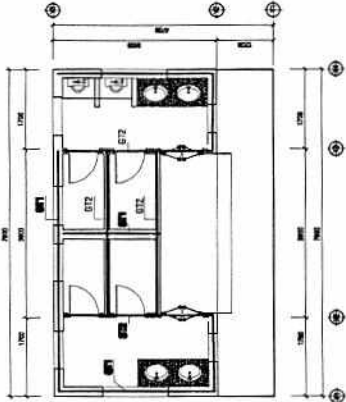
MÔ TẢ	CỬA CHƠI CƯỜNG BỀN T CƯỜNG BÊ TỐT, KÍNH TRONG BÊN S.L.Y.
SỐ LƯỢNG	2 SÓ
KÝ HIỆU	CỬA BÊ TỐT (C)
HÌNH DẠNG	HÌNH DẠNG KHU THƯỚC
HÌNH DẠNG	HÌNH DẠNG KHU THƯỚC

MÔ TẢ	CỬA CHƠI CƯỜNG BỀN T CƯỜNG BÊ TỐT, KÍNH TRONG BÊN S.L.Y.
SỐ LƯỢNG	4 SÓ
KÝ HIỆU	CỬA BÊ TỐT (C)
HÌNH DẠNG	HÌNH DẠNG KHU THƯỚC
MÔ TẢ	CỬA CHƠI CƯỜNG BỀN T CƯỜNG BÊ TỐT, KÍNH TRONG BÊN S.L.Y.
SỐ LƯỢNG	4 SÓ
KÝ HIỆU	CỬA BÊ TỐT (C)
HÌNH DẠNG	HÌNH DẠNG KHU THƯỚC

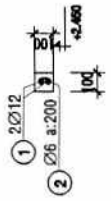




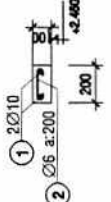
MẶT BẰNG LẠNH TỶ TỶ 1/100



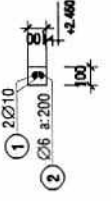
MẶT BẰNG GIẢNG ĐƯỜNG TL 1/100



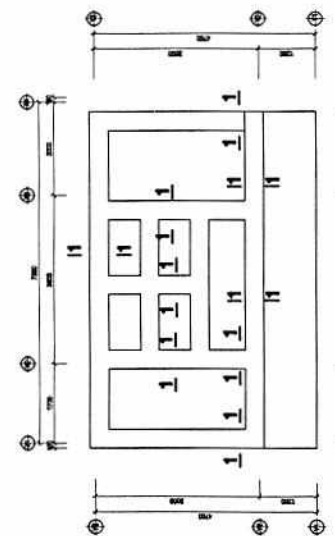
CHI TIẾT LI



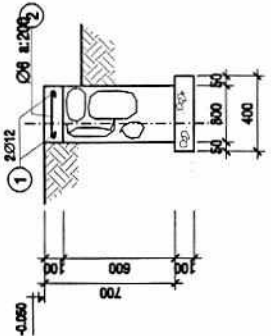
CHI TIẾT GT1



CHI TIẾT GT2



MẶT BẰNG MÔNG ĐÁ...1/100



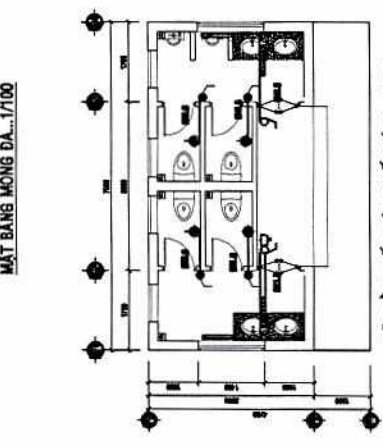
CẮT 1-1

BHI CHU KẾT CẤU MÔNG:

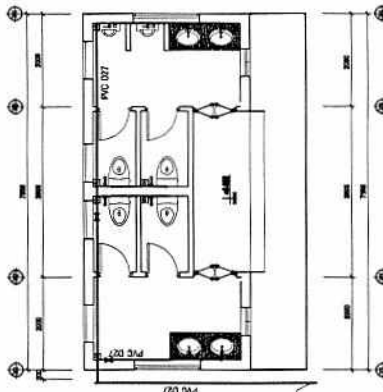
- Lấy chiều từ các trục với các trục để xác định vị trí.
- Trục 1 là trục trục chính của công trình.
- Trục 2 là trục trục chính của công trình.
- Trục 3 là trục trục chính của công trình.
- Trục 4 là trục trục chính của công trình.
- Trục 5 là trục trục chính của công trình.
- Trục 6 là trục trục chính của công trình.
- Trục 7 là trục trục chính của công trình.
- Trục 8 là trục trục chính của công trình.
- Trục 9 là trục trục chính của công trình.
- Trục 10 là trục trục chính của công trình.
- Trục 11 là trục trục chính của công trình.
- Trục 12 là trục trục chính của công trình.
- Trục 13 là trục trục chính của công trình.
- Trục 14 là trục trục chính của công trình.
- Trục 15 là trục trục chính của công trình.
- Trục 16 là trục trục chính của công trình.
- Trục 17 là trục trục chính của công trình.
- Trục 18 là trục trục chính của công trình.
- Trục 19 là trục trục chính của công trình.
- Trục 20 là trục trục chính của công trình.

BHI CHU THIẾT KẾ GIẾ:

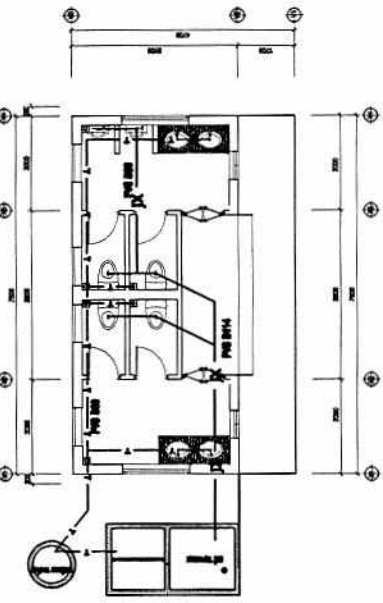
- BẢNG ĐIỆN CẤP ĐIỆN CÁC PHÒNG ĐIỆN PHÒNG DÒNG DÂY 25 mm² - DÂY ĐIỆN TỶ BẢNG ĐIỆN ĐIỆN DÒNG DÂY 15mm²
- HỆ THỐNG DÂY ĐIỆN ĐIỆN DÒNG DÂY 15mm²
- TẤT CẢ HỆ THỐNG DÂY ĐIỆN ĐIỆN DÒNG DÂY 15mm² TRONG CÔNG TRÌNH CẤP ĐIỆN CHỖ
- MỘT PHÒNG CÓ 01 APPARAT TẮM - MỘT DÂY TỤ HỢP PHẦN DÂY



MẶT BẰNG CẤP BIỆM CHIẾU SÁNG...1/100



MẶT BẰNG CẤP NƯỚC...1/100

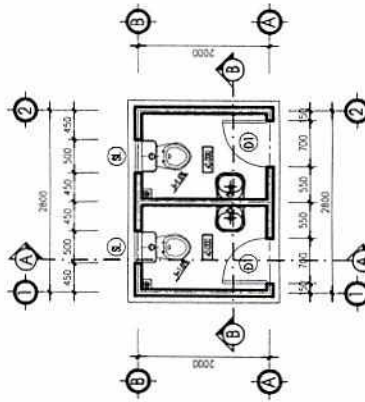


MẶT BẰNG THOÁT NƯỚC...1/100

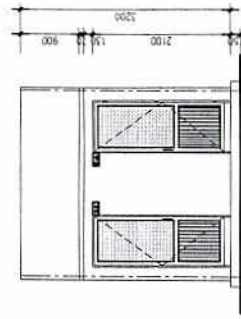
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

THIỆT KẾ MẪU
NHÀ VỆ SINH CẤP THÔN, BUỒN, BÓN

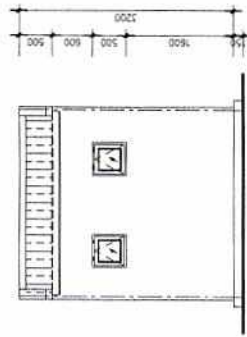
ĐÁK NÔNG 2023



MẶT BẰNG NHÀ VỆ SINH: TL: 1/50



MẶT ĐÚNG TRỰC 1-2: TL: 1/50

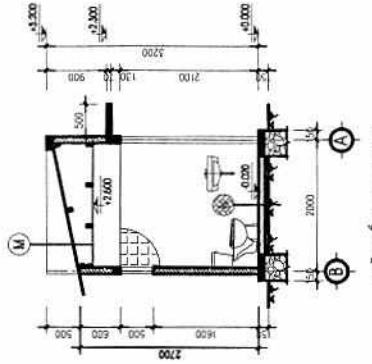


MẶT ĐÚNG TRỰC 2-1: TL: 1/50

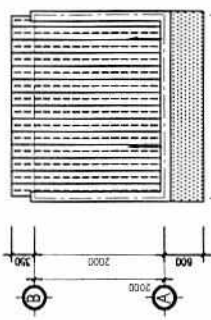
- (M) VẬT LIỆU SỬ DỤNG KƯƠNG DÂY 6.4mm
 - XÀ GỖ TẾP HỘP 4.5x10.12 (6.80)
 - CỬA SÀN KÉP HỘP 4.5x10.12 (6.80)
 - TÀN DŨNG LẠNH
- (N) NẾU LÁT GẠCH CERAMIC CHỖNG TRƯỢT 32x32x20mm
 - LỖ VỖ MẮC 8 DÂY 2mm
 - DÂY 8x157 VAN MẮC 50 DÂY 10mm (MỎ CỐC)
 - ĐÁ TẢN TÊN GIỮM CHỈ 1.0/3
 - ĐÁ TỰ NHIÊN SÀN PHÒNG, ĐỒN SỰ KỊCH



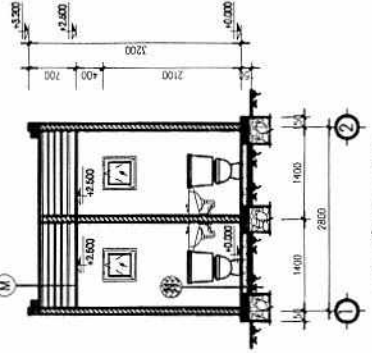
MẶT ĐÚNG TRỰC B-A-A-B: TL: 1/50



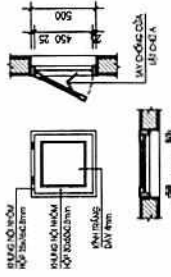
MẶT CẮT A-A: TL: 1/50



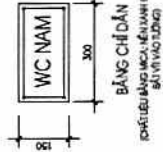
MẶT BẰNG MẮT: TL: 1/50



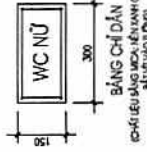
MẶT CẮT B-B: TL: 1/50



CHI TIẾT CỬA SỔ LẠT SI
 (CHUNG NHÓM KÍNH MỎ: SI (2 BỐ))



BẢNG CHỈ DẪN
 WC NAM
 (CHẾ GIỚI BẢNG MỎ: MỎ NHỎ (2 BỐ)
 BẢNG VẬT LIỆU ĐÓNG)



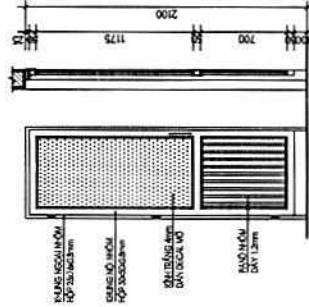
BẢNG CHỈ DẪN
 WC NỮ
 (CHẾ GIỚI BẢNG MỎ: MỎ NHỎ (2 BỐ)
 BẢNG VẬT LIỆU ĐÓNG)

MẶT BẰNG SÀN BÊ TÔNG

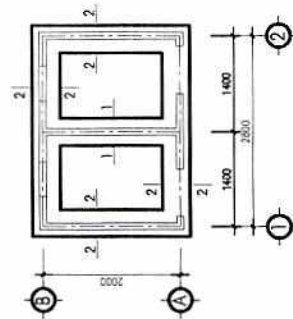
- BÊ TÔNG DẪY 12 MẮC 200 DÂY 8M, CẮT 100X100 CÔNG KÍNH 100mm.
- ĐẦU KINH HOẢNG CÁCH 3M
- BÊ TÔNG LỚT DẪY 4/8 VAN MẮC 50 DÂY 10
- ĐÁ TỰ NHIÊN SÀN ĐÁ TẢN TÊN ĐỒN SỰ KỊCH



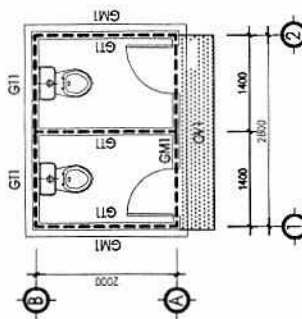
CHI TIẾT SÀN BÊ TÔNG LẮM MỎ



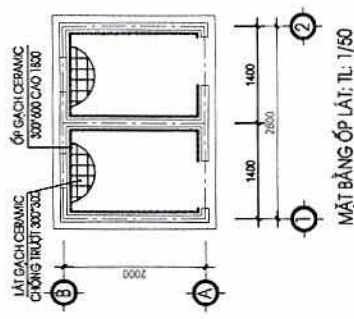
CHI TIẾT CỬA ĐI ĐI
 (CHUNG NHÓM KÍNH MỎ: SI (2 BỐ))



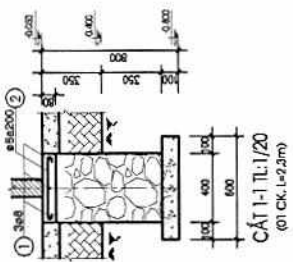
MẶT BẰNG MÓNG: TL: 1/50



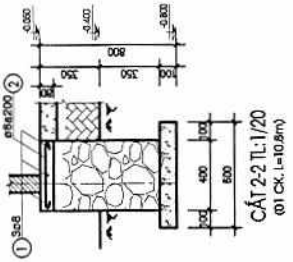
MẶT BẰNG GIẾNG TƯỜNG, GIẾNG MÁI, Ó VĂNG: TL: 1/50



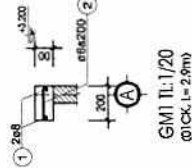
MẶT BẰNG ỐP LÁT: TL: 1/50



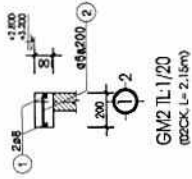
CẮT 1-1 TL: 1/20
(Ø1 CK: L=2,3m)



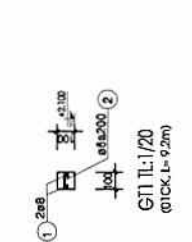
CẮT 2-2 TL: 1/20
(Ø1 CK: L=10,8m)



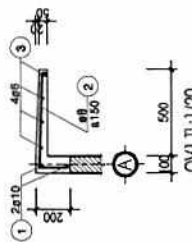
GM1 TL: 1/20
(Ø1 CK: L=2,9m)



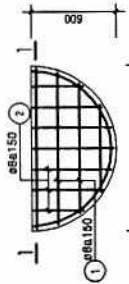
GM2 TL: 1/20
(Ø2 CK: L=2,15m)



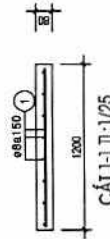
GV1 TL: 1/20
(Ø1 CK: L=9,2m)



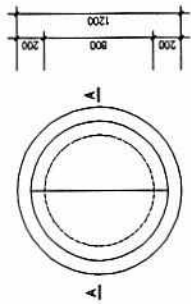
GV2 TL: 1/20
(Ø1 CK: L=2,9m)



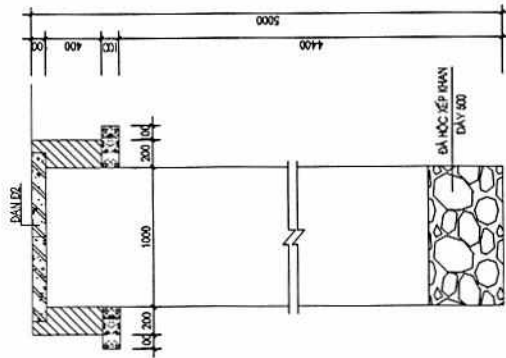
NÁP DAN D2 (Ø2CK)



CẮT 1-1 TL: 1/25



MẶT BẰNG GIẾNG THẨM



CẮT A-A TL: 1/25

GHI CHÚ:

- LỚT MÓNG BẰNG ĐÁ VỎ VÀ MĂNG MẮC BỎ
- MÓNG XÂY ĐÁ HỐC VÀ HỐC VỖ MĂNG MẮC 75, TRÁI VÀ XÍ MĂNG MẮC 75 ĐAY 15
- CÁC CẦU LÊN BKT ĐỪNG BỀ TƯỜNG ĐÁ 12 MẮC 20
- CỐT TIẾP CỘ ĐƯỜNG ĐINH NHỎ HƠN 10mm ĐỒNG TIẾP M, TIẾP CỘ ĐƯỜNG ĐINH TỰ 10mm ĐỒNG TIẾP M

BẢNG THỐNG KÊ CỐT THÉP

ĐỒ	SỐ	HẸU	PHẦN ĐANG KẾ THẠC	DIỆN TÍCH	DIỆN TÍCH	DIỆN TÍCH	TỔNG
			(M ²)	(M ²)	(M ²)	(M ²)	(M ²)
Ø10	1	1	12,00	12,00	12,00	12,00	12,00
Ø12	1	1	12,00	12,00	12,00	12,00	12,00
Ø14	1	1	12,00	12,00	12,00	12,00	12,00
Ø16	1	1	12,00	12,00	12,00	12,00	12,00
Ø18	1	1	12,00	12,00	12,00	12,00	12,00
Ø20	1	1	12,00	12,00	12,00	12,00	12,00
Ø22	1	1	12,00	12,00	12,00	12,00	12,00
Ø24	1	1	12,00	12,00	12,00	12,00	12,00
Ø26	1	1	12,00	12,00	12,00	12,00	12,00
Ø28	1	1	12,00	12,00	12,00	12,00	12,00
Ø30	1	1	12,00	12,00	12,00	12,00	12,00
Ø32	1	1	12,00	12,00	12,00	12,00	12,00
Ø34	1	1	12,00	12,00	12,00	12,00	12,00
Ø36	1	1	12,00	12,00	12,00	12,00	12,00
Ø38	1	1	12,00	12,00	12,00	12,00	12,00
Ø40	1	1	12,00	12,00	12,00	12,00	12,00
Ø42	1	1	12,00	12,00	12,00	12,00	12,00
Ø44	1	1	12,00	12,00	12,00	12,00	12,00
Ø46	1	1	12,00	12,00	12,00	12,00	12,00
Ø48	1	1	12,00	12,00	12,00	12,00	12,00
Ø50	1	1	12,00	12,00	12,00	12,00	12,00

TỔNG HỢP CỐT THÉP

ĐỒ	SỐ	HẸU	TỔNG
Ø10	1	1	12,00
Ø12	1	1	12,00
Ø14	1	1	12,00
Ø16	1	1	12,00
Ø18	1	1	12,00
Ø20	1	1	12,00
Ø22	1	1	12,00
Ø24	1	1	12,00
Ø26	1	1	12,00
Ø28	1	1	12,00
Ø30	1	1	12,00
Ø32	1	1	12,00
Ø34	1	1	12,00
Ø36	1	1	12,00
Ø38	1	1	12,00
Ø40	1	1	12,00
Ø42	1	1	12,00
Ø44	1	1	12,00
Ø46	1	1	12,00
Ø48	1	1	12,00
Ø50	1	1	12,00

TỔNG QUẢ LƯỢNG THÉP (Ø10 - Ø50): 12,00 T

TỔNG QUẢ LƯỢNG THÉP (Ø10 - Ø50): 12,00 T

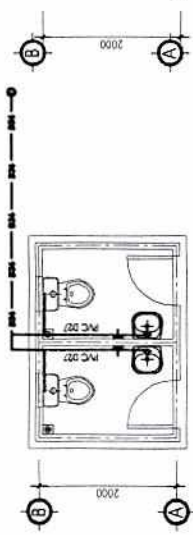
BẢNG THỐNG KÊ VẬT LIỆU NƯỚC VÀ THIẾT BỊ VỆ SINH

TT	LOẠI VẬT LIỆU	ĐƠN VỊ	SỐ L	KÝ HIỆU
1	XI BÊ-TÔ VỚI XI	ĐƠN VỊ	02	
2	PHIẾU THU NƯỚC Ø160/160	ĐƠN VỊ	02	
3	LAVABO VỚI NỒI ĐUN (GIƯỜNG SƠN+ KẾ KINH)	ĐƠN VỊ	02	
4	Vòi đồng	ĐƠN VỊ	02	
5	HỘP DUNG GIẤY VỆ SINH	ĐƠN VỊ	02	
6	HỘP DUNG VÀ BÔNG LÒI NHÃN	ĐƠN VỊ	02	
7	VAN KHÓA ĐÁ	ĐƠN VỊ	02	
8	ỐNG NHỰA PVC Ø34	m	25	
9	ỐNG NHỰA PVC Ø27	m	10	
10	CỐI Ø34 - ø27	CÁI	04	
11	CỐI Ø34	CÁI	05	
12	TÊ Ø34+27	CÁI	02	
13	TÊ Ø27	CÁI	05	
14	CỐI Ø27	CÁI	05	
15	ỐNG NHỰA PVC Ø114	m	15	
16	ỐNG NHỰA PVC Ø90	m	20	
17	ỐNG NHỰA PVC Ø60	m	04	
18	LỖ Ø114	CÁI	05	
19	LỖ Ø90-Ø60/Ø90 GIẤM 34	CÁI	02-02	
20	TÊ Ø90-Ø60-TÊ Ø90	CÁI	02+02	
21	ỐNG NHỰA PVC Ø40 DẪN TỪ TRẠM Y TẾ VỀ BÀN NƯỚC	m	110	
22	BÀN NƯỚC INOX 1 m ²	ĐƠN VỊ	01	

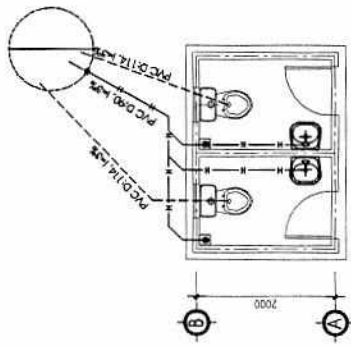
BẢNG THỐNG KÊ VẬT LIỆU ĐIỆN:

TT	QUY CÁCH	KÝ HIỆU	ĐƠN VỊ	SỐ L
1	APRƠM AT 1 PHA I = 10A		ĐƠN VỊ	01
2	HỘP ĐẦU DÂY BẮT NGÂM TƯỜNG		ĐƠN VỊ	01
3	CÔNG TẮC ĐIỆN NHỰA ĐÁT NGÂM 250V - 6A		ĐƠN VỊ	02
4	BÊN LỌN GIẤM NỐI BẠC CỘM BÔNG BEN COMPACT 220V - 15W		ĐƠN VỊ	02
5	DÂY ĐÓI RƯỢT ĐỒNG Ø2x1.5		m	20
6	DÂY ĐÓI RƯỢT BÔNG Ø2x2.5		m	40
7	ỐNG RƯỢT GA, LUỒNG DÂY		m	15

ỐNG PVC DẪN DẦU NƯỚC TỪ NGUỒN NƯỚC



MẶT BẰNG CẤP NƯỚC TL: 1/50



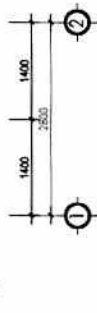
GHI CHÚ

- PHẦN CẤP NƯỚC
 - PVC Ø34 - 10A
 - ỐNG PVC Ø27 CẤP NƯỚC TRỰC CHỈNH
 - ỐNG PVC Ø27 CẤP NƯỚC TỰ TRỤC CHỈNH ĐẾN CÁC THIẾT BỊ
- PHẦN THOÁT NƯỚC
 - PHIẾU THU NƯỚC MẶT SÀN
 - ỐNG PVC Ø90 THOÁT NƯỚC THẢI RA GIẾNG THẨM
 - ỐNG PVC Ø114 THOÁT PHẢI VÀ NƯỚC THẢI RA BỂ TỰ HOẠI

THUYẾT MINH PHẦN CẤP NƯỚC:
 NGUỒN NƯỚC ĐƯỢC CUNG CẤP TỪ BÀN NƯỚC HIỆN TRẠNG.
 NƯỚC ĐƯỢC DẪN ĐẾN NHÀ VỆ SINH BẰNG ỐNG NHỰA PVC Ø34.
 ỚNG CẤP NƯỚC TRỰC CHỈNH DÙNG ỚNG PVC Ø34. CẤP NƯỚC CHO THIẾT BỊ VỆ SINH DÙNG Ø27. TOÀN BỘ ỚNG NƯỚC ĐỀU ĐÃ NGÂM TRONG NỀN NHÀ VÀ ĐÃ AM TRONG TƯỜNG.

THUYẾT MINH PHẦN THOÁT NƯỚC:
 - THOÁT NƯỚC THẢI XÍ BÊT DÙNG ỚNG NHỰA PVC Ø114.
 THOÁT VÀO BỂ TỰ HOẠI. TRƯỚC KHI THOÁT RA HỒ THẨM. THOÁT NƯỚC MẶT SÀN, LAVABO DÙNG ỚNG NHỰA PVC Ø90. THOÁT TRỰC TIẾP RA GIẾNG THẨM. ỚNG THOÁT NƯỚC TRONG NHÀ ĐẶT AM DƯỚI NỀN. ỚNG THOÁT NGOÀI NHÀ ĐẶT AM DƯỚI ĐẤT. TẤT CẢ CÁC ỚNG THOÁT NƯỚC PHẢI CÓ ĐỘ ĐỐC 3%.

MẶT BẰNG THOÁT NƯỚC TL: 1/50



BẢNG THỐNG KÊ CỐT THÉP

CẤU	SỐ	HÌNH DẠNG-KÍCH THƯỚC	SỐ THAI	SỐ CẤU	CHẾỘ Đ	TỔNG Đ	TỔNG C DÀI
DANH DỊ	1	CỬA THÀNH	8	4	2	1.200	0
	2						
002C/K	1	CỬA THÀNH	8	4	2	1.200	0
	2						

TỔNG HỢP CỐT THÉP

Đ/A/K	Đ	Đ	TỔNG
l(m)	-	19,40	19,4
TU(KG)	-	7,65	7,7

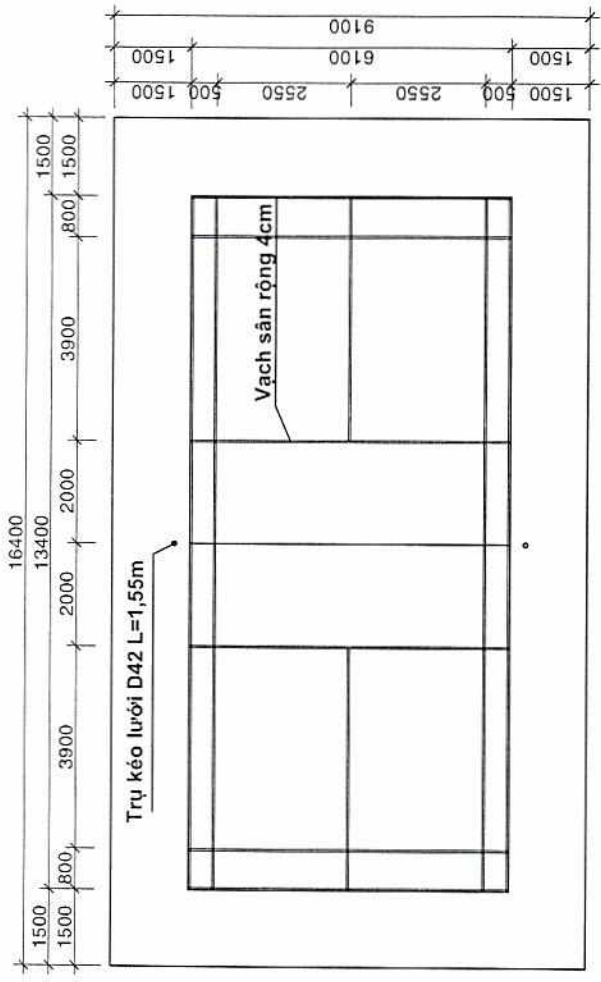
TỔNG THONG LƯỢNG THÉP CỐ Đ <- 10mm : 7,7 KG
 TỔNG THONG LƯỢNG THÉP CỐ Đ > 10mm : 0,0 KG



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự Do - Hạnh Phúc

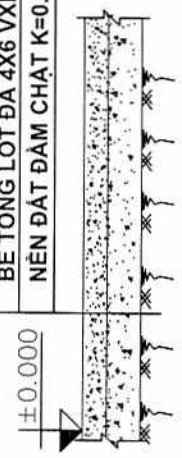
THIỆT KẾ MẪU
SÂN THỂ THAO PHONG TRÀO

ĐẮK NÔNG 2023

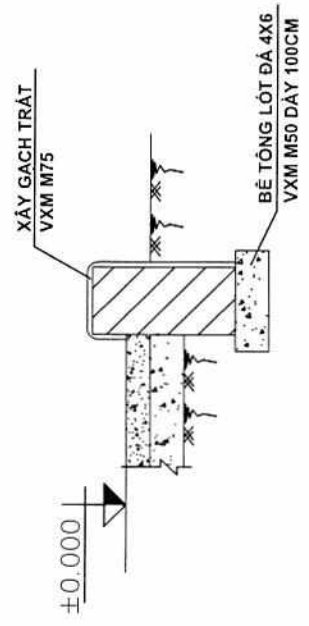


MẶT BẰNG SÂN CẦU LÔNG

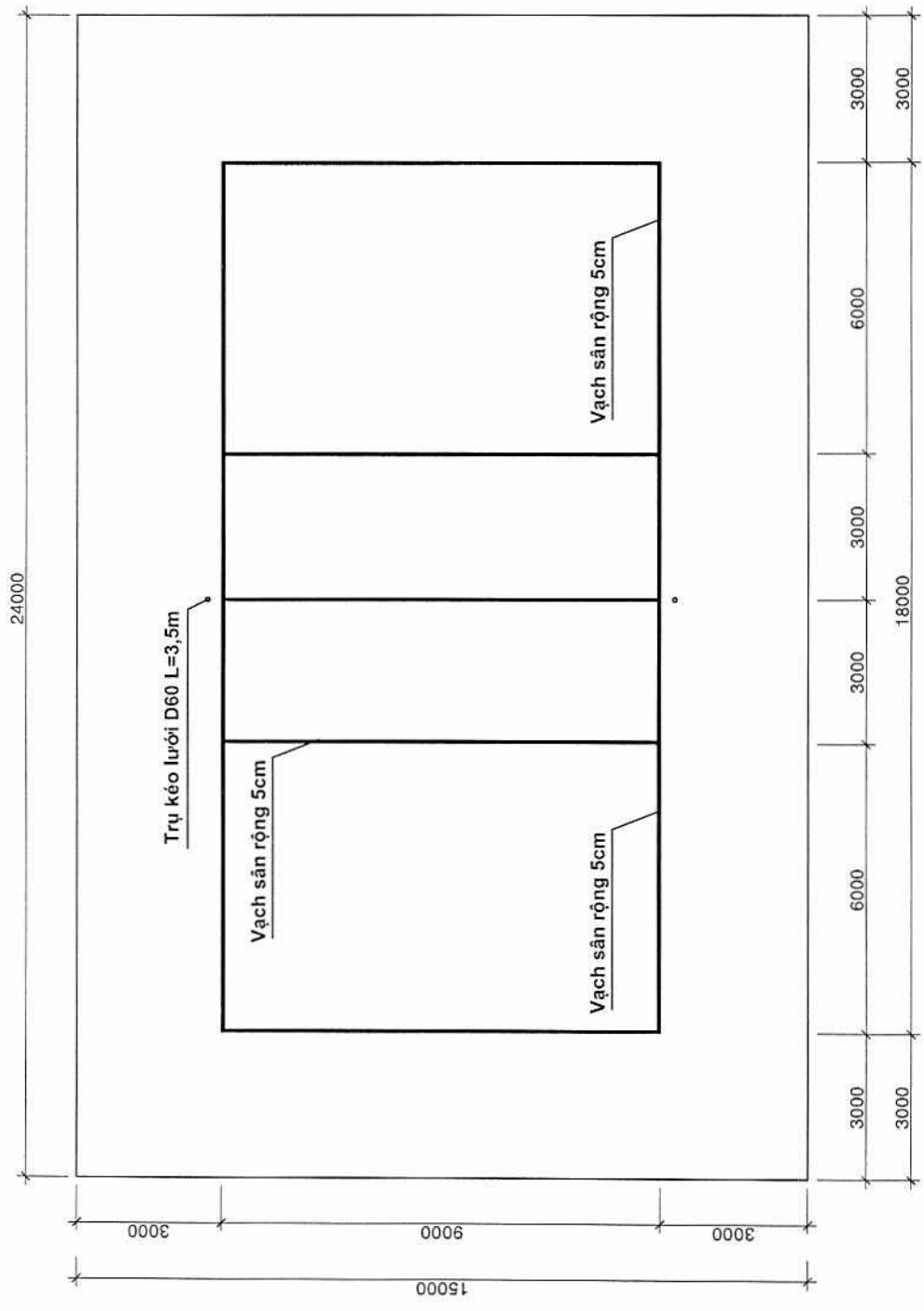
BÊ TÔNG ĐÁ 1X2 VXM M150 DÂY 70 CM
 BÊ TÔNG LÓT ĐÁ 4X6 VXM M50 DÂY 100CM
 NỀN ĐÁT ĐÁM CHẶT K=0.95



CHI TIẾT CẦU TẠO SÂN NỀN



CHI TIẾT BÓ VÍA

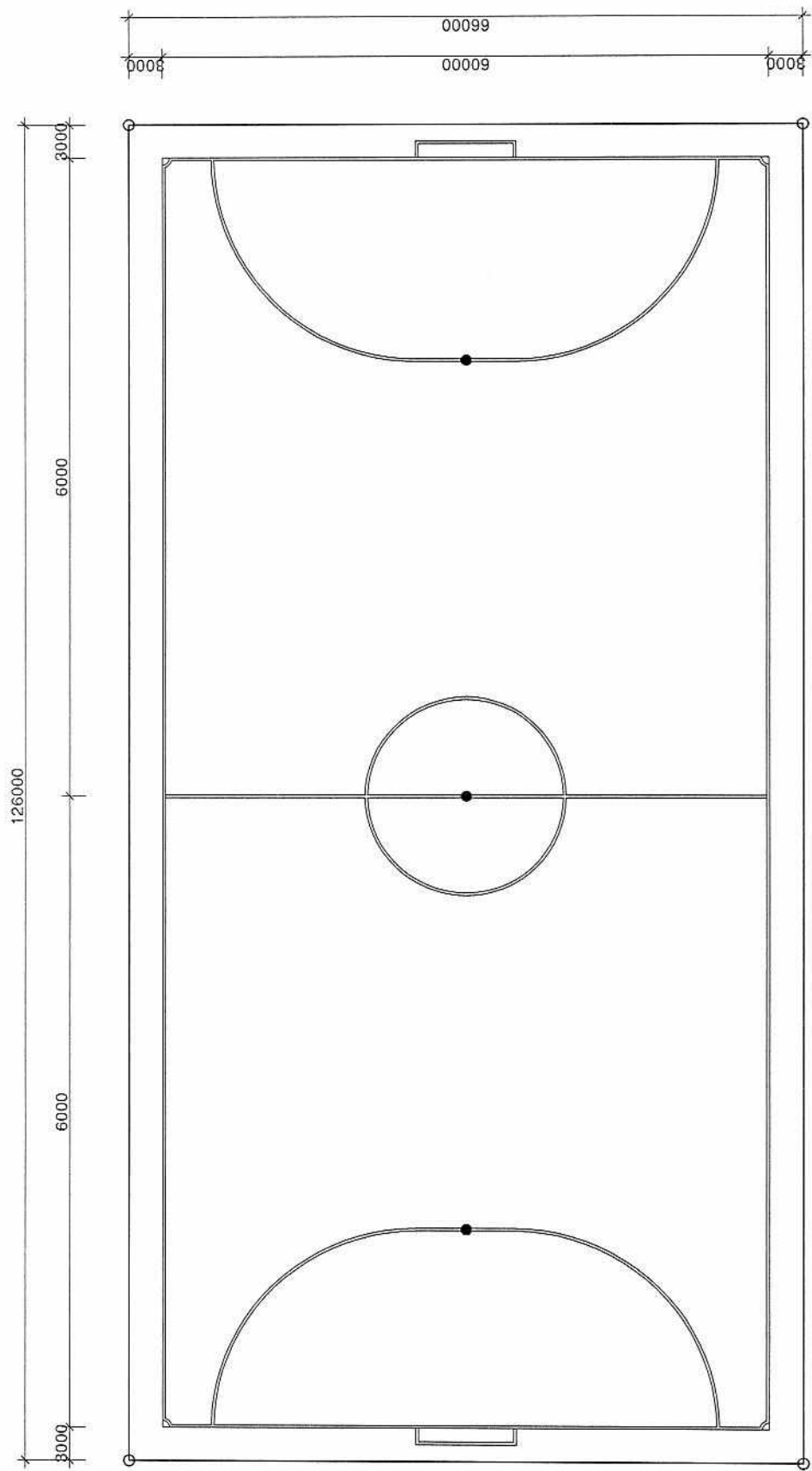


MẶT BẰNG SÂN BÓNG CHUYÊN

GHI CHÚ:

- Lưới dài 9,5m rộng 1m
- Chiều cao mép trên lưới nam là 2,43m
- Chiều cao mép trên lưới nữ là 2,24m.





MẶT BẰNG SÂN BÓNG ĐÁ

ĐÁT ĐẬP CẤP 3, K=0.95, DÀY 25MM.
 ĐÁT TỰ NHIÊN, ĐÁM CHẶT



CHI TIẾT CẤU TẠO SÂN NỀN

